



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | 2012



NIỀM TIN
FPT **1/4 THẾ**
4 KỶ

VIẾT TẮT

Hội đồng Quản trị: HĐQT

Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc: TGD/ PTGD

Cán bộ nhân viên: CBNV

Công nghệ thông tin: CNTT

Công nghệ thông tin và Viễn thông: CNTT-VT

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT: FPT IS

Công ty TNHH Phần mềm FPT: FPT Software

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT: FPT Telecom

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT: FPT Online

Công ty TNHH Thương mại FPT: FPT Trading

Trường Đại học FPT: ĐH FPT

Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT: FPT Services

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT: FPT Retail

MỤC LỤC

| | | | |
|--------------------------------------|----|---|-----|
| TÂM NHÌN | 05 | Các sự kiện nổi bật 2012 | 30 |
| | | Báo cáo của HĐQT | 32 |
| THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT | 06 | Báo cáo của Ban điều hành | 34 |
| TỔNG QUAN FPT | 09 | ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH 2013 | 53 |
| 25 năm hình thành và phát triển | 10 | | |
| Văn hóa doanh nghiệp | 12 | QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI | 61 |
| FPT toàn cầu | 14 | Quản trị công ty | 62 |
| Ngành nghề kinh doanh | 16 | Quan hệ nhà đầu tư | 70 |
| Sơ đồ tổ chức | 18 | Trách nhiệm xã hội | 78 |
| Giới thiệu Ban lãnh đạo | 20 | | |
| ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG FPT 2012 | 25 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH DANH BẠ CÔNG TY | 83 |
| Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2008-2012 | 26 | | 126 |

TÂM NHÌN

"FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần".



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRƯỞNG GIA BÌNH
CHỦ TỊCH HĐQT

"CHÚNG TA ĐANG CÓ MỘT SÂN CHƠI CÔNG NGHỆ LỚN, THỎA SỨC CHO MỌI KHÁT KHAO CHINH PHỤC TRÍ TUỆ VÀ CÔNG NGHỆ. FPT SẼ LÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ TỐT, THU HÚT ĐƯỢC NHIỀU CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ, CÁC BẠN TRẺ THAM GIA. VỊ THẾ CỦA TẬP ĐOÀN SẼ ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CÓ TRÌNH ĐỘ CAO VÀ MỘT TÀI SẢN PHÁT MINH, SÁNG CHẾ GIÚP FPT CÓ LỢI THỂ CẠNH TRANH LÂU DÀI".



Kính thưa Quý Cổ đông,

2012 là năm đặc biệt khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam. Tuy vậy, với nỗ lực của HĐQT, Ban Điều hành và của mỗi CBNV, Tập đoàn FPT đã kết thúc năm 2012 với mức doanh thu đạt 25.350 tỷ đồng, tương đương trên 1,2 tỷ USD. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2.407 tỷ đồng và 1.985 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.540 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 5.665 đồng. Trong năm, Tập đoàn cũng đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%.

Năm 2012, bên cạnh nỗ lực kinh doanh, chúng ta đã xây dựng được những nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển sắp tới.

Đó là quyết tâm đẩy mạnh đầu tư cho công nghệ. FPT dành 5% lợi nhuận trước thuế cho nghiên cứu phát triển, bổ nhiệm Giám đốc Công nghệ đầu tiên và thành lập Hội đồng Công nghệ bao gồm những chuyên gia hàng đầu của Tập đoàn. Trong đó tập trung nghiên cứu sản phẩm, giải pháp theo xu hướng công nghệ mới của thế giới – Công nghệ di động, Điện toán đám mây, Dữ liệu lớn và giải pháp cho các bài toán hạ tầng thông minh của Việt Nam.

Đó là việc tiếp tục mở rộng thị trường. 2012, FPT đã có mặt ở 46 tỉnh thành và hiện diện ở 14 quốc gia trên thế giới.

Hạ tầng viễn thông được chú trọng đầu tư. Năm 2012, lần đầu tiên FPT sở hữu tuyến đường trục Bắc Nam dài 4.000 km, giúp FPT chủ động về hạ tầng – nền tảng quan trọng cho chất lượng dịch vụ và tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Việc tái cấu trúc tổ chức, đầu tư sâu cho công nghệ và nhân lực trong hai năm 2011-2012 đã đưa mảng xuất khẩu phần mềm của FPT tăng trưởng trở lại mức 34%. Thị trường Nhật Bản lớn nhất của FPT Software tăng trưởng 36%, thị trường Mỹ tăng trưởng 74%. Ở Châu Âu, FPT Software mở thêm công ty tại Đức với quyết tâm đưa thị trường Châu Âu trở thành một trong "kiềng ba chân" bên cạnh thị trường Nhật Bản và Mỹ. Các dịch vụ mới như BPO, Công nghệ di động và Điện toán đám mây cũng đón nhận tín hiệu tích cực từ thị trường và khách hàng với những hợp đồng đầu tiên trong năm 2012.

Thưa Quý cổ đông,

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn. Nhưng FPT sẽ quyết tâm vượt qua mọi thách thức và hoàn thành các mục tiêu đề ra với tinh thần nỗ lực cao nhất. Bởi 2013 là một năm đặc biệt với mỗi người FPT - ngày 13/9/2013, FPT tròn 25 tuổi. Đây là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển và là năm bắt đầu chặng đường chinh phục đỉnh cao mới của FPT: trở thành Tập đoàn toàn cầu hàng đầu về dịch vụ thông minh.

Cứ 10 năm công nghệ thế giới lại có bước nhảy. Bước nhảy đó sẽ giúp ngành CNTT tăng trưởng gấp 10 lần. Từ năm 2010 là bước nhảy của Công nghệ di động. Con người sẽ làm mọi việc vào bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu trên một thiết bị thông minh di động, thay cho máy tính để bàn và máy tính xách tay như hiện nay. Công nghệ thông minh (smart) bao

gồm: Công nghệ di động, Điện toán đám mây và Dữ liệu lớn. Công nghệ di động là xu hướng không thể đảo ngược trong tương lai 20 năm tới và làm thay đổi phong cách sống, học tập và làm việc của nhân loại.

Điện tử đã giúp hình thành nên Nhật Bản và Đài Loan. Sự cố máy tính năm 2000 (Y2K) đã tạo ra cường quốc phần mềm Ấn Độ. Xu hướng công nghệ thông minh sẽ tạo ra cơ hội chưa từng có cho Việt Nam.

Nghị quyết 13 của Trung ương Đảng và Nghị quyết 16 của Chính phủ năm 2012 coi CNTT là hạ tầng của hạ tầng, đưa CNTT đi sâu vào đời sống xã hội như chính phủ điện tử, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, giảm ách tắc giao thông.

Cơ hội lớn về sự dịch chuyển hạ tầng công nghệ trên thế giới và sự nhìn nhận mới về vai trò của CNTT ở Việt Nam sẽ giúp FPT tạo dựng vị thế về công nghệ trong 05 năm tới: đơn vị cung cấp các giải pháp hạ tầng thông tin dựa trên nền tảng công nghệ di động hàng đầu quốc gia, với những sản phẩm, dịch vụ tác động đến nhiều triệu người sử dụng Việt Nam.

Chúng ta có đủ nền tảng để nắm bắt được cơ hội này. FPT đang có thể mạnh mà ít công ty ở Việt Nam có được là độ bao phủ khách hàng thông qua tất cả các màn hình họ thường sử dụng như PC, phone, tablet và TV, cũng như kiểm soát tốt công nghệ từ dịch vụ, ứng dụng, hệ điều hành đến thiết bị di động, bộ vi xử lý. Điều này sẽ giúp FPT tạo được vị thế cạnh tranh tốt trong tương lai và cơ hội để FPT tham gia vào các hệ sinh thái công nghệ lớn trên thế giới.

Chúng ta đang có một sân chơi công nghệ lớn, thỏa sức cho mọi khát khao chinh phục trí tuệ và công nghệ. FPT sẽ là môi trường công nghệ tốt, thu hút được nhiều chuyên gia công nghệ, các bạn trẻ tham gia. Vị thế của Tập đoàn sẽ được thể hiện bằng nguồn nhân lực công nghệ có trình độ cao và một tài sản phát minh, sáng chế giúp FPT có lợi thế cạnh tranh lâu dài.

Và cuối cùng, tôi xin cảm ơn sự nỗ lực vượt khó của gần 15.000 CBNV FPT. Chúng tôi xin gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đặt vào FPT. Niềm tin, sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị là động lực để FPT chinh phục những đỉnh cao mới, hoàn thành mọi cam kết, góp phần xây dựng xã hội tri thức của Việt Nam và tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Hà Nội, tháng 1/2013

Trương Gia Bình



TỔNG QUAN

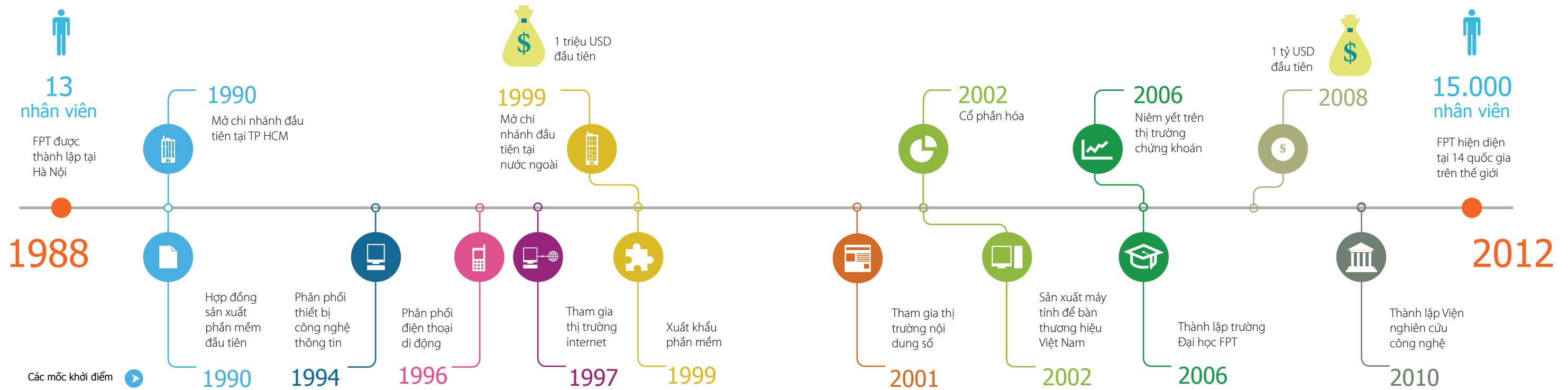
| | |
|---------------------------------|----|
| 25 năm hình thành và phát triển | 10 |
| Văn hóa doanh nghiệp | 12 |
| FPT toàn cầu | 14 |
| Ngành nghề kinh doanh | 16 |
| Sơ đồ tổ chức | 18 |
| Giới thiệu Ban lãnh đạo | 20 |

"Tôi sinh năm 1990, trở thành nhân viên FPT là một mong ước của tôi từ lúc còn trên ghế giảng đường. Tôi được biết về FPT như một tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tập hợp những người trẻ năng động. Môi trường làm việc ở đây rất tốt, tạo điều kiện tuyệt vời cho mỗi người được thể hiện mình, điều đó có ý nghĩa vô cùng lớn với một sinh viên mới ra trường như tôi. Tôi tin tưởng những người trẻ chúng tôi sẽ cùng nhau đưa tập đoàn đến những thành công mới, tiến xa hơn và vững chắc hơn".

(2013)
PHẠM TUẤN ĐẠT
FPT Information System

25 NĂM HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

25 năm đồng hành cùng ngành CNTT-VT Việt Nam và sự phát triển của Đất nước



Thành tựu ghi nhận

1990: Sản xuất phần mềm tự động hóa phòng vé máy bay

1991: Tham gia tin học hóa ngành Tài chính Ngân hàng

1998: Tham gia tin học hóa ngành Thuế; Xây dựng Hệ thống thông tin chính quyền điện tử FPT.eGov

1999: Triển khai các phần mềm cho ngành Viễn thông

2000: Tham gia tin học hóa ngành Hải quan; Triển khai phần mềm FPT.eHospital cho các bệnh viện

2006: Triển khai dự án xây dựng "Hệ thống thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc"

2011: Triển khai hệ thống phần mềm ứng dụng "Quản lý Giấy phép lái xe"

1997: 1 trong 4 ISP được cấp phép đầu tiên của Việt Nam

1999: Thành lập Trung tâm đào tạo Lập trình viên quốc tế FPT Aptech

2012: FPT Software lọt vào danh sách Top 100 nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu do Global Services (India) và NeoGroup (Mỹ) đánh giá

2001: Ra mắt báo điện tử đầu tiên của Việt Nam: VnExpress.net

2002: Ra mắt máy tính để bàn FPT Elead

2009: Ra mắt điện thoại FPT Mobile

2011: Ra mắt FPT Tablet

2012: Đại học FPT có 15.000 sinh viên, trở thành trường ĐH đầu tiên của Việt Nam đạt chuẩn 3 sao (3*) của QS Star

2012: Đầu tư nghiên cứu các xu hướng công nghệ mới Mobility, Cloud, Big data và các giải pháp CNTT Hạ tầng của hạ tầng: Chính phủ điện tử, Giao thông thông minh, Y tế thông minh

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp là vấn đề được FPT đặc biệt quan tâm. Gần ¼ thế kỷ phát triển, nhiều truyền thống và giá trị tốt đẹp đã hình thành, đưa FPT trở thành một Tập đoàn có nhiều nét văn hóa đặc sắc và độc đáo, là niềm tự hào của mỗi người FPT và đóng góp quan trọng vào thành công của FPT hôm nay.

Thông qua các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên, không những các giá trị truyền thống được duy trì và phát huy mà nhu cầu đời sống tinh thần của CBNV cũng được đáp ứng, tạo cho mọi người sự phấn khởi trong công việc kinh doanh ngày càng áp lực. Đây chính là chất keo gắn kết người FPT, thúc đẩy mỗi người FPT làm việc hăng say và cống hiến nhiều hơn cho sự phát triển của Tập đoàn.

Văn hóa FPT trước hết là văn hóa ứng xử FPT, là tinh thần mà người FPT hướng tới: người FPT “Tôn trọng cá nhân – Đổi mới – Đồng đội”, lãnh đạo FPT cần “Chí công – Gương mẫu – Sáng suốt”. Điểm khác biệt cốt lõi của FPT là chấp nhận mọi người như họ vốn có: cả mặt mạnh, mặt yếu, cả điểm tốt và không tốt. FPT luôn tôn trọng, lắng nghe và tạo điều kiện để mỗi thành viên được là chính mình. Ở FPT, cấp dưới có thể nói thẳng và trao đổi bình đẳng với cấp trên. Việc lắng nghe những ý kiến khác biệt là cách để lãnh đạo FPT tránh đưa ra những quyết định sai lầm và khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo cho nhân viên.

Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của FPT được tuyên truyền, lưu giữ và phát triển thông qua các sách sử ký, các tuyển tập, nội san Chúng ta, phim ảnh, đĩa CD, các tác phẩm văn thơ, hội họa, điêu khắc, các lễ hội truyền thống, phong trào văn hoá, thể thao, các hoạt động Đoàn...

FPT là một trong số ít các Tập đoàn Việt Nam duy trì các ngày truyền thống trong nhiều năm nay, đó là:

Ngày Vi cộng đồng (13/03) - tổ chức nhiều chương trình mang tính cộng đồng, nâng cao nhận thức và khơi dậy lòng nhân ái của toàn thể người FPT.

Ngày Hướng về Cội nguồn (dịp 10/03 Âm lịch) – tổ chức những chuyến đi về nguồn, tưởng nhớ lịch sử dân tộc; khơi gợi lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Ngày Văn nghệ FPT (19/05) - tổ chức các hoạt động văn nghệ ca múa nhạc, đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho CBNV FPT.

Ngày thành lập FPT (13/09) – tổ chức các hoạt động hội diễn và hội thao, gìn giữ giá trị truyền thống FPT.

Hội làng FPT (22/12 Âm lịch) – tổ chức mỗi khi Tết đến, với mong muốn xây dựng một không gian truyền thống lễ hội Việt và cơ hội để người FPT chia sẻ, chúc mừng sau một năm làm việc vất vả.

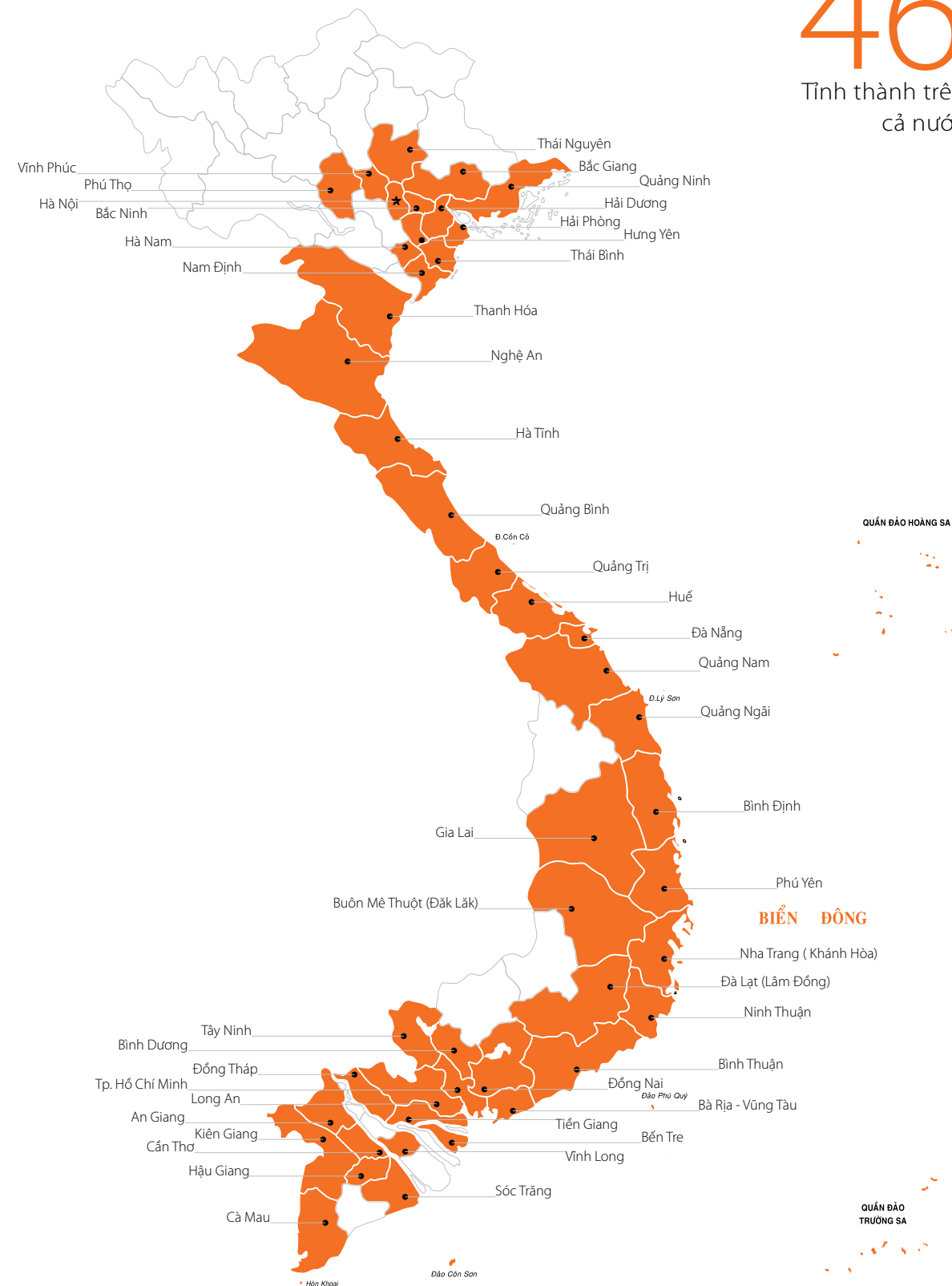
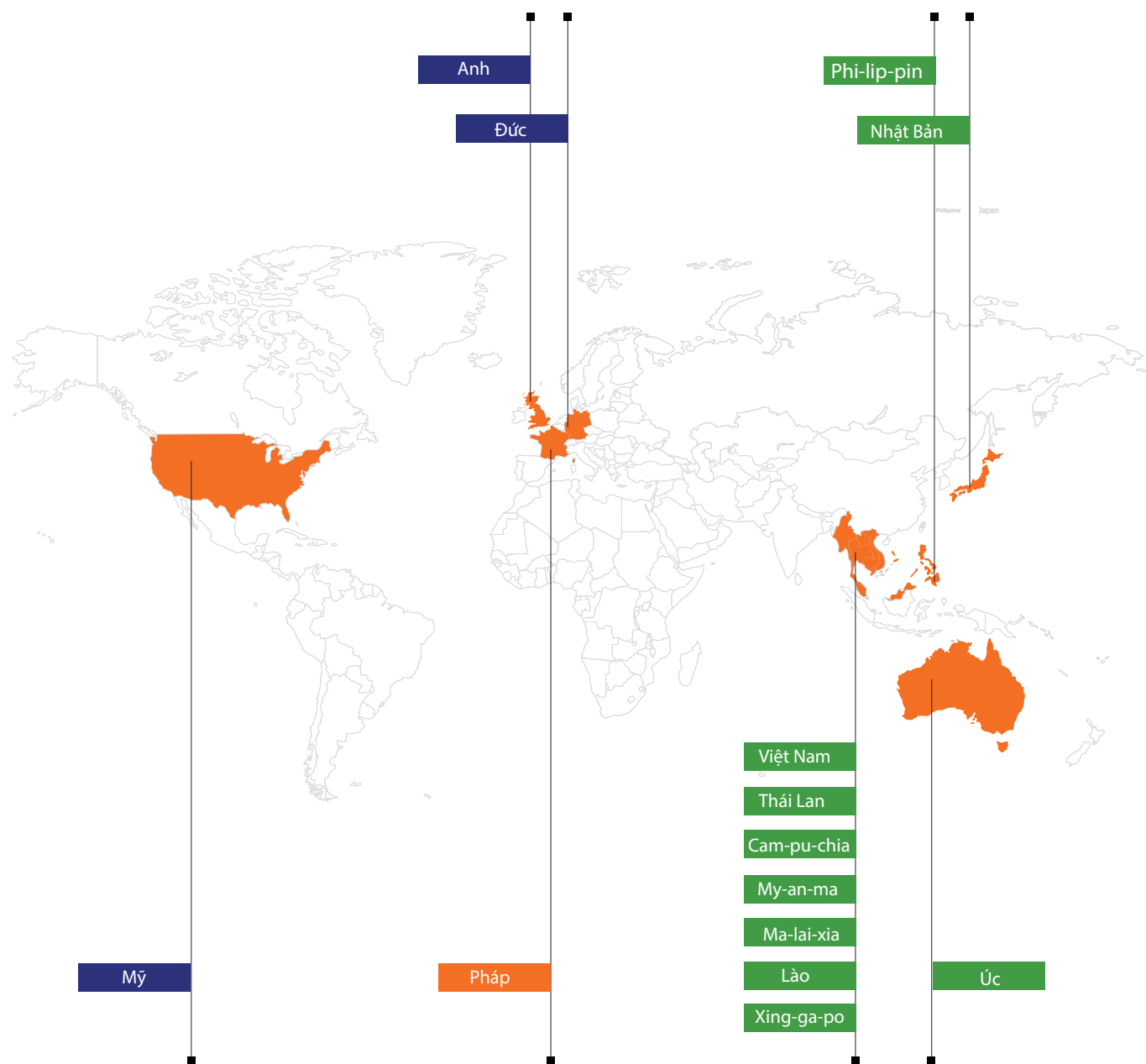
Xác định văn hóa chính là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự trường tồn của FPT nên công tác bảo tồn và phát triển văn hóa luôn luôn được chú trọng không chỉ cho giai đoạn hiện tại mà cho cả tương lai về sau. Hiện, các dự án: Bảo tàng, Tấm gương, Chép sử,... đã được FPT chủ động triển khai để gìn giữ những giá trị truyền thống quý báu mình đang có và để phát triển cho lâu dài.



VĂN HÓA FPT LÀ CHẤT KEO GẮN KẾT NGƯỜI FPT, THỨC ĐẨY MỖI NGƯỜI FPT LÀM VIỆC HĂNG SAY VÀ CỐNG HIẾN NHIỀU HƠN CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN.

FPT TOÀN CẦU

46
Tỉnh thành trên cả nước



14
Quốc gia trên thế giới đã có mặt FPT

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



➤ PHẦN MỀM

Giữ vị trí số 1 tại Việt Nam với 4.784 lập trình viên chất lượng cao.

FPT sở hữu các chứng chỉ chất lượng quan trọng: CMMi-5, ISO 27001:2005, BS7799-2:2002, ISO 9001:2008 (ISO 9001:2000)... và những chứng chỉ quan trọng nhất do các hãng công nghệ hàng đầu như Microsoft, CompTIA, IBM, Oracle, SUN... cấp.

» Xuất khẩu phần mềm

Năm 2012, FPT lọt vào Top 100 Nhà Cung cấp Phần mềm và Dịch vụ Quy trình kinh doanh hàng đầu thế giới.

Sản phẩm – dịch vụ: Điện toán đám mây (Cloud Computing), ứng dụng di động (Mobility), dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), thiết kế phần mềm nhúng cho các thiết bị điện thoại di động, phát triển ứng dụng và bảo trì, chuyển đổi công nghệ phần mềm, kiểm thử chất lượng phần mềm, xây dựng phát triển phần mềm.

FPT có hơn 180 khách hàng và đối tác là các Tập đoàn công nghệ lớn như Microsoft, IBM, HP, Sanyo, Hitachi, Panasonic, Canon, Toshiba, Boeing...

» Giải pháp, dịch vụ phần mềm

Chuyên cung cấp các giải pháp phần mềm cho các Bộ ban ngành, lĩnh vực như Chính phủ, Viễn thông, Tài chính, Giáo dục, Y tế, Giao thông; Các giải pháp Quản trị Nguồn lực doanh nghiệp (ERP) chuyên sâu trên nền tảng SAP, Oracle và People Soft...

Khách hàng đa số thuộc 3 nhóm chính: (1) Khối cơ quan Chính phủ như: Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc nhà nước, Tổng cục Dự trữ quốc gia, Tổng cục thống kê, Bộ Công an, Bộ Thông tin Truyền thông, Bộ Y tế...; (2) Khối Ngân hàng - Tài chính như: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, BIDV, Agribank,

Vietcombank...; (3) Khối Doanh nghiệp: các doanh nghiệp viễn thông, Petrolimex, Vinamilk...

➤ TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Nhiều năm liền, FPT giữ vị trí số 1 tại Việt Nam cả về quy mô doanh số, số lượng khách hàng và giá trị các hợp đồng trong lĩnh vực tích hợp hệ thống. Hầu hết những hệ thống CNTT tổng thể cho các tổ chức, giữ vai trò xương sống của nền kinh tế Việt Nam, đều do FPT thiết kế, cung cấp và triển khai.

Các dịch vụ gồm: Dịch vụ hạ tầng CNTT, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, hệ thống mạng, bảo mật, lưu trữ, máy chủ, dịch vụ triển khai các giải pháp ngân hàng, chứng khoán và viễn thông, các hệ thống thanh toán, giám sát, các thiết bị đặc chủng cho ngành ngân hàng như ATM, POS...

FPT là đối tác cấp cao nhất của các nhà cung cấp lớn nhất thế giới: Cisco, IBM, HP, Microsoft, Oracle, SAP, Dell, Juniper, NCR... và sở hữu hàng ngàn chứng chỉ công nghệ quốc tế của các nhà cung cấp giải pháp và dịch vụ hàng đầu thế giới.

Khách hàng đa số thuộc 3 nhóm chính: (1) Khối cơ quan Chính phủ như: Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Bộ Công an, Bộ Thông tin Truyền thông...; (2) Khối Ngân hàng – Tài chính như: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank, BIDV, Agribank, Vietinbank, Ngân hàng thương mại cổ phần...; (3) Khối Doanh nghiệp: Petrolimex, VNPT, Viettel...

➤ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

FPT là nhà cung cấp dịch vụ CNTT chuyên nghiệp số 1 tại Việt Nam.

Các dịch vụ chính: Dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), Trung tâm Dữ liệu (Data Center), Dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân – Doanh nghiệp – Chính phủ, Điện toán đám mây (Cloud Computing), Chứng thực chữ ký số (CA), Bảo mật, Bảo hành - Bảo trì - Sửa chữa...

FPT hiện sở hữu hàng loạt các chứng chỉ công nghệ bắt

buộc của các hãng công nghệ lớn và là đối tác cấp cao nhất của hầu hết nhà cung cấp hàng đầu trên thế giới như: Cisco, IBM, HP, Microsoft, Oracle, SAP, Dell, NCR, Apple, Toshiba, Asus, Foxconn, Check Point, Thales, RSA, Symantec, Blue Coat, Tipping Point, SUN, Huawei, Nokia Siemens....

Các khách hàng tiêu biểu: Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Agribank, VCB, ANZ, Standard Chartered Bank, Honda, SSI, Prudential, Great Eastern Life Vietnam, Colgate, Zamil Steel, Nomura International, Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), UNDP, WHO, JICA...

➤ VIỄN THÔNG

Là 1 trong 3 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cố định, Internet hàng đầu tại Việt Nam với các sản phẩm, dịch vụ:

- » Dịch vụ Internet cá nhân và hộ gia đình:
- » Dịch vụ kết nối Internet băng thông rộng (ADSL, ADSL2+, VDSL), Dịch vụ cáp quang (FTTH)
- » Các dịch vụ giá trị gia tăng: Dịch vụ chia sẻ dữ liệu trực tuyến Fshare, Truyền hình tương tác OneTV, Thiết bị giải trí thông minh FPT Play HD
- » Dịch vụ Internet cho doanh nghiệp: Kênh thuê riêng (Internet leased-line), Viễn thông trong nước, Viễn thông quốc tế, Tên miền, Hosting...

Năm 2012, FPT đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến đường trục Bắc – Nam kéo dài từ Lạng Sơn đến Cà Mau có tốc độ thiết kế 4 terabit/giây với tổng độ dài các tuyến cáp liên tỉnh đạt 4.000 km đi qua 30 tỉnh, thành.

Hiện, FPT đã có mặt tại 46/63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc với hàng triệu người sử dụng.

➤ NỘI DUNG SỐ

FPT hiện là đơn vị quảng cáo trực tuyến số 1 tại Việt Nam, chiếm khoảng gần 50% thị trường quảng cáo trực tuyến. Top 3 nhà cung cấp trò chơi trực tuyến tại Việt Nam.

Sản phẩm, dịch vụ nổi bật: Hệ thống báo điện tử với hơn 30 triệu lượt xem mỗi ngày (Vnexpress.net, Ngoisao.net, sohoa.vnexpress.net, iOne.net, pcworld.com.vn, Gamethu.vnexpress.net), Quảng cáo trực tuyến, Hệ thống mạng quảng cáo (Adnetwork), Trò chơi trực tuyến, Thanh toán trực tuyến, Nghe nhạc trực tuyến, Thương mại điện tử Sendo.vn, mạng xã hội Banbe.net.

➤ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO

Trường ĐH FPT là đơn vị đào tạo tiên phong tại Việt Nam trong triển khai những chương trình đào tạo hiện đại theo chuẩn quốc tế.

Năm 2012, ĐH FPT là trường đại học đầu tiên của Việt Nam đạt chuẩn 3 sao của QS Stars, 1 trong 3 chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho các trường đại học trên toàn thế giới.

Trụ sở chính của ĐH FPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội) đã hoàn thành giai đoạn I (9,1 ha), đủ đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt cho hơn 3.000 sinh viên.

Hiện nay, ĐH FPT đã và đang đào tạo hơn 7.000 sinh viên chính quy khối ngành CNTT, Kinh tế - Tài chính. Trường có các đơn vị trực thuộc là Viện đào tạo Quốc tế FPT, Hệ Cao đẳng Thực hành FPT (FPT Polytechnic), Viện Quản trị Kinh doanh FPT (FSB) và Viện nghiên cứu công nghệ FPT.

➤ PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CNTT-VT

» Phân phối

Giữ vị trí số 1 ở Việt Nam, hiện có mạng lưới phân phối lớn nhất tại Việt Nam, với hơn 1.500 đại lý tại 63/63 tỉnh, thành trên toàn quốc.

FPT phân phối sản phẩm thiết bị CNTT-VT của hơn 60 hãng nổi tiếng thế giới như IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba, Oracle, Cisco, Dell, Asus, Acer, HTC, Apple, Intel, Symantec, NEC, Seagate, MSI, Foxconn, Sandisk, Logitech,...

» Sản xuất các sản phẩm công nghệ

Các sản phẩm gồm có: Máy tính để bàn Elead (từ năm 2002); Điện thoại FPT Mobile (từ tháng 06/2009) và Máy tính bảng FPT (từ tháng 10/2011).

Bên cạnh việc đầu tư cải thiện hình thức và chủng loại của các thiết bị phần cứng, FPT cũng tập trung phát triển kho ứng dụng thuần Việt F-store với hàng ngàn ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như giải trí, giáo dục...

➤ BÁN LẺ SẢN PHẨM CNTT-VT

Hệ thống bán lẻ của FPT hiện bao gồm: Hệ thống bán lẻ FPT Shop, F.Studio và F.Store by FPT.

FPT Shop là trung tâm bán lẻ đầu tiên của Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 900 : 2000 về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

FPT là công ty duy nhất có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và CES (Consumer Electronic Stores).

FPT hiện đã có 50 cửa hàng tại 24 tỉnh/thành phố trên cả nước. Dự kiến cuối năm 2013, FPT sẽ đạt 100 cửa hàng bán lẻ và tiến đến con số 150 cửa hàng vào năm 2014.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | | |
|----|----|----|
| | | 01 |
| 02 | 03 | 04 |
| 05 | 06 | 07 |

01. Ông Trương Gia Bình
02. Ông Bùi Quang Ngọc
03. Ông Đỗ Cao Bảo
04. Ông Trương Đình Anh
05. Ông Lê Song Lai
06. Bà Lê Nữ Thùy Dương
07. Ông Jean-Charles Belliol



01. Ông **TRƯƠNG GIA BÌNH**

Thành viên sáng lập - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ông tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, ĐH Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982. Năm 1991, ông được nhà nước công nhận danh hiệu Phó Giáo sư. Sáng lập ra FPT năm 1988, trong suốt quá trình phát triển của FPT, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng vượt bậc của FPT. Hiện ông đang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) và Ủy viên Hội đồng cạnh tranh quốc gia.



02. Ông **BÙI QUANG NGỌC**

**Thành viên sáng lập
Phó Chủ tịch HĐQT**

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, ĐH Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986. Ông là chuyên gia hàng đầu về CNTT của FPT từ những năm 1990 và được bình chọn là một trong 10 lãnh đạo CNTT (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương (2005). Hiện, ông cũng đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ FPT.



03. Ông **ĐỖ CAO BẢO**

**Thành viên sáng lập
Ủy viên HĐQT**

Ông tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984. Từ năm 1994, với vai trò lãnh đạo cao nhất của FPT IS, ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và liên tục dẫn đầu thị trường tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm và dịch vụ CNTT tại Việt Nam. Ông là Chủ tịch Công ty FPT IS, Chủ tịch Ủy ban Tổ chức cán bộ FPT, Phó Chủ tịch Hiệp hội An toàn Bảo mật thông tin Việt Nam khóa 1 (2008-2012), Ủy viên BCH Hội tin học Việt Nam khóa 06 (2007-2011) và khóa 7 (2011-2014).



04. Ông **TRƯƠNG ĐÌNH ANH**

Ủy viên HĐQT

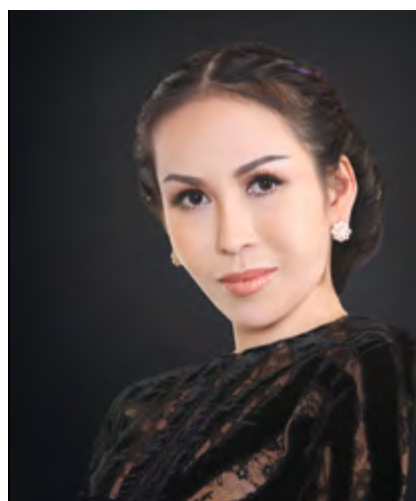
Ông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992. Ông gia nhập FPT từ năm 1993. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) dưới sự điều hành của ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam. Ông là cha đẻ của mạng Intranet đầu tiên, có nhiều người dùng nhất ở Việt Nam (Trí Tuệ Việt Nam - TTVN) và là một trong những người sáng lập VnExpress.net - tờ báo điện tử hàng đầu Việt Nam. Hiện, ông cũng là Ủy viên HĐQT FPT Telecom.



05. Ông **LÊ SONG LAI**

Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Luật tại Trường ĐH Quốc gia Hà Nội năm 1998 và Trường ĐH Tổng hợp Cambridge (Anh) năm 1999. Ông hiện đang là Phó TGD Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Ông được Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, cổ đông lớn nắm giữ 6,16% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 13/3/2012), để cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017.



06. Bà **LÊ NỮ THÙY DƯƠNG**

Ủy viên HĐQT

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Quản lý Maastricht (Hà Lan) năm 2003 và hiện đang làm luận án tốt nghiệp Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh tại Viện Công nghệ Châu Á AIT (Thái Lan). Bà đang là TGD Công ty Cổ phần May Huy Hoàng, Phó TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Golf Long Thành, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiên Đức. Bà được Orchid Fund, cổ đông lớn nắm giữ 9,8% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 13/3/2012), để cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017.



07. Ông **JEAN-CHARLES BELLIOL**

Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Ecole Supérieure de Commerce de Reims (Pháp). Ông Jean-Charles đã làm việc ở Việt Nam 11 năm với vai trò là TGD một ngân hàng nổi tiếng của Pháp tại Việt Nam. Ông là chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng với 23 năm kinh nghiệm về tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án. Hiện, ông là Tham tán Thương mại Pháp, Trưởng đại diện của Trí Tín International Hà Nội (TTI). Ông được Red River Holdings, cổ đông lớn nắm giữ 5,26% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 13/3/2012), để cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



01. Ông TRƯƠNG GIA BÌNH
Tổng Giám Đốc

Ông là một trong 13 sáng lập viên của FPT và trực tiếp điều hành công ty trên cương vị Tổng giám đốc suốt hơn 20 năm đầu (1988 – 2009). Dưới sự dẫn dắt của ông, từ 13 thành viên ban đầu, FPT đã trở thành Tập đoàn CNTT-VT hàng đầu Việt Nam, đạt doanh thu 1 tỷ USD vào năm 2008.

Tháng 4/2009, ông bàn giao chức vụ cho Tổng giám đốc thế hệ thứ hai theo lộ trình chuyển giao thể hệ lãnh đạo và tập trung cho công việc quản trị, định hướng chiến lược tập đoàn.

Tháng 9/2012, HĐQT FPT thống nhất bầu ông trở lại điều hành nhằm đảm bảo Tập đoàn tiếp tục phát triển ổn định và chuẩn bị tốt hơn cho sự chuyển giao thể hệ lãnh đạo trong thời gian tới.

02. Bà CHU THỊ THANH HÀ
Phó Tổng Giám Đốc

Bà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2006.

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Tham gia FPT Telecom từ ngày đầu thành lập, bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Internet (2003); PTGD FPT Telecom (2005); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009).

Hiện bà đang là Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

03. Ông NGUYỄN THẾ PHƯƠNG
Phó Tổng Giám Đốc

Ông tốt nghiệp ĐH Ngoại thương năm 1999.

Ông gia nhập FPT tháng 8/2000 và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính, kế toán FPT theo chuẩn quốc tế.

Gần 13 năm qua, ông đã đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các lĩnh vực tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính và có nhiều đóng góp cho FPT.

Hiện, ông đang là GD Tài chính FPT.

04. Ông NGUYỄN LÂM PHƯƠNG
Giám Đốc Công nghệ FPT

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Ngành kỹ thuật hệ thống, trường ĐH Năng lượng Matxcova (Nga) năm 1991 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2002.

Gia nhập FPT từ năm 1991, Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như: GD Công ty FPT Software toàn cầu, PTGD Công ty FPT IS, kiêm nhiệm GD Trung tâm Phát triển Thương mại toàn cầu thuộc FPT IS HCM, PTGD phụ trách Công nghệ FPT Software.

Hiện, ông còn là Chủ tịch Hội đồng Công nghệ trực thuộc HĐQT FPT.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



01. Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông hiện đang là Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Kinh tế. Ông tốt nghiệp ĐH Thương mại Hà Nội năm 1989, Thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, ĐH Rushmore University (Mỹ) năm 2006.

Từ năm 1997, ông làm việc tại Khoa Quản trị Kinh doanh, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Từ 13/10/2009, ông là Hiệu phó ĐH FPT.

Ông là thành viên Ban Kiểm soát FPT từ năm 2008. Được bầu làm Trưởng ban Kiểm soát FPT kể từ Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

02. Ông NGUYỄN KHẢI HOÀN
Ủy viên Ban Kiểm Soát

Ông tốt nghiệp Học viện Tài chính (Nga) năm 1999 và là Tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học (Nga) năm 2003.

Năm 2003, ông gia nhập FPT. Từ năm 2005 đến 2010, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Phần mềm FPT (FPT Software). Từ ngày 01/01/2011, ông được bổ nhiệm là PTGD phụ trách tài chính FPT Software.

03. Ông CAO DUY HÀ
Ủy viên Ban Kiểm Soát

Ông tốt nghiệp Cử nhân danh dự (chuyên ngành Kinh tế), ĐH New South Wales (Úc) và bằng Cử nhân (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng) của trường ĐH Newcastle (Úc). Ông đang là ứng cử viên trình độ III, chương trình CFA.

Hiện nay, ông đang là Phó phòng, Văn phòng điều hành Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông tham gia HĐQT và BKS một số công ty trong danh mục SCIC quản lý; đặc biệt được bầu vị trí trưởng Ban kiểm soát Công ty CP giống và cây trồng trung ương (NSC) nhiệm kỳ 2012-2017 và được bầu vào Ban Kiểm soát Công ty CP FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2012

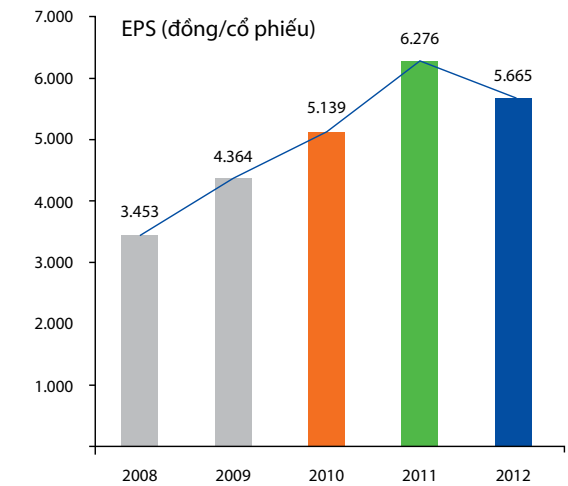
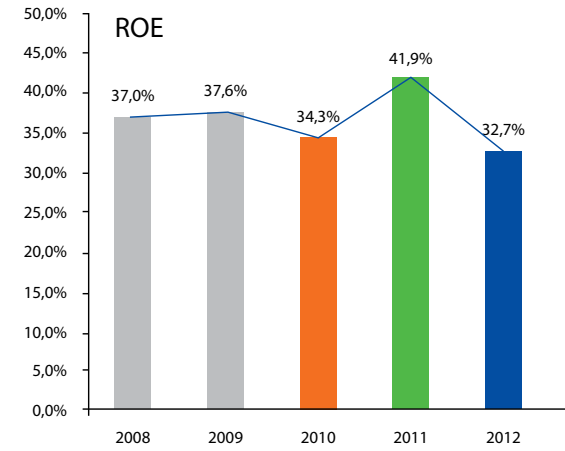
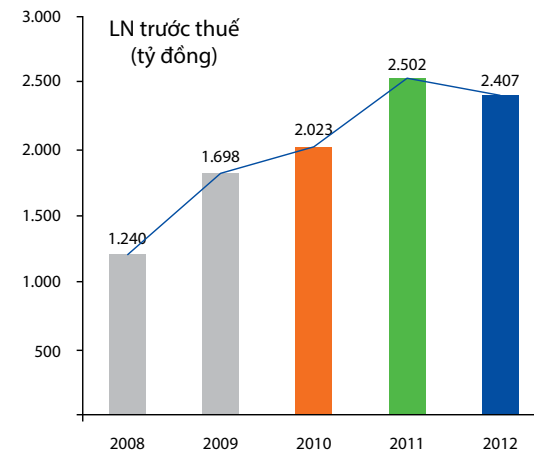
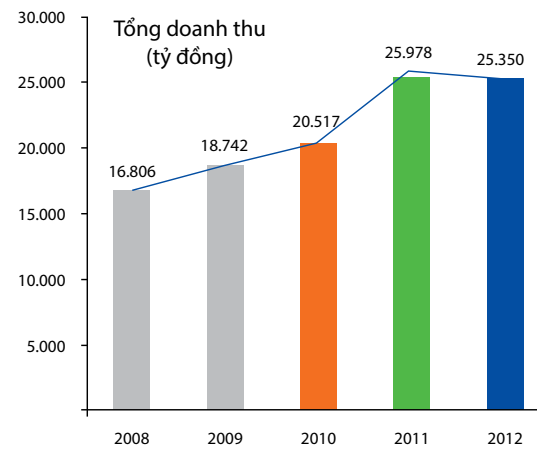
| | |
|--------------------------------------|----|
| Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2008-2012 | 26 |
| Các sự kiện nổi bật 2012 | 30 |
| Báo cáo của Hội đồng quản trị | 32 |
| Báo cáo của Ban điều hành | 34 |

"Chúng tôi rất vui mừng khi hợp tác với một tập đoàn công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam là FPT. Tôi tin tưởng sự hợp tác này sẽ phát triển hơn nữa trong thời gian tới".

(2006)
BILL GATES
Microsoft

Niềm tin của khách hàng & đối tác - Cốt yếu của thành công

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2008 - 2012

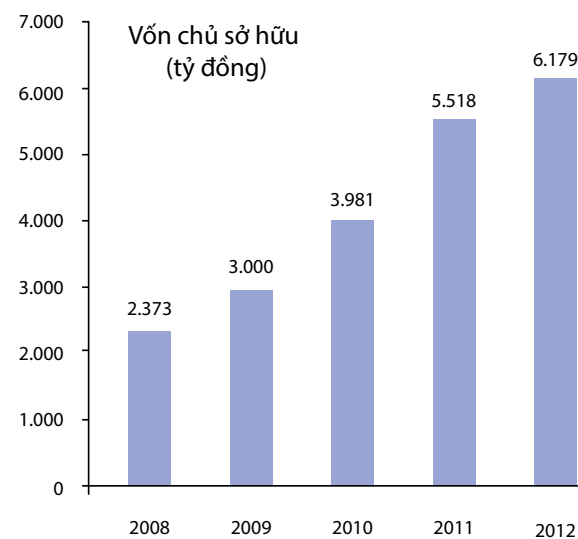


*Chú thích: Doanh thu năm 2012 không bao gồm phần doanh thu bán cho nhà phân phối khác trong lĩnh vực phân phối. Nếu loại phần doanh thu tương ứng trong năm 2011 (1.513 tỷ đồng) để so sánh tương đương, tăng trưởng doanh thu hợp nhất năm 2012 là 3,61%.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2012 ĐẠT
2.407 TỶ ĐỒNG
Top 5 công ty có lợi nhuận lớn nhất trên sàn chứng khoán

HIỆU QUẢ KINH DOANH DUY TRÌ Ở MỨC CAO TRÊN **30%**

EPS NĂM 2012 THUỘC **TOP 5** TRONG SỐ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC CHỈ SỐ VN30



VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG **160%** SAU 5 NĂM

(Đơn vị: tỷ đồng)

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Tăng/ giảm so với cùng kỳ | 2010 | Tăng/ giảm so với cùng kỳ | 2011 | Tăng/ giảm so với cùng kỳ | 2012 | Tăng/ giảm so với cùng kỳ |
|-----|-------------------|--------|--------|---------------------------------|--------|---------------------------------|--------|---------------------------------|--------|---------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 16.806 | 18.742 | 12% | 20.517 | 9% | 25.978 | 27% | 25.350 | -2% |
| 2 | LN thuần từ HĐKD | 1.191 | 1.594 | 34% | 1.877 | 18% | 2.420 | 29% | 2.318 | -4% |
| 3 | LN trước thuế | 1.240 | 1.698 | 37% | 2.023 | 19% | 2.502 | 24% | 2.407 | -4% |
| 4 | LNTT lãi vay & KH | 1.560 | 2.111 | 35% | 2.591 | 23% | 3.127 | 21% | 3.035 | -3% |
| 5 | LNTT & lãi vay | 1.320 | 1.807 | 37% | 2.261 | 25% | 2.751 | 22% | 2.635 | -4% |
| 6 | LN sau thuế | 1.051 | 1.406 | 34% | 1.692 | 20% | 2.079 | 23% | 1.985 | -5% |

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

2008 - 2012 (tiếp theo)

TỔNG TÀI SẢN

14.209
TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU

25.350
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

2.407
TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.179
TỶ ĐỒNG
TĂNG 160% SAU 5 NĂM

ROE

32,7%

EPS

5.665
ĐỒNG/ CỔ PHIẾU

CÁC CHỈ SỐ LỢI NHUẬN

(Đơn vị: tỷ đồng)

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----|--------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | Tỷ lệ Lãi gộp | 17,7% | 19,7% | 19,4% | 19,1% | 18,5% |
| 2 | Tỷ lệ EBITDA/ DT | 9,3% | 11,3% | 12,6% | 12,0% | 12,0% |
| 3 | Lãi trước Thuế/ DT | 7,4% | 9,1% | 9,9% | 9,6% | 9,5% |
| 4 | Lãi sau Thuế/DT | 6,3% | 7,5% | 8,2% | 8,0% | 7,8% |

HIỆU QUẢ QUẢN LÝ

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----|---------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | ROE | 37,0% | 37,6% | 34,3% | 41,9% | 32,7% |
| 2 | ROA | 13,0% | 14,1% | 14,6% | 15,3% | 13,8% |
| 3 | EPS (đồng/cổ phiếu) | 3.453 | 4.364 | 5.139 | 6.276 | 5.665 |

SỨC KHỎE TÀI CHÍNH

(Đơn vị: lần)

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----|----------------------------|------|------|------|------|------|
| 1 | Thanh toán Hiện thời (lần) | 1,1 | 1,3 | 1,2 | 1,3 | 1,5 |
| 2 | Thanh toán Nhanh (lần) | 1,5 | 1,6 | 1,6 | 1,0 | 1,1 |
| 3 | Vay DH/Vốn CSH (lần) | 0,0 | 0,6 | 0,5 | 0,0 | 0,0 |
| 4 | Vay DH/Tổng TS (lần) | 0,0 | 0,2 | 0,1 | 0,0 | 0,0 |
| 5 | Vốn vay /Vốn CSH (lần) | 0,5 | 1,4 | 1,1 | 0,8 | 0,5 |

(Đơn vị: tỷ đồng)

VỊ THẾ TÀI CHÍNH

| STT | Các chỉ tiêu cơ bản | 2008 | % Tổng tài sản | 2009 | % Tổng tài sản | 2010 | % Tổng tài sản | 2011 | % Tổng tài sản | 2012 | % Tổng tài sản |
|-----|------------------------|-------|----------------------|--------|----------------------|--------|----------------------|--------|----------------------|--------|----------------------|
| | Tổng tài sản | 6.125 | 100% | 10.395 | 100% | 12.305 | 100% | 14.943 | 100% | 14.209 | 100% |
| 1 | Tài sản cố định | 961 | 16% | 1.639 | 16% | 2.000 | 16% | 2.151 | 14% | 2.618 | 18% |
| 2 | Tổng nợ NH & DH | 3.227 | 53% | 6.678 | 64% | 7.255 | 59% | 8.717 | 58% | 7.115 | 50% |
| | Nợ ngắn hạn | 3.222 | 53% | 4.766 | 46% | 5.439 | 44% | 8.475 | 57% | 6.820 | 48% |
| | Vay ngắn hạn | 1.237 | 20% | 2.234 | 21% | 2.676 | 22% | 4.674 | 31% | 2.860 | 20% |
| | Phải trả ngắn hạn khác | 1.985 | 32% | 2.532 | 24% | 2.763 | 22% | 3.801 | 25% | 3.960 | 28% |
| | Nợ dài hạn | 5 | 0% | 1.912 | 18% | 1.816 | 15% | 242 | 2% | 295 | 2% |
| | Vay dài hạn | 0 | 0% | 1.892 | 18% | 1.800 | 15% | 0 | 0% | 22 | 0% |
| | Phải trả dài hạn khác | 5 | 0% | 20 | 0% | 16 | 0% | 242 | 2% | 274 | 2% |
| 3 | Vốn chủ sở hữu | 2.373 | 39% | 3.000 | 29% | 3.981 | 32% | 5.518 | 37% | 6.179 | 43% |
| | Vốn điều lệ | 1.412 | 23% | 1.438 | 14% | 1.935 | 16% | 2.161 | 14% | 2.738 | 19% |
| | Lợi nhuận để lại | 798 | 13% | 1.391 | 13% | 1.856 | 15% | 3.173 | 21% | 3.181 | 22% |

SỰ KIỆN NỔI BẬT 2012

01 FPT TELECOM XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ NÂNG CẤP BĂNG THÔNG QUỐC TẾ

02 XẾP HẠNG SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ CỦA FPT TRÊN THẾ GIỚI

03 MỞ RỘNG VÙNG PHỦ TRÊN KHẬP TỈNH THÀNH CẢ NƯỚC VÀ MỞ RỘNG THÊM NHIỀU QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI, GIÚP SẢN PHẨM DỊCH VỤ FPT ĐẾN GẦN HƠN, ĐÁP ỨNG TỐT HƠN NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.

04 FPT SỞ HỮU 7 TÒA NHÀ TẠI 3 THÀNH PHỐ LỚN

05 FPT IS TRIỂN KHAI NHIỀU DỰ ÁN CNTT LỚN

FPT TELECOM XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ NÂNG CẤP BĂNG THÔNG QUỐC TẾ

Năm 2012, FPT Telecom đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến đường trục Bắc – Nam có tốc độ thiết kế 4 terabit/giây kéo dài từ Lạng Sơn đến Cà Mau với tổng độ dài các tuyến cáp liên tỉnh đạt 4.000 km đi qua 30 tỉnh thành.



Đây là công trình hiện đại được lắp đặt đài trạm không người trực với kỹ thuật vượt trội so với những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác. Từ nay, với hệ thống này, FPT Telecom có thể chủ động trong việc khai thác và cung cấp cho khách hàng thêm nhiều dịch vụ giá trị gia tăng với chất lượng cao.

Trong năm, FPT Telecom cũng được Chính phủ chấp thuận chủ trương tham gia hợp tác đầu tư dự án Hệ thống cáp quang biển châu Á - Thái Bình Dương (APG). Đầu tư vào tuyến cáp này, FPT Telecom sẽ có thêm phương án bảo vệ và duy trì sự ổn định cho hạ tầng mạng viễn thông quốc tế.



XẾP HẠNG SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ CỦA FPT TRÊN THẾ GIỚI

Năm 2012, FPT Software là công ty phần mềm Việt Nam duy nhất lọt vào Top 100 nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu, cùng các hãng công nghệ lớn: Infosys, Unisys.... Sự kiện này đã giúp FPT nâng cao vị thế khi tiếp cận khách hàng quốc tế.

Tháng 11, ĐH FPT là trường đại học đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam được xếp hạng quốc tế 3 sao theo chuẩn QS Stars, một mặt trong ba chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho các trường đại học trên toàn thế giới.

Ngày 15/11, FPT IS đại diện Việt Nam là một trong ba quốc gia đạt giải cao nhất tại ASEAN ICT Awards 2012, với giải Vàng cho phần mềm FPT.eHospital, giải Bạc cho FPT.eGov, qua đó khẳng định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp CNTT Việt Nam trong khu vực.

MỞ RỘNG VÙNG PHỦ TRÊN KHẬP TỈNH THÀNH CẢ NƯỚC VÀ MỞ RỘNG THÊM NHIỀU QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI, GIÚP SẢN PHẨM DỊCH VỤ FPT ĐẾN GẦN HƠN, ĐÁP ỨNG TỐT HƠN NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.

FPT Software thành lập công ty tại Đức và hiện có mặt tại các nước: Nhật, Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Xing-ga-po, Ma-lai-xia, Thái Lan, Phi-lip-pin và Úc; nâng tổng số quốc gia FPT có mặt là 14 nước (bao gồm Việt Nam).

FPT Telecom mở thêm 10 chi nhánh mới, có mặt tại 46 tỉnh thành.

FPT Retail mở rộng thành công 33 cửa hàng bán lẻ (FPT Shop) trong năm 2012, nâng tổng số cửa hàng lên 50 tại 24 tỉnh/thành



phố trên cả nước. Đồng thời, FPT Retail còn phát triển chuỗi cửa hàng F.Studio, F.Store by FPT được ủy quyền và chuyên kinh doanh các sản phẩm chính hãng của Apple. Việc mở rộng một cách nhanh chóng chuỗi cửa hàng giúp FPT Retail đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua sắm của khách hàng trên toàn quốc. Dự kiến, FPT Retail sẽ có 100 – 110 cửa hàng vào cuối năm 2013 và 150 cửa hàng vào năm 2014.

FPT Trading: từ tháng 08/2012, mở rộng phạm vi phân phối các sản phẩm điện thoại của Nokia tại khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ.



FPT SỞ HỮU 7 TÒA NHÀ TẠI 3 THÀNH PHỐ LỚN

Trong năm 2012, FPT đưa cơ sở Trường ĐH FPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Tòa nhà FPT Tân Thuận tại khu chế xuất Tân Thuận, TPHCM đi vào hoạt động.

Như vậy sau 6 năm, kể từ 2007, FPT đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng 7 tòa nhà thuộc sở hữu của mình tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TPHCM. Bao gồm: Tòa nhà FPT Cầu Giấy và Cơ sở Trường ĐH FPT tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc (Hà Nội); FPT Massda (Đà Nẵng); F-Town HCM, FPT HCM và FPT Tân Thuận 1, FPT Tân Thuận 2 (TP HCM).

ĐH FPT là trường đại học đầu tiên xây trụ sở tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Với tổng diện tích 30ha được đầu tư tới 2.696 tỷ đồng, công trình hiện là một trong những dự án trọng điểm của Hòa Lạc. Đến nay, Trường đã hoàn thiện giai đoạn I trên diện tích 9,1 ha với các công trình cơ bản bao gồm giảng đường, ký túc xá, khối dịch vụ và khu thể thao đủ đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt cho hơn 3.000 sinh viên. Cơ sở Hòa Lạc sau khi hoàn thành sẽ trở thành một khu đô thị thu nhỏ dành cho sinh viên với đầy đủ dịch vụ và trang thiết bị tiện nghi đáp ứng cho 25.000 sinh viên.

FPT IS TRIỂN KHAI NHIỀU DỰ ÁN CNTT LỚN

Năm 2012, FPT IS đã khẳng định uy tín và năng lực dẫn đầu thị trường bằng việc triển khai nhiều dự án CNTT lớn, như:

- » Dự án Đổi mới hệ thống Core-Banking của Vietcombank là hợp đồng phần mềm có giá trị lớn nhất từ trước đến nay (xấp xỉ 350 tỷ đồng) mà FPT IS tham gia với tư cách tổng thầu.
- » Khởi động dự án Xây dựng Trung tâm Dữ liệu và Cổng thông tin nội bộ ngành Thống kê. Qua đó đưa ngành này đạt trình độ thống kê tiên tiến của các nước trong khu vực.



- » Triển khai dự án triển khai phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của ngành BHXH Việt Nam. Hệ thống phần mềm lõi này dự kiến phục vụ khoảng 18.000 cán bộ của ngành.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG BAN ĐIỀU HÀNH 2012

Năm 2012 là một năm thực sự khó khăn đối với nền kinh tế trong nước. GDP chỉ đạt 5,03%, thấp nhất trong vòng 13 năm trở lại đây. Nhu cầu thị trường giảm sút mạnh cộng với nhiều khó khăn cộng hưởng đã khiến số lượng doanh nghiệp phá sản tăng vọt. Điều kiện kinh tế vĩ mô không tốt ảnh hưởng tới rất nhiều lĩnh vực, trong đó có ngành CNTT-VT. Đây là năm đầu tiên trong nhiều năm ngành CNTT Việt Nam tăng trưởng âm: CNTT giảm 10-13% so với năm 2011, thị trường điện thoại di động giảm 15-20%.

Trước những diễn biến xấu của thị trường, HĐQT đã điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho sát với diễn biến kinh tế vĩ mô với mức doanh thu và lợi nhuận kế hoạch mới là 26.072 tỷ đồng và 2.547 tỷ đồng. Đồng thời, HĐQT và Ban điều hành đều thống nhất định hướng tập trung đẩy mạnh các ngành dịch vụ, tăng cường mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài và ưu tiên cho đảm bảo an toàn tài chính, không đặt mục tiêu tăng trưởng bằng mọi giá để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông.

Kết quả là, kết thúc năm tài chính 2012, tổng doanh thu của FPT đạt 25.350 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế FPT đạt 2.407 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt trên 1.540 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 5.665 đồng.

HĐQT đánh giá, với tình hình ngành CNTT-VT trong nước gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh trên dù mới xấp xỉ đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung đây là một kết quả rất đáng khích lệ và đánh giá cao sự nỗ lực vượt bậc, chỉ đạo sát sao của Ban điều hành FPT các cấp.

Bên cạnh nỗ lực kinh doanh, năm 2012 FPT cũng thực hiện thành công các định hướng chiến lược, đặt nền tảng cho sự phát triển của FPT trong tương lai.

Cụ thể, năm 2012, HĐQT đặt ra một số định hướng kế hoạch chính gồm:

- » Tiếp tục khai thác và đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi truyền thống, tập trung phát triển công nghệ.

- » Khuyến khích và thúc đẩy việc mở rộng thị trường mới, sản phẩm, dịch vụ mới.
- » Tập trung đẩy mạnh phát triển ở các lĩnh vực viễn thông, nội dung số, phần mềm, dịch vụ CNTT và đào tạo.
- » Đẩy mạnh việc kiểm soát và quản trị rủi ro.

Với các định hướng trên, năm 2012, FPT đã quy định dành 5% lợi nhuận trước thuế cho nghiên cứu phát triển. HĐQT đã bổ nhiệm Giám đốc công nghệ đầu tiên và thành lập Hội đồng công nghệ bao gồm những chuyên gia hàng đầu của Tập đoàn. Trong năm, đã có 13 dự án R&D được phê duyệt với mức đầu tư 50 tỷ đồng.

Những mảng sản phẩm dịch vụ được chú trọng đẩy mạnh trong năm 2012 đều tăng trưởng tốt. Viễn thông đạt 17%, nội dung số 60%, phần mềm 24%, dịch vụ CNTT 30% và đào tạo 28%. Đặc biệt lĩnh vực xuất khẩu phần mềm quay lại tốc độ tăng trưởng trên 30%.

FPT tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng vùng phủ trên khắp tỉnh thành cả nước và các quốc gia. Năm 2012, FPT đã có mặt thêm ở 10 tỉnh thành phố, nâng tổng số tỉnh thành FPT có cung cấp sản phẩm dịch vụ lên 46. FPT Software mở thêm công ty tại Đức với quyết tâm cao phát triển thị trường này để thị trường châu Âu thực sự trở thành một trong "kiềng ba chân" bên cạnh thị trường Nhật Bản và thị trường Mỹ. FPT đã có mặt tại 14 quốc gia trên thế giới.

Trong các lĩnh vực hoạt động, Ban điều hành các cấp cũng quyết liệt triển khai các định hướng của HĐQT, làm tiền đề cho tăng trưởng trong tương lai. Cụ thể:

FPT Telecom hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến trục Bắc-Nam đầu tiên của mình có tốc độ thiết kế 4 terabit/giây với tổng độ dài các tuyến cáp liên tỉnh đạt 4.000 km đi qua 30 tỉnh, thành phố. Bảng thông quốc tế tiếp tục được nâng cấp, với dung lượng tăng gấp 2,3 lần năm 2011.

FPT Software đẩy mạnh đầu tư cho những mảng dịch vụ mới như Mobility; Cloud; BigData, BPO và đón nhận những tín hiệu rất tích cực từ khách hàng với những hợp đồng đầu tiên trong năm 2012, hứa hẹn tốc độ tăng trưởng 3 con số trong năm tới.

Sản phẩm và giải pháp phần mềm của FPT cũng đạt những thành tích quan trọng trong năm 2012 khi hai sản phẩm tham dự ASEAN ICT Awards 2012 đều đạt giải cao: Giải Vàng cho FPT.eHospital và giải Bạc cho FPT.eGov, đưa Việt Nam trở thành một trong ba quốc gia có thành tích cao nhất. Đây là tiền đề để FPT triển khai giải pháp cho các nước trong khu vực.

FPT IS đã chứng minh năng lực và sự sẵn sàng cho việc xây dựng các bài toán xử lý dữ liệu lớn, hướng tới xu thế Big Data của ngành CNTT và cho các dự án Hạ tầng của hạ tầng quốc gia khi triển khai thành công của những dự án CNTT lớn như dự án Ứng dụng Quản lý Thuế TNCN, dự án TABMIS... và tiếp tục ký được các hợp đồng lớn như cung cấp giải pháp ứng dụng Core cho Bảo hiểm xã hội phục vụ 55 triệu người, xây dựng trung tâm dữ liệu cho Tổng cục Thống kê Việt Nam...

Năm 2012, toàn bộ hệ thống đào tạo FPT đã có 15.000 sinh viên. Trong đó, hệ cao đẳng thực hành của ĐH FPT, FPT Polytechnic là "ngôi sao sáng" với tăng trưởng 48% về số lượng sinh viên.

FPT Online đã xây dựng thành công cổng thông tin điện tử và ra mắt các phiên bản mới trên nhiều thiết bị hơn cho các cổng thông tin hiện tại, hoàn thiện mạng lưới quảng cáo ưu việt hơn cho khách hàng E-Click, làm tiền đề cho tăng trưởng trong năm 2013.

Lĩnh vực thương mại điện tử cũng được chú trọng với việc xây dựng thành công trang thương mại điện tử Sendo cùng với mạng thanh toán Senpay nhằm tạo ra một trung

tâm mua sắm uy tín số 1 về giao dịch tại Việt Nam. Tập đoàn cũng đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực này trong giai đoạn 2012-2016.

Hệ thống bán lẻ FPT đã có 50 cửa hàng trên toàn quốc và lọt vào Top 3 về độ nhận diện thương hiệu trong lĩnh vực bán lẻ.

Đây là kết quả của ý chí và quyết tâm của lãnh đạo, sự tận tụy và làm việc hết mình của mỗi CBNV FPT.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN

Năm 2012 cũng ghi nhận những thay đổi về nhân sự và công tác quản trị Tập đoàn.

HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 chỉ còn 7 thành viên (nhiệm kỳ 2007-2012 có 11 thành viên), trong đó có 3 thành viên không tham gia điều hành, đại diện cho ba cổ đông lớn là Orchid Fund, Tổng công ty kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước SCIC và Red River Holdings. Sự tham gia của các cổ đông lớn, thể hiện mong muốn đồng hành lâu dài cùng FPT trong quá trình phát triển, đóng góp cho sự ổn định và bền vững của Tập đoàn và giúp FPT nâng cao công tác quản trị theo chuẩn mực quốc tế, minh bạch và độc lập.

Ngày 26 tháng 09, ông Trương Đình Anh chính thức gửi đơn xin từ nhiệm TGD. Sau khi cân nhắc các phương án với nguyên tắc đảm bảo FPT tiếp tục phát triển ổn định và chuẩn bị tốt hơn cho sự chuyển giao một thể hệ lãnh đạo trong thời gian tới, HĐQT đã phê duyệt việc Chủ tịch HĐQT Trương Gia Bình quay lại kiêm nhiệm vị trí TGD FPT.

Năm 2012, FPT áp dụng Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard, BSC) vào hoạt động quản lý chiến lược. BSC là công cụ quản lý chiến lược được áp dụng rộng rãi trong những Tập đoàn hàng đầu thế giới. Khảo sát của Bain & Company (2009 - 2011) cho thấy hơn 50% công ty thuộc Fortune 1000 sử dụng công cụ này. Trong một nghiên cứu khác của Crabtree & DeBusk (2008) cho thấy trong vòng ba năm, doanh nghiệp áp dụng BSC đạt mức tăng trưởng thị giá cao hơn các doanh nghiệp khác từ 27% - 30%. FPT áp dụng BSC nhằm định hướng mọi hoạt động theo mục tiêu chiến lược OneFPT. Bên cạnh đó, kiểm soát chặt chẽ quá trình thực thi chiến lược, đưa ra quyết định chính xác và kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết thúc năm tài chính 2012, tổng doanh thu FPT đạt 25.350 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2.407 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.540 tỷ đồng, lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 5.665 đồng.

➤ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

34%

tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực XUẤT KHẨU PHẦN MỀM

30%

tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

24%

tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

17%

tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực VIỄN THÔNG

42%

tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN

TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH 2012

Năm 2012, kinh tế trong nước phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Lạm phát 2012 ở mức thấp (6,81%), chỉ số PMI cho các tháng của năm 2012 hầu hết ở dưới mức 50 điểm (nguồn: HSBC) phản ánh nhu cầu nội địa (tiêu dùng, đầu tư) rất yếu ớt. Kết thúc năm 2012, GDP chỉ tăng 5,03%, thấp nhất trong vòng 13 năm trở lại đây. Thị trường chứng khoán, bất động sản sụt giảm mạnh, kinh doanh khó khăn khiến doanh nghiệp phá sản hàng loạt, nợ xấu tăng đột biến trong khi chưa có giải pháp hữu hiệu nào để xử lý khiến nguồn vốn ứ trệ. Tình hình vĩ mô không tốt gây ảnh hưởng lớn tới ngành CNTT-VT. Theo thống kê, thị trường CNTT năm 2012 suy giảm mạnh với giá trị nhập khẩu các thiết bị CNTT-VT giảm từ 10% đến 20%.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, FPT đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Doanh thu cả năm đạt 25.350 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2011 và đạt 97% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.407 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ và đạt 94% kế hoạch. Lợi

nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.540 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ và đạt 92% kế hoạch. EPS đạt 5.665 đồng, đạt 92% kế hoạch. Tập đoàn tiếp tục củng cố vị thế vững mạnh về năng lực tài chính, quản lý tốt rủi ro trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng xấu của chu kỳ kinh tế, đảm bảo nguồn tiền mặt dồi dào đáp ứng nhu cầu đầu tư cho tăng trưởng nhanh và bền vững những năm tới theo đúng chiến lược nâng cao năng lực công nghệ, tập trung cho các lĩnh vực phần mềm, dịch vụ.

Các mảng dịch vụ CNTT-VT tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng khả quan. Doanh thu phát triển phần mềm tăng 24%, dịch vụ CNTT tăng 30%, giáo dục tăng 28%, viễn thông tăng 17%. Đặc biệt lĩnh vực xuất khẩu phần mềm có mức tăng trưởng doanh thu 34% so với năm 2011 cùng với triển vọng sáng sủa về khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm tới. Tốc độ tăng trưởng chung của lĩnh vực dịch vụ và phần mềm so với 2011 đạt 29%. Lĩnh vực phân phối và tích hợp hệ thống có sự suy giảm do ảnh hưởng của tình hình kinh tế trong nước. Người tiêu dùng thắt chặt chi

tiêu do thu nhập thực tế liên tục suy giảm những năm vừa qua, Chính phủ cắt giảm chi tiêu công, khối doanh nghiệp cắt giảm đầu tư, đặc biệt là những khách hàng lớn trong khối viễn thông, tài chính – ngân hàng.

Lãi gộp toàn FPT đạt 4.692 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2011.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT đạt 2.318 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2011. Nếu chỉ tính kết quả hoạt động của các lĩnh vực chủ chốt trong ngành CNTT-VT của Tập đoàn cũng như loại bỏ ảnh hưởng của việc tập trung đầu tư mới vào chuỗi bán lẻ thì lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2012 đạt mức ngang bằng so với năm 2011.

Việc quản lý chi phí trong năm 2012 cũng tiếp tục được chú trọng trong bối cảnh khó khăn, cụ thể:

- » Chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ ở mức tương đương năm 2011 nhờ việc quản lý tốt chi phí.
- » Tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu tăng nhẹ so với 2011 do cấu trúc

doanh thu của Tập đoàn năm 2012 thay đổi với việc các mảng kinh doanh dịch vụ tăng trưởng lớn, các mảng kinh doanh dịch vụ có tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu cao hơn nhóm còn lại. Bên cạnh đó, việc phát triển các thị trường mới, các mảng kinh doanh mới trong lĩnh vực nội dung số, viễn thông...cũng làm tăng chi phí này.

Lợi nhuận trước thuế đạt mức 2.407 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.985 tỷ đồng, giảm tương ứng 3,8% và 4,5% so với năm 2011 và đạt 94% kế hoạch. Thu nhập bình quân trên một cổ phần đạt 5.665 đồng. Như đã phân tích ở trên, các chỉ tiêu lợi nhuận chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh không tốt của nhóm các công ty liên kết trong lĩnh vực tài chính trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ khó khăn, đặc biệt là ngành ngân hàng, cũng như ảnh hưởng của việc đầu tư mới.

Trong năm, FPT đã thực hiện nộp ngân sách 3.717 tỷ đồng, nằm trong nhóm các doanh nghiệp có đóng góp lớn nhất cho ngân sách Nhà nước năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2010 | 2011 | 2012 | Tăng trưởng 2012 so với 2011 |
|---|--------|--------|--------|------------------------------|
| Tổng doanh thu toàn Tập đoàn | 20.517 | 25.978 | 25.350 | -2% |
| Lãi trước thuế | 2.023 | 2.502 | 2.407 | -4% |
| Lãi sau thuế | 1.692 | 2.079 | 1.985 | -5% |
| Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ | 1.265 | 1.682 | 1.540 | -8% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 5.139 | 6.276 | 5.665 | -10% |
| - Tỷ suất lợi nhuận gộp | 19,4% | 19,1% | 18,5% | |
| - Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 9,1% | 9,3% | 9,1% | |

Về tình hình quản trị tài chính, Tập đoàn tiếp tục duy trì vị thế tài chính mạnh nhờ dòng tiền dồi dào từ các hoạt động kinh doanh chính. Sau khi thanh toán gốc và lãi vay của 1.800 tỷ trái phiếu chuyển đổi (phát hành năm 2009), số dư tiền và tương đương tiền của FPT vẫn duy trì ở mức cao (2.319 tỷ đồng) với các chỉ tiêu thanh khoản (hệ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện thời) đều cao hơn năm trước. Hoạt động quản lý tiền được thực hiện tập trung tại Tập đoàn, cho phép tối ưu hóa việc điều chuyển vốn trong nội bộ Tập đoàn, tăng vị thế đàm phán với các tổ chức tài chính và mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

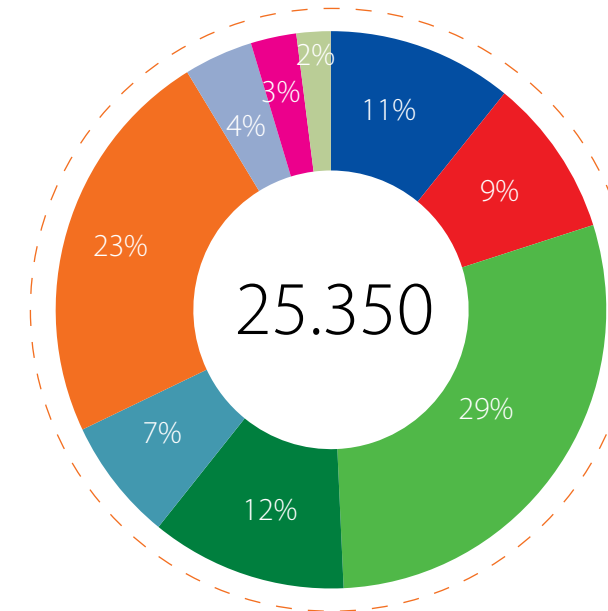
SỨC KHỎE TÀI CHÍNH

| Sức khỏe tài chính | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|
| Thanh toán Hiện thời (lần) | 1,1 | 1,3 | 1,2 | 1,3 | 1,5 |
| Thanh toán Nhanh (lần) | 1,5 | 1,6 | 1,6 | 1,0 | 1,1 |
| Tiền và tương đương tiền (tỷ đồng) | 1.243 | 2.311 | 1.436 | 2.902 | 2.319 |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng) | 1.371 | 523 | 486 | 1.847 | 2.410 |

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO LĨNH VỰC

| Lĩnh vực kinh doanh | Doanh thu * Tỷ đồng | Tăng trưởng | Lợi nhuận trước thuế Tỷ đồng | Tăng trưởng |
|---------------------------------------|------------------------|-------------|---------------------------------|-------------|
| Viễn thông | 2.750 | 17% | 691 | 26% |
| Phát triển Phần mềm | 2.340 | 24% | 496 | -1% |
| Phân phối và sản xuất sản phẩm Mobile | 7.399 | -21% | 251 | -21% |
| Tích hợp Hệ thống | 2.919 | -11% | 322 | -19% |
| Nội dung số | 1.812 | 60% | 203 | -19% |
| Phân phối và sản xuất sản phẩm IT | 5.912 | -6% | 182 | -9% |
| Bán lẻ | 1.026 | 51% | -35 | n/a |
| Dịch vụ Tin học | 680 | 30% | 98 | 71% |
| Giáo dục | 508 | 28% | 146 | 9% |
| Khác | 3 | -96% | 53 | -44% |
| Tổng cộng | 25.350 | -2% | 2.407 | -4% |

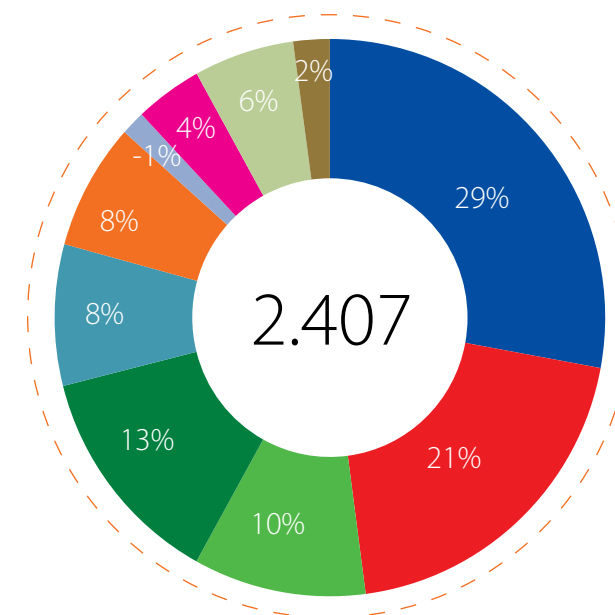
* Doanh thu gồm doanh thu bán cho khách hàng bên ngoài và doanh thu bán cho các đơn vị trong FPT với mục đích kinh doanh (ví dụ: FPT Telecom bán dịch vụ internet cho các đơn vị trong FPT)



DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

- VIỄN THÔNG 2.750 TỶ ĐỒNG
- PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM 2.340 TỶ ĐỒNG
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM MOBILE 7.399 TỶ ĐỒNG
- TÍCH HỢP HỆ THỐNG 2.919 TỶ ĐỒNG
- NỘI DUNG SỐ 1.812 TỶ ĐỒNG
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM IT 5.912 TỶ ĐỒNG
- BÁN LẺ 1.026 TỶ ĐỒNG
- DỊCH VỤ TIN HỌC 680 TỶ ĐỒNG
- GIÁO DỤC 508 TỶ ĐỒNG
- KHÁC 3 TỶ ĐỒNG

Tỷ trọng doanh thu từ các lĩnh vực dịch vụ, phần mềm tiếp tục tăng (viễn thông, phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ CNTT, giáo dục).



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

- VIỄN THÔNG 691 TỶ ĐỒNG
- PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM 496 TỶ ĐỒNG
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM MOBILE 251 TỶ ĐỒNG
- TÍCH HỢP HỆ THỐNG 322 TỶ ĐỒNG
- NỘI DUNG SỐ 203 TỶ ĐỒNG
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM IT 182 TỶ ĐỒNG
- BÁN LẺ -35 TỶ ĐỒNG
- DỊCH VỤ TIN HỌC 98 TỶ ĐỒNG
- GIÁO DỤC 146 TỶ ĐỒNG
- KHÁC 53 TỶ ĐỒNG

Các lĩnh vực dịch vụ như Phần mềm, Viễn thông, Nội dung số và Giáo dục là các lĩnh vực đóng góp quan trọng vào lợi nhuận toàn FPT. Tỷ trọng lợi nhuận nhóm Dịch vụ trong năm 2012 đã tăng lên 68% tổng lợi nhuận FPT (so với mức 60% trong năm 2011).

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

➤ LĨNH VỰC KINH DOANH PHẦN MỀM

Lĩnh vực xuất khẩu phần mềm đạt kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2012 (tăng 34% về doanh thu, 26% về lợi nhuận). Vị thế của FPT trên thị trường quốc tế cũng được nâng lên đáng kể trong quan hệ đối tác chiến lược với các tập đoàn lớn. Chủ trương đầu tư nghiên cứu, đón đầu các làn sóng công nghệ mới với những định hướng về điện toán đám mây, công nghệ di động đã gặt hái được những kết quả khả quan, là cơ hội tăng tỷ trọng các sản phẩm và dịch vụ mới với giá trị gia tăng cao hơn.

Xuất khẩu phần mềm FPT đã có một năm thành công với tổng doanh thu đạt 1.736 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2011, lợi nhuận trước thuế đạt 377 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2011. Mức tăng trưởng ấn tượng đều được thể hiện rõ nét ở các thị trường chiến lược.

- » **Thị trường Nhật Bản:** chiếm 55% tỷ trọng doanh thu xuất khẩu phần mềm của FPT (năm 2011: 54%) tiếp tục có mức tăng trưởng cao tới 36% so với năm 2011. Công ty đã có những bước tiến mạnh mẽ trong những định hướng công nghệ mới: tháng 6/2012, FPT Software giành hợp đồng đầu tiên về xây dựng giải pháp và phát triển ứng dụng trên nền tảng điện toán đám mây của Amazon (Amazon Web Services – AWS) với một công ty điện tử hàng đầu Nhật Bản.
- » **Thị trường Mỹ:** chiếm 22% tỷ trọng doanh thu mảng xuất khẩu phần mềm (2011: 17%) đạt tốc độ tăng trưởng kỷ lục 74% so với năm 2011. FPT đã ký được các hợp đồng đầu tiên về dịch vụ điện toán đám mây (Cloud Computing) và công nghệ di động (Mobility) với các khách hàng Mỹ, từng bước khẳng định vị thế của mình trong việc cung cấp các dịch vụ gia tăng có hàm lượng công nghệ cao cho khách hàng, bên cạnh dịch vụ gia công phần mềm truyền thống.
- » **Thị trường châu Âu:** chiếm 11% tổng doanh thu xuất khẩu, đạt tốc độ tăng trưởng 49% trong năm 2012. Ngày 13/11, công ty TNHH FPT Software Đức đã khai trương tại Neu-Isenburg, CHLB Đức, do ông Uwe Schlager làm giám đốc, với quyết tâm cao phát triển thị trường châu Âu thành một trong “kiềng ba chân” bên cạnh Nhật Bản và Mỹ.

Quá trình hợp tác hiệu quả với các khách hàng lớn như Hitachi, Panasonic, Deutsche Bank đang mang lại những tín hiệu khả quan với doanh thu tăng trưởng tốt và phạm vi công việc được mở rộng.

Tháng 4/2012, FPT Software và Tập đoàn Hitachi đã ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược triển khai phần mềm quản lý đại học tại Việt Nam, dựa trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây.

Ngày 2/10/2012, FPT Software và Harvey Nash tổ chức lễ ký kết hợp đồng khung với thay đổi quan trọng trong việc định vị lại quan hệ hợp tác giữa hai bên, tiến đến mức hợp tác sâu hơn. Ngoài việc phát triển phần mềm truyền thống cho Harvey Nash trên thị trường Anh, đơn vị sẽ cung cấp thêm các dịch vụ sử dụng Công nghệ di động (Mobility), Điện toán đám mây (Cloud Computing), Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), Chuyển đổi nền tảng (Migration)...

FPT cũng đón nhận những tín hiệu rất tích cực từ khách hàng trong lĩnh vực mới là BPO (Business Process Outsourcing - Dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp). Đây là hướng đi mà FPT có nhiều lợi thế nhờ vào hợp lực với lĩnh vực giáo dục của Tập đoàn.

Năm 2012, FPT Software trở thành công ty Việt Nam đầu tiên có tên trong Top 100 nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu do Global Services (Ấn Độ) cùng NeoGroup (Mỹ) đánh giá. Top 100 nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu tập hợp các doanh nghiệp có năng lực xuất sắc trong việc cung cấp dịch vụ



gia công phần mềm (Information Technology Outsourcing - ITO) và BPO trên thế giới. Góp mặt trong danh sách năm nay là những tên tuổi lớn trong lĩnh vực CNTT như Infosys, Unisys, Capgemini, ChinaSoft, CSC, HCL, Neusoft...

Năm 2012 cũng là năm FPT Software đạt mốc 4.000 lập trình viên.

Lĩnh vực kinh doanh phát triển phần mềm trong nước giữ vững vị thế, nâng tầm các sản phẩm phần mềm “made by FPT”

Năm 2012 là một năm hết sức khó khăn với lĩnh vực phát triển phần mềm trong nước do tình hình kinh tế vĩ mô. Kết thúc năm 2012, doanh thu mảng phần mềm trong nước đạt 603 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 119 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch 2012, tuy nhiên vẫn suy giảm đáng kể so với 2011.

Hai sản phẩm Phần mềm Quản lý tổng thể Bệnh viện FPT.eHospital và Hệ thống Thông tin Chính quyền điện tử FPT.eGov, đại diện Việt Nam tham gia AICTA, đã được Hội đồng giám khảo gồm 20 thành viên, là đại diện cho các Bộ

Thông tin Truyền thông của 10 nước ASEAN, đánh giá cao và xuất sắc giành giải Vàng và Bạc tại AICTA 2012, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thành tích tốt nhất tại AICTA. Đây là tiền đề tốt để các sản phẩm phần mềm của FPT tiến ra thị trường ngoài nước.

Hiện tại, sản phẩm “made by FPT” - FPT.eGOV - đã tiến ra Đông Dương bằng hợp đồng xây dựng “Chứng nhận xuất xứ” và “Cổng thông tin điện tử” cho Bộ Thương mại Campuchia. FPT cũng đã cử đại diện kinh doanh tại Myanmar và đã có hai hợp đồng đầu tiên trong lĩnh vực viễn thông. Đó là hợp đồng triển khai hệ thống FPT.iSMGW (SMS Gateway) và Media Gateway cho khách hàng MPT (Myanmar Post and Telecommunications).

Tháng 07/2012, FPT chính thức cung cấp dịch vụ SAP Business One, giải pháp ERP cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là giải pháp quản trị doanh nghiệp toàn diện, đáp ứng nhu cầu quản trị, tác nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp có quy mô dưới 300 nhân viên, với giá thành phù hợp, dự kiến sẽ là một mảng kinh doanh nhiều tiềm năng căn cứ trên số lượng và nhu cầu của đối tượng khách hàng này ở Việt Nam.

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--|--------------|--------------|-------------|
| Doanh thu | 1.881 | 2.340 | 24% |
| Xuất khẩu phần mềm | 1.300 | 1.736 | 34% |
| Phần mềm trong nước | 580 | 603 | 4% |
| Lợi nhuận trước thuế | 498 | 496 | 0% |
| Xuất khẩu phần mềm | 300 | 377 | 26% |
| Phần mềm trong nước | 198 | 119 | -40% |
| Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu | 26,5% | 21,2% | |
| Xuất khẩu phần mềm | 23,1% | 21,7% | |
| Phần mềm trong nước | 34,2% | 19,6% | |

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

➤ LĨNH VỰC KINH DOANH TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Lĩnh vực kinh doanh Tích hợp hệ thống tiếp tục khẳng định uy tín và năng lực triển khai số 1 tại Việt Nam của FPT trong các dự án khó, phức tạp với giá trị hợp đồng lớn.

Sự cắt giảm chi tiêu cho CNTT của khu vực công cũng như khối doanh nghiệp, đặc biệt là các khách hàng lớn trong lĩnh vực viễn thông, tài chính-ngân hàng... khiến thị trường tích hợp hệ thống có một năm nhiều thách thức. Tuy nhiên, Công ty FPT IS đã nỗ lực tối đa để hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2012 với doanh thu đạt 2.919 tỷ đồng, hoàn thành 90% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế đạt 322 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch năm.

Năm 2012, FPT tiếp tục ký được các hợp đồng lớn phục vụ hạ tầng quốc gia như cung cấp giải pháp ứng dụng quản lý các hoạt động nghiệp vụ cho Bảo hiểm xã hội phục vụ 55 triệu người; xây dựng trung tâm dữ liệu cho Tổng cục

Thống kê Việt Nam; hay lập kỷ lục hợp đồng kinh tế lớn nhất, hợp đồng phần mềm lớn nhất của FPT khi ký hợp đồng Đối mới hệ thống CoreBanking cho Vietcombank với tổng trị giá 17 triệu USD.

Trong lĩnh vực ERP, FPT tiếp tục khẳng định vị thế số 1 bằng việc thực hiện thành công những hợp đồng ấn tượng như dự án Ứng dụng Quản lý Thuế TNCN, dự án TABMIS, dự án ERP Petrolimex (đạt giá trị kỷ lục 12,5 triệu USD), dự án ERP cho Ngân hàng Nhà nước..., gây tiếng vang lớn trên thị trường và tạo cơ sở thuận lợi để triển khai cho các khách hàng lớn trong tương lai.

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|-------|-------|-------------|
| Doanh thu | 3.297 | 2.919 | -11% |
| Lợi nhuận trước thuế | 396 | 322 | -19% |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 12,0% | 11,0% | |

➤ DỊCH VỤ CNTT

Dịch vụ CNTT đạt doanh thu 680 tỷ năm 2012, tăng trưởng 30%, lợi nhuận trước thuế đạt 98 tỷ đồng, tăng trưởng 71% so với năm 2011.

Năm 2012 khẳng định dịch vụ điện tử là xu hướng chiến lược của FPT với những kết quả ấn tượng: Hơn 66.000 khách hàng sử dụng chữ ký số FPT-CA, hơn 3.700 doanh nghiệp dùng dịch vụ hải quan điện tử và cung cấp dịch vụ Thuế điện tử ổn định cho khách hàng. FPT-CA tiếp tục khẳng định vị trí là nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số số 1 với chất lượng và quy trình chuyên nghiệp.

Tháng 07/2012, FPT cũng đã thành lập công ty E-Customs FCS trực thuộc FPT IS và chính thức thu phí sử dụng dịch vụ khai hải quan. Hơn 3.700 doanh nghiệp đã sử dụng phần mềm hải quan điện tử để thông quan. Công ty đang đẩy mạnh giới thiệu dịch vụ, xây dựng hệ thống đại lý và từng bước chuyên nghiệp hóa quy trình hỗ trợ nhằm cung cấp dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả nhất.



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân thăm gian hàng của FPT IS tại Việt Nam ICT Summit 2012

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|-------|-------|-------------|
| Doanh thu | 522 | 680 | 30% |
| Lợi nhuận trước thuế | 58 | 98 | 71% |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 11,0% | 14,4% | |

➤ LĨNH VỰC KINH DOANH VIỄN THÔNG

Hoàn thiện hạ tầng với việc đưa tuyến trục Bắc – Nam vào sử dụng, mở rộng vùng phủ ra 46 tỉnh thành trên cả nước, thị phần tăng mạnh và tiếp tục là một trong ba nhà cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng cố định lớn nhất tại Việt Nam.

Năm 2012 là một năm hết sức thành công đối với lĩnh vực viễn thông với doanh thu đạt 2.750 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2011; lợi nhuận trước thuế đạt 691 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2011. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 25,1%, tăng 1,8% so với năm 2011.

Mảng kinh doanh internet băng thông rộng cố định (fixed line broadband internet) hiện có tỷ trọng lớn nhất trong lĩnh vực kinh doanh viễn thông của FPT. Sau những khó khăn do sự cạnh tranh về dịch vụ internet không dây (như dịch vụ GPRS, 3G) từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông di động năm 2011, thị trường đã có sự phân hóa rõ hơn về nhu cầu. Internet băng thông rộng lấy lại được vị thế của mình trong tương quan so sánh với các sản phẩm internet không dây. Số lượng thuê bao của FPT đã có bước tăng trưởng đặc biệt tốt trong năm 2012, tạo tiền đề tăng trưởng về doanh thu và đặc biệt là lợi nhuận trong năm 2013.

Tiếp nối thành công của năm 2011, năm 2012 cũng là năm tăng trưởng ấn tượng của mảng leased line (kênh thuê riêng) và các dịch vụ viễn thông khác của FPT với doanh thu tăng 28% so với cùng kỳ, đạt 822 tỷ đồng. Đây là kết quả của việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng dung lượng kết nối. Các dịch vụ như cho thuê kênh, cho thuê máy chủ (Data Center), hosting, và các dịch vụ khác trên nền hạ tầng của FPT đều có mức tăng trưởng khả quan. Năm 2012 cũng là năm FPT đạt được một số thành tựu lớn trong việc phát triển hạ tầng. Tháng 10/2012, FPT chính thức hoàn thiện và đưa vào sử dụng mạch A tuyến đường trục Bắc – Nam với tổng dung lượng 4 terabit/s. Việc sở hữu hạ tầng riêng sẽ giúp đơn vị đảm bảo chất lượng, tốc độ kết nối và tiết kiệm chi phí. Ngoài đường trục trong nước, băng thông quốc tế tiếp tục được nâng cấp trong năm 2012, với dung lượng tăng gấp 2,3 lần năm 2011, làm tiền đề mở rộng kinh doanh.

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|-------|-------|-------------|
| Doanh thu | 2.357 | 2.750 | 17% |
| Lợi nhuận trước thuế | 550 | 691 | 26% |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 23,3% | 25,1% | |

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Dẫn đầu trong lĩnh vực tin tức trực tuyến và giữ vững vị trí số 1 về thị phần Quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam.

➤ LĨNH VỰC KINH DOANH NỘI DUNG SỐ

Lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ trực tuyến đạt mức doanh thu 1.812 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2011, trong đó mảng quảng cáo trực tuyến tăng trưởng tốt cả về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, sự sụt giảm của mảng trò chơi trực tuyến do chính sách quản lý chặt việc cấp phép các game mới cùng với tình hình kinh tế khó khăn và việc tăng cường đầu tư cho các dịch vụ mới đã khiến lợi nhuận trước thuế lĩnh vực nội dung số giảm 19% so với năm 2011.

Năm 2012, FPT tiếp tục giữ vững thị phần số 1 tại Việt Nam về quảng cáo trực tuyến với tốc độ tăng trưởng cao: 42% về doanh thu và 21% về lợi nhuận. Công ty đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống quản trị website, nghiên cứu phát triển các phần mềm đọc báo trên các thiết bị di động, thay đổi giao diện các trang tin tức và cho ra đời mạng lưới quảng cáo mới E-click, làm tiền đề tăng trưởng cho năm 2013 và các năm tiếp theo.

Lĩnh vực kinh doanh trò chơi trực tuyến tại Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2012 dưới tác động của việc siết chặt quản lý thị trường này của Chính phủ. Trong khi đó, các game nhập vai cũ có tuổi đời cao, thiếu các bản cập nhật mới từ các nhà sản xuất, các game mới ra mắt cần thời gian để phát triển cộng đồng chơi khiến lợi nhuận mảng game online có sự giảm sút so với năm 2011.

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--|--------------|--------------|-------------|
| Doanh thu | 1.132 | 1.812 | 60% |
| Game online | 318 | 216 | -32% |
| Quảng cáo trực tuyến | 225 | 319 | 42% |
| Khác | 589 | 1.277 | 117% |
| Lợi nhuận trước thuế | 250 | 203 | -19% |
| Game online | 96 | 49 | -49% |
| Quảng cáo trực tuyến | 122 | 148 | 21% |
| Khác | 32 | 6 | -82% |
| Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu | 22,1% | 11,2% | |



Sân bóng dành cho sinh viên



Sinh viên học trong thư viện



Ký túc xá ĐH FPT

➤ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐH FPT và các đơn vị đào tạo thành viên vượt mốc 15.000 sinh viên. Số sinh viên hệ Cao đẳng nghề tăng tới 48% trong năm 2012.

Năm 2012 tiếp tục là một năm thành công của mảng giáo dục của FPT với hơn 3.000 sinh viên mới nhập học, nâng tổng số sinh viên do FPT đào tạo vượt mốc 15.000 sinh viên. Đặc biệt, hệ Cao đẳng nghề có tốc độ tăng trưởng vượt trội, tăng 48% về số lượng sinh viên. Đây là lĩnh vực có triển vọng lớn dựa trên việc hợp lực với mảng xuất khẩu phần mềm của Tập đoàn, hứa hẹn có đóng góp đáng kể về doanh thu và lợi nhuận vào kết quả kinh doanh của khối giáo dục đào tạo những năm tới.

Năm 2012, ĐH FPT là trường đại học đầu tiên của Việt Nam

đạt chuẩn 3 sao của QS Stars, một trong ba chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho các trường đại học trên toàn thế giới. Đặc biệt phần chất lượng đào tạo được đánh giá với số điểm tuyệt đối, mức 5 sao. Việc được gắn sao của QS là bước đi đầu tiên trong chiến lược phát triển theo hướng hội nhập quốc tế của trường.

Tháng 05/2012 đi vào lịch sử của ĐH FPT khi giai đoạn I thuộc Cơ sở chính của Trường tại Khu Công nghệ cao (CNC) Hòa Lạc được đưa vào hoạt động, sẵn sàng cho một bước phát triển mới của Trường.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Giữ vững vị thế số 1 về phân phối trong bối cảnh thị trường sụt giảm mạnh.

➤ LĨNH VỰC KINH DOANH PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Lĩnh vực kinh doanh phân phối và sản xuất các sản phẩm công nghệ có sự sụt giảm trong năm 2012 do sức mua thị trường giảm mạnh, hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu và 83% kế hoạch lợi nhuận, đạt lần lượt 13.311 tỷ đồng và 432 tỷ đồng.

Tình hình kinh tế khó khăn khiến khách hàng thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các mặt hàng chưa thực sự thiết yếu như hàng công nghệ. Trước tình hình đó, Ban TGD đã xác định không tăng trưởng doanh thu bằng mọi giá, để dẫn tới các hệ lụy về nợ xấu, hàng tồn, chi phí tài chính, thay

vào đó chú trọng tối ưu hóa chi phí, quản trị rủi ro và dòng tiền, đảm bảo an toàn tài chính. Kết quả 2012 của lĩnh vực Phân phối vẫn tốt hơn mức suy giảm chung của thị trường đã phản ánh nỗ lực của CBNV cũng như chính sách linh hoạt của Tập đoàn.

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|--------|--------|-------------|
| Doanh thu | 15.631 | 13.311 | -15% |
| Lợi nhuận trước thuế | 517 | 432 | -16% |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 3,3% | 3,3% | |

• Chú thích: doanh thu đã tách riêng mảng bán lẻ.



Điện thoại FPT mobile được sản xuất và phân phối bởi công ty FPT



➤ LĨNH VỰC BÁN LẺ

Hoàn tất kế hoạch đạt 50 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc trong năm 2012, là đơn vị bán lẻ duy nhất tại Việt Nam có quyền kinh doanh các sản phẩm của Apple ở cả ba cấp độ APR, AAR và CES. Doanh thu đạt 1.026 tỷ đồng, vượt so với kế hoạch dự kiến 1.000 tỷ.

Kết thúc năm, FPT đã có 50 cửa hàng bán lẻ, trong đó có 5 cửa hàng được ủy quyền chính hãng của Apple với các cấp độ APR (Apple Premium Reseller), AAR (Apple Authorized Reseller) và CES (Consumer Electronic Stores) và lọt vào Top 3 về độ nhận diện thương hiệu trong lĩnh vực bán lẻ. Doanh thu mảng bán lẻ đạt 1.026 tỷ đồng, vượt nhẹ so với kế hoạch và lỗ 35 tỷ đồng, trong mức dự kiến.

Việc mở thêm nhiều cửa hàng sẽ tạo điều kiện đón đầu nhu cầu mua sắm của khách hàng khi sức mua tăng trở lại. Năm 2013, đơn vị dự kiến mở thêm 50 – 60 cửa hàng mới tại các địa điểm thuận lợi, hoàn thành 2/3 kế hoạch đầu tư cho giai đoạn 2012 – 2014 (sở hữu tổng cộng 150 cửa hàng trên toàn quốc).

| Đơn vị: tỷ đồng | 2011 | 2012 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|------|-------|-------------|
| Doanh thu | 678 | 1.026 | 51% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3 | -35 | n/a |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 0,5% | -3,4% | |



NV Bán hàng tại Sóc Trăng tư vấn cho khách mua hàng

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

FPT tự hào là công ty tập trung đông đảo các cán bộ CNTT nhất Việt Nam. Đó là tài sản quý báu nhất và là nền tảng tạo ra mọi thành công của FPT.



➤ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ 2012

Sự tăng trưởng của FPT là thành quả của tập thể cán bộ công nhân viên FPT. Tính đến hết ngày 31/12/2012, tổng số CBNV của FPT là 14.912 người.

FPT nỗ lực làm chủ công nghệ trên mọi lĩnh vực hoạt động và đã đạt được hàng nghìn chứng chỉ công nghệ quốc tế quan trọng của các Tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Đây là nền tảng vững chắc, giúp FPT không ngừng tạo nên những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng và người tiêu dùng.

QUẦN SỐ QUA CÁC NĂM

| STT | Năm | Quần số (người trung bình) |
|-----|------|----------------------------|
| 1 | 2009 | 7.839 |
| 2 | 2010 | 10.618 |
| 3 | 2011 | 11.209 |
| 4 | 2012 | 13.498 |

ĐỘ TUỔI TRUNG BÌNH TOÀN FPT

| Độ tuổi | % |
|-------------------|-------|
| Dưới 25 | 31,77 |
| Từ 25 đến 30 | 41,13 |
| Từ 31 đến 40 tuổi | 24,38 |
| Từ 41 đến 50 tuổi | 2,05 |
| >50 tuổi | 0,68 |

CƠ CẤU QUẦN SỐ THEO GIỚI TÍNH

| Giới tính | % |
|-----------|----|
| Nam | 64 |
| Nữ | 36 |

CƠ CẤU QUẦN SỐ THEO TRÌNH ĐỘ

| Trình độ | % |
|--------------|----|
| Trên Đại học | 3 |
| Đại học | 63 |
| Dưới đại học | 34 |

CƠ CẤU QUẦN SỐ THEO CHỨC NĂNG CÔNG VIỆC

| Chức năng công việc | Quần số | | | | Tỷ lệ | | | |
|---------------------|---------|-------|-------|-------|-------|------|------|------|
| | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
| Quản lý | 299 | 418 | 326 | 686 | 3% | 4% | 3% | 5% |
| Kỹ sư công nghệ | 4.247 | 4.589 | 4.515 | 5.552 | 46% | 41% | 38% | 40% |
| Cán bộ kinh doanh | 2.679 | 2.450 | 2.999 | 3.022 | 29% | 22% | 25% | 22% |
| Cán bộ hỗ trợ | 1.918 | 3.702 | 3.992 | 4.631 | 21% | 33% | 34% | 33% |

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

➤ CÁC THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NĂM 2012

THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC 2012

FPT Software (một trong ba công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên do FPT sở hữu 100% vốn), đã tái cấu trúc cơ cấu tổ chức. Công ty đã chuyển đổi các công ty thành viên trực thuộc thành các Đơn vị Phần mềm Chiến lược (FSU 1,3,11,13,15,17), giải thể các công ty thành viên trực thuộc FPT Software (Công ty Giải pháp Công nghệ mới FPT-FBI; Công ty Hệ thống thông tin y tế FPT – FMIS; Công ty Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT – FSS).

FPT Retail kiện toàn các tổ chức kinh doanh và mở rộng phạm vi hoạt động của mình và thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Hải Dương, Hải Phòng.

FPT IS: tái cấu trúc cơ cấu các công ty thành viên trực thuộc FPT IS như PFS; Thành lập Trung tâm Công nghệ iSeries trực thuộc FPT IS BANK; Thành lập Trung tâm Dịch vụ ERP khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc FPT IS ERP.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ

Năm 2012, FPT được coi là năm tiếp tục có những thay đổi về nhân sự cấp cao. Một số thay đổi vị trí quan trọng như sau:

Tháng 01/2012, ông Nguyễn Văn Khoa được bổ nhiệm vị trí TGD FPT Telecom, thay thế cho bà Chu Thị Thanh Hà.

Tháng 01/2012, ông Hoàng Nam Tiến được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch FPT Software, thay thế cho ông Nguyễn Thành Nam. Ông Nguyễn Thành Lâm được bổ nhiệm giữ

chức TGD FPT Software, thay thế cho bà Bùi Thị Hồng Liên.

Tháng 01/2012, ông Nguyễn Văn Lộc được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch kiêm TGD FPT Land, TGD FPT Hòa Lạc (FHL), thay thế cho ông Hoàng Nam Tiến chuyển sang FPT Software.

Tháng 04/2012: ông Phạm Thành Đức được bổ nhiệm vị trí TGD FPT Retail, bà Nguyễn Bạch Diệp và bà Trịnh Hoa Giang giữ vị trí PTGD.

Tháng 06/2012: ông Nguyễn Lâm Phương được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Công nghệ FPT.

Tháng 07/2012: ông Bùi Quang Ngọc được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ FPT (thay cho ông Nguyễn Diệp Tùng); ông Đỗ Cao Bảo (hiện là Chủ tịch FPT IS) được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Tổ chức cán bộ FPT (Thay cho ông Bùi Quang Ngọc).

Tháng 09/2012: ông Trương Gia Bình (Chủ tịch FPT) kiêm nhiệm vị trí TGD FPT (Thay thế cho ông Trương Đình Anh).

Tháng 09/2012: Bà Chu Thị Thanh Hà (PTGD FPT) kiêm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom, thay thế cho ông Trương Đình Anh.

Tháng 01/2013, ông Hoàng Minh Châu miễn nhiệm vị trí Trưởng Ban Văn hóa và Đoàn thể FPT, chuyển giao vị trí Trưởng Ban này cho ông Đinh Tiến Dũng (nguyên Phó Ban).

Bên cạnh đó, một loạt các cán bộ cấp trung: Giám đốc các trung tâm, Trưởng các phòng ban... được bổ nhiệm mới với đội ngũ cán bộ trẻ, đầy nhiệt huyết.

➤ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

FPT xác định, con người là yếu tố cốt lõi của sự phát triển, là nguyên khí của tổ chức. Chính vì vậy, FPT rất chú trọng đến chính sách đãi ngộ và thăng tiến, quan tâm đến đời sống của CBNV, với phương châm tạo cho CBNV có một cuộc sống "đầy đủ về vật chất và phong phú về tinh thần". Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí:

- » Tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho FPT.
- » Cạnh tranh theo thị trường.
- » Khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc.
- » Công bằng và minh bạch.

Hệ thống Chính sách Đãi ngộ của FPT hiện nay được xây dựng theo hình thức thu nhập trọn gói, gồm các nhóm sau:

- » Nhóm lương: Hàng năm, mỗi CBNV được hưởng 13 tháng lương tùy theo từng vị trí công việc. Chính sách lương của FPT đảm bảo trang trải đầy đủ cuộc sống hàng ngày cho CBNV.
- » Nhóm thưởng: FPT xây dựng chính sách thưởng dựa trên kết quả đánh giá công việc của mỗi CBNV và theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Chính sách thưởng của FPT đảm bảo khuyến khích CBNV tăng năng suất và chất lượng công việc, đóng góp hết mình cho sự phát triển của FPT.

- » Nhóm phụ cấp: FPT xây dựng nhiều loại và mức phụ cấp khác nhau cho các đối tượng và công việc đặc thù khác nhau.
- » Nhóm phúc lợi: Như tiền nghỉ mát dành cho CBNV, bảo hiểm sức khỏe cho CBNV FPT và người thân (FPT care); ưu đãi về giá cho người FPT khi sử dụng, mua các sản phẩm, dịch vụ của FPT. Chính sách phúc lợi của FPT đảm bảo và thể hiện sự khác biệt về chính sách đãi ngộ so với các tập đoàn, công ty khác trên thị trường lao động Việt Nam.

CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

FPT luôn có các chính sách tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ cho các CBNV tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của CBNV tiềm năng được ban hành như: Chính sách quy hoạch cán bộ nguồn (cán bộ cốt cán); Chính sách giảm, tiến tới bỏ hẳn sự kiêm nhiệm nhiều vị trí của cán bộ lãnh đạo, tạo cơ hội cho các cán bộ lớp dưới; Chính sách luân chuyển cán bộ lãnh đạo; Chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch. Đặc biệt trong năm 2012 Ban lãnh đạo cao cấp Tập đoàn đã tiến hành xây dựng Chương trình quy hoạch và đào tạo cán bộ cao cấp kế cận, nhằm tạo ra một lớp cán bộ lãnh đạo mới có đủ tầm và tầm để lãnh đạo FPT theo định hướng chiến lược từ nay đến năm 2024.

Bên cạnh đó, FPT luôn có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

FPT luôn có các chính sách tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ cho các CBNV tiềm năng

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

FPT khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua việc học, tự học và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc FPT liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo. CBNV khi đào tạo được FPT tài trợ một phần hoặc toàn bộ học phí.

Chương trình đào tạo của FPT gồm các chương trình chính như:

- » **Đào tạo tân binh:** Mọi nhân viên mới của FPT đều được tham gia khóa học đào tạo định hướng. Khóa học này bao gồm giới thiệu tổng quan về FPT, về đơn vị, về chế độ chính sách đãi ngộ, hướng dẫn sử dụng các công cụ, phương tiện hỗ trợ công việc; quy trình làm việc theo chuyên môn, nội quy lao động; văn hóa và con người FPT.
- » **Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn:** định kỳ hàng năm, nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- » **Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận:** FPT luôn ưu tiên nguồn lực để cán bộ nòng cốt được đào tạo nhằm trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu dài hạn của công ty. Ngoài việc đào tạo nội bộ tập trung trong công ty theo chương trình và kế hoạch tuyển sinh của Học viện Lãnh đạo FPT, FPT có thể cử cán bộ đi học bên ngoài/nước ngoài theo yêu cầu riêng của công ty.
- » **Đào tạo cấp quản lý, lãnh đạo:** FPT xây dựng các chương trình đào tạo riêng, tập trung phát triển cả về chuyên môn và năng lực quản lý, như: Chương trình Leadership Building – cung cấp các kỹ năng mềm; chương trình MiniMBA; các khóa đào tạo Coaching Skills for Executive, Financial Strategy Workshop for

Executive hoặc các chuyến đi thực tế tại các Tập đoàn nước ngoài...

Cụ thể, trong năm 2012, Học viện Lãnh đạo FPT (FPT Leadership Institute – FLI) đã tổ chức được 2 lớp MiniMBA học năm 1 và 10 lớp MiniMBA học năm 2 trên toàn quốc, đào tạo cho khoảng 420 lãnh đạo. Chương trình Leadership Program: hơn 130 Lãnh đạo cấp cao, chương trình Coaching Skills đào tạo cho 308 cán bộ quản lý- người sẽ chịu trách nhiệm phát triển các chương trình kèm cặp cho các cán bộ tiềm năng sau này. Năm 2012 cũng là năm đầu tiên đưa chương trình Sư phụ - Đệ tử vào ở diện rộng, với hơn 43 sư phụ và hơn 300 đệ tử ở các đơn vị thành viên tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.



Môi trường làm việc tại FPT chuyên nghiệp, hiện đại



Không gian làm việc tại công ty Hệ thống thông tin FPT



Trong phòng máy chủ

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH 2013

| | |
|------------------------------------|----|
| Kinh tế vĩ mô | 54 |
| Triển vọng ngành và cơ hội cho FPT | 54 |
| Định hướng chiến lược năm 2013 | 56 |
| Kế hoạch kinh doanh năm 2013 | 59 |

FPT đang tập trung nghiên cứu sản phẩm, giải pháp theo xu hướng công nghệ mới của thế giới – Công nghệ di động, Điện toán đám mây, Dữ liệu lớn và giải pháp cho các bài toán hạ tầng thông minh của Việt Nam.
(2012)

Đồng hành cùng công nghệ - Xây hạ tầng tương lai

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH 2013



➤ KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế thế giới năm 2013 vẫn được dự báo tiếp tục khó khăn. Ngân hàng thế giới, mới đây, đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2013 từ 3% xuống còn 2,4%.

Năm 2013, kinh tế Việt Nam được dự báo còn nhiều thách thức. Mục tiêu tổng quát của Chính phủ năm 2013 là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát ở mức thấp thay vì đẩy mạnh tăng trưởng. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế được đặt ở mức 5,5%, tuy cao hơn 2012 nhưng thấp hơn so với trung bình giai đoạn 10 năm trở lại đây. Chính sách tiền tệ năm 2013 cũng thận trọng hơn khi mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước được đặt ở mức 12%, thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng bình quân trong 10 năm gần đây.

➤ TRIỂN VỌNG NGÀNH VÀ CƠ HỘI CHO FPT

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, các lĩnh vực kinh doanh sẽ không tránh khỏi ảnh hưởng trong ngắn hạn. Tuy vậy, ngành CNTT-VT ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển nên về dài hạn còn rất nhiều tiềm năng dựa vào nhiều nhân tố. Bên cạnh nhân tố vĩ mô quan trọng là kinh tế Việt Nam được dự báo có triển vọng phát triển cao trong dài hạn, thì nhu cầu đầu tư, chi tiêu cho CNTT-VT của doanh nghiệp và người dân còn rất lớn (theo báo cáo của BMI). Ngoài ra, quyết tâm của Chính phủ thể hiện qua Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08/06/2012 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 13-NQ ngày 16/01/2012 của Ban Bí thư TW Đảng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, đã xác định CNTT là hạ tầng của hạ tầng, điều này sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc xây dựng, phát triển và quản lý các cơ

sở hạ tầng khác của quốc gia đồng thời mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp tham gia phát triển các dự án CNTT lớn.

Trên phương diện quốc tế, ngành CNTT thế giới đang chuyển mình mạnh mẽ sang một giai đoạn mới với công nghệ thông minh hơn bằng kết nối di động (Mobility), điện toán đám mây (Cloud Computing) và xử lý các hệ dữ liệu lớn (Big data). Đặc biệt là sự hình thành các hệ sinh thái (Ecosystem) bao gồm nhiều nhà công nghệ, sản xuất, dịch vụ và khách hàng cùng kết nối cộng sinh. Sự chuyển dịch về công nghệ sẽ tạo ra các cơ hội mới cho các công ty tin học trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, mở ra cơ hội rút ngắn lộ trình phát triển để cạnh tranh trong các làn sóng công nghệ mới cho những công ty như FPT. Đối với gia công phần mềm truyền thống, với lợi thế dân số trẻ và năng động, chi phí nhân công trong lĩnh vực CNTT thấp so với các đối thủ cạnh tranh, Việt Nam tiếp tục được kỳ vọng trở thành trung tâm xuất khẩu dịch vụ phần mềm của khu vực.

Những triển vọng của ngành CNTT-VT trong nước cũng như thế giới là cơ sở cho chiến lược phát triển nhanh và bền vững trên các hướng kinh doanh cốt lõi của Công ty, cụ thể:

» **Lĩnh vực Xuất khẩu phần mềm:** Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm 10 điểm đến hấp dẫn nhất, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới về các dịch vụ CNTT do có lợi thế chi phí chỉ bằng khoảng 50 - 60% chi phí của các công ty Trung Quốc tùy từng dịch vụ. Với hạ tầng internet phát triển, ngành công nghiệp phần mềm của Việt Nam đang từng bước lớn mạnh, ngày càng khẳng định vị trí là một điểm đến ưa thích của khách hàng trong tương quan so sánh với các công ty đến từ Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines. Bên cạnh đó, xu hướng công nghệ thông minh hơn bằng kết nối di động và điện toán đám mây đang phát triển mạnh tại

thị trường Mỹ là cơ hội cho FPT khi các sản phẩm của công ty đã được khách hàng chấp nhận với các hợp đồng có quy mô ngày càng lớn.

» **Lĩnh vực Tích hợp hệ thống và giải pháp phần mềm trong nước:** Theo Báo cáo CNTT toàn cầu (Global IT Report) 2012 của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) kết hợp với Viện quản trị kinh doanh INSEAD đo lường và xếp hạng mức độ sẵn sàng của nền kinh tế điện tử, Việt Nam hiện chỉ xếp thứ 83/142. Trong khi đó, theo báo cáo của Hội tin học TP.HCM thì mức chi tiêu CNTT hàng năm của Việt Nam còn quá thấp khi so với các nước trong khu vực. Đặc biệt, phần lớn chi tiêu này cho các thiết bị phần cứng, việc này cho thấy mức độ ứng dụng CNTT sâu vào quá trình quản lý còn thấp. Định hướng lớn của Chính phủ trong việc coi CNTT là “hạ tầng của hạ tầng” trong việc phát triển kinh tế cũng như nhu cầu đầu tư vào CNTT để cải thiện năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sẽ mở ra cơ hội cho các công ty cung cấp giải pháp CNTT tại Việt Nam.

» **Lĩnh vực Dịch vụ kết nối Internet băng rộng và dịch vụ giá trị gia tăng trên nền Internet:** Tốc độ truy cập tăng và giá cước trở nên hợp lý hơn so với mật bằng thu nhập sẽ tiếp tục là những động lực quan trọng để nhiều người dân tiếp cận được với dịch vụ internet băng thông rộng. Bên cạnh đó, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ internet băng thông rộng tại các nước láng giềng và các thị trường viễn thông chưa phát triển như Lào, Campuchia, Myanmar... còn thấp là cơ hội cho các doanh nghiệp viễn thông năng động và có sẵn hạ tầng như FPT. Với tốc độ kết nối ngày càng cao, nhu cầu của người dùng về nhiều dịch vụ giá trị gia tăng

như xem tivi, phim ảnh, các dịch vụ lưu trữ... dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.

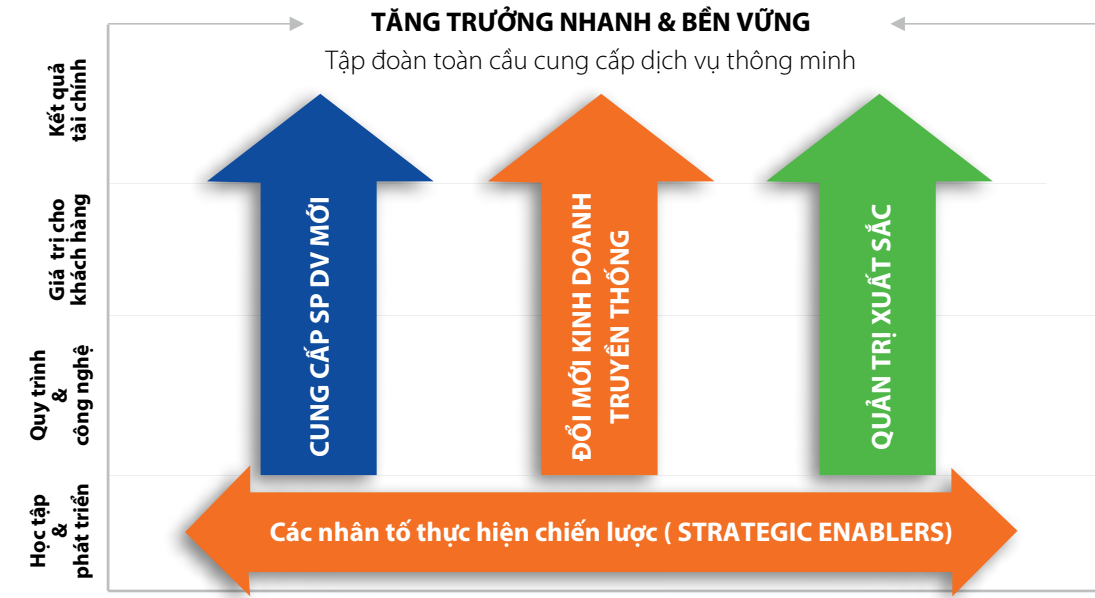
» **Lĩnh vực Nội dung số:** Cuối năm 2012, lượng người dùng internet tại Việt Nam đạt hơn 31,3 triệu, gấp 10 lần số người dùng 10 năm trước. Cộng đồng người dùng internet lớn và một ngành công nghiệp nội dung số còn non trẻ chính là cơ hội cho các công ty trong ngành phát triển mạnh mẽ với nhiều loại hình dịch vụ mới. Lĩnh vực Nội dung số ở Việt Nam hứa hẹn tiếp tục có tốc độ phát triển cao ở Việt Nam. Về xu hướng công nghệ, năm 2012 chứng kiến sự chuyển dịch về nhu cầu sử dụng các sản phẩm nội dung số từ máy tính để bàn sang các thiết bị khác như như máy tính xách tay, điện thoại di động, máy tính bảng và tivi. Điều này sẽ dẫn tới xu hướng “tiêu thụ” thông tin gia tăng mạnh trên các màn hình kết nối internet. Theo khảo sát thường niên của Kantar Media kết hợp với Yahoo, tin tức và giải trí là nhu cầu lớn thứ hai trong số các nhu cầu nội dung trực tuyến. Với báo điện tử VnExpress, tờ báo hàng đầu tại Việt Nam với gần 30 triệu lượt truy cập mỗi ngày và một loạt website có nội dung phong phú, phục vụ nhu cầu của nhiều đối tượng độc giả như Ngoisao.net, iOne..., FPT có nhiều lợi thế trong việc trở thành cổng thông tin và giải trí hàng đầu.

» **Lĩnh vực Đào tạo:** Việt Nam là nước có dân số trẻ với lượng học sinh phổ thông tốt nghiệp hàng năm vẫn ở mức tương đối cao, hơn 02 triệu học sinh trên cả nước, là cơ hội lớn cho ngành đào tạo. Bên cạnh đào tạo đại học, tăng trưởng đột phá trong lĩnh vực Cao đẳng nghề năm 2012, kết hợp với nhu cầu về nhân lực cho dịch vụ BPO đang rất lớn, là những tín hiệu tích cực để phát triển đào tạo nghề tại Việt Nam, trong đó ĐH FPT và các trường thành viên là những đơn vị tiên phong trong đào tạo và thực hành gắn với thực tiễn công việc.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH 2013

(tiếp theo)

BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC ONEFPT STRATEGY MAP



» **Lĩnh vực Phân phối, sản xuất và bán lẻ các sản phẩm công nghệ:** Năm 2012, thị trường tiêu dùng hàng công nghệ tại Việt Nam chứng kiến mức sụt giảm lớn sau nhiều năm tăng trưởng. Mặc dù nền kinh tế có dấu hiệu ổn định trở lại vào những tháng cuối năm 2012, song sức mua đối với mặt hàng công nghệ tại Việt Nam dự kiến sẽ chưa có nhiều cải thiện trong năm 2013. Đây là những thách thức không nhỏ đối với FPT và các doanh nghiệp phân phối cùng ngành. Tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm điện thoại thông minh (smartphone), đặc biệt ở phân khúc thấp (low-end) trong năm 2013 sẽ là cơ hội tốt để FPT phát triển các dòng sản phẩm smartphone giá rẻ tại thị trường Việt Nam.

Đối với lĩnh vực Bán lẻ, bối cảnh thị trường chung còn nhiều thách thức trong năm 2013 là cơ hội cho những doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh như FPT có thể nhanh chóng bứt phá về quy mô, xây dựng một hệ thống bán lẻ hàng đầu có sức cạnh tranh tốt phục vụ thị trường trong nước còn rất nhiều tiềm năng.

➤ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2013

Tuy tình hình vĩ mô còn nhiều khó khăn, các hướng phát triển như phần mềm, dịch vụ CNTT, viễn thông, nội dung số, giáo dục của FPT vẫn cho thấy tiềm năng phát triển lớn. Bên cạnh đó, năm 2012 FPT đã triển khai những nền tảng quan trọng trong chiến lược OneFPT.

Các lĩnh vực đầu tư trọng điểm được triển khai mạnh mẽ như: Hoàn thiện tuyến đường trục Bắc – Nam; Đầu tư mạnh cho nghiên cứu phát triển những sản phẩm công nghệ mới; Mở rộng mạng lưới bán lẻ; Thành lập Hội đồng

công nghệ. Đội ngũ công nghệ đã xây dựng nhiều giải pháp hạ tầng thông tin cho hạ tầng quốc gia, các dịch vụ sản phẩm mới theo xu hướng công nghệ thông minh hơn bằng kết nối di động, điện toán đám mây và xử lý các hệ dữ liệu lớn. FPT đã có những hợp đồng đầu tiên với các Tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới trong việc ứng dụng những công nghệ mới này.

Từ định hướng công nghệ đúng đắn “Be smarter” trong Chiến lược OneFPT và những thành quả đạt được ban đầu, mục tiêu chiến lược OneFPT 2024 một lần nữa được làm cụ thể hơn: **“Phải trở thành Tập đoàn toàn cầu cung cấp dịch vụ thông minh (Global Leader in Smart Services)”**.

HĐQT FPT nhận định, trong năm 2013, FPT sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào các mảng dịch vụ, vào phát triển công nghệ, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Về dài hạn, FPT sẽ đạt được mục tiêu chiến lược bằng 3 con đường chính yếu:

» Tạo ra doanh thu mới bằng các sản phẩm dịch vụ và các thị trường mới trong đó “tính thông minh – SMART” là sự khác biệt, thể hiện qua các bước số hóa (Instrumentation), liên thông (Interconnection), và thông minh (Intelligence). Đặc biệt chú trọng phát triển các mảng dịch vụ tạo giá trị gia tăng cao và mang lại dòng tiền ổn định, ngay cả trong thời điểm khó khăn. Năm 2013 sẽ là năm FPT đẩy nhanh phát triển ra thị trường nước ngoài ở tất cả các ngành kinh doanh. Hội đồng Công nghệ cùng với quy chế dành 5% lợi nhuận trước thuế cho nghiên cứu phát triển sẽ giúp tạo ra các nền tảng cho tăng trưởng trong tương lai. Dự kiến doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ và thị trường mới trong 3 năm tới sẽ chiếm khoảng 25% tổng doanh thu của Tập đoàn, từ mức 7% hiện nay.

- » Liên tục đổi mới sáng tạo trong các ngành kinh doanh truyền thống để mang lại sự tăng trưởng ổn định và duy trì vị thế dẫn đầu, vượt trội trong ngành. Trong đó mảng dịch vụ sẽ đạt mức tăng trưởng tăng gấp đôi phần cứng bằng cách khai thác thêm khách hàng mới đồng thời nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm dịch vụ.
- » Hiện đại hóa hệ thống quản trị và tăng độ trưởng thành cho tất cả các quy trình nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn FPT. Chú trọng quản trị rủi ro hàng tồn kho và công nợ phải thu đối với lĩnh vực kinh doanh có rủi ro cao như phân phối trong điều kiện thị trường khó khăn. Quản trị tốt dòng tiền, đáp ứng các mục tiêu mở rộng khi cơ hội thuận lợi.

Các mục tiêu trên được cụ thể đối với các lĩnh vực kinh doanh của FPT trong năm 2013 như sau:

- » Trong lĩnh vực Phát triển phần mềm:
 - » Tiếp tục phát triển thị trường truyền thống Nhật Bản, đẩy mạnh hai thị trường quan trọng là Mỹ và châu Âu.
 - » Tiếp tục mở rộng những mảng dịch vụ mới như Mobility, Cloud computing. Dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO) dự kiến cũng sẽ trở thành một mảng đóng góp quan trọng vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong tương lai do nguồn nhân lực tại Việt Nam có khả năng đáp ứng yêu cầu cả về quy mô lẫn chất lượng của loại hình dịch vụ này.
 - » Chú trọng phát triển nguồn nhân lực: hiện thực hóa sáng kiến tuyển dụng-sinh (sinh viên được ký hợp đồng

có điều kiện và thành nhân viên của công ty ngay khi ngồi trên ghế nhà trường), phối hợp với ĐH FPT đào tạo nguồn nhân lực CNTT. Liên kết chặt chẽ với Cao đẳng nghề FPT đưa ra các chương trình đào tạo thiết thực, cung cấp nguồn lực cho các dự án BPO.

- » Trong nước, đẩy mạnh phát triển các phần mềm ứng dụng lõi cho các ngành kinh tế do FPT sở hữu bản quyền, trọng tâm là các ứng dụng cho ngành Viễn thông, Bảo hiểm, Chính phủ điện tử, Y tế-Chăm sóc sức khỏe, Hành pháp - Tư pháp, Giao thông vận tải... Lấy Việt Nam là nơi hoàn thiện sản phẩm, là bàn đạp để đưa các phần mềm ứng dụng của FPT ra thị trường quốc tế, đặc biệt là các nước đang phát triển.
- » Làm chủ các giải pháp ứng dụng của các hãng cung cấp giải pháp quốc tế hàng đầu, điều chỉnh cho phù hợp với thị trường Việt Nam và các nước đang phát triển, bổ sung các chức năng mobility, trọng tâm là các ứng dụng cho ngành Thuế, Hải quan, Cấp phát Ngân sách, Ngân hàng, Chứng khoán, Bưu chính, An ninh, Quốc phòng... Lấy Việt Nam là nơi tích lũy kinh nghiệm và chuẩn bị nguồn lực, là bàn đạp để đưa dịch vụ phần mềm ra thị trường quốc tế.
- » Trong lĩnh vực Dịch vụ CNTT:
 - » Tăng trưởng tối đa dịch vụ cài đặt, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và hệ thống CNTT, trọng tâm là các hệ thống phần mềm ứng dụng, hệ thống ATM, POS, hệ thống máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống bảo mật, hệ thống lưu trữ lớn.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH 2013

(tiếp theo)

- > Mở thêm các hướng dịch vụ mới, trọng tâm là dịch vụ tư vấn xây dựng để án, dịch vụ thiết kế hệ thống, dịch vụ cho thuê hệ thống CNTT bao gồm cả phần mềm ứng dụng lẫn phần hạ tầng CNTT.
 - > Đầu tư phát triển các hệ thống CNTT để cung cấp cho doanh nghiệp, người dân các dịch vụ điện tử: chữ ký số (CA), tờ khai hải quan điện tử, quyết toán thuế điện tử, bảo hiểm xã hội điện tử, thu, chi ngân sách qua ngân hàng... Phương thức kinh doanh thu phí theo số lượng giao dịch hoặc giá trị giao dịch.
 - » Trong lĩnh vực Viễn thông:
 - > Trong năm 2013, FPT sẽ tiếp tục nâng cấp hạ tầng thông qua việc đầu tư hệ thống đường trục dự phòng, mở rộng vùng phủ tới 8 – 10 tỉnh thành mới dọc tuyến trục hiện tại và đưa ra các sản phẩm mới nhằm khai thác tốt hơn hạ tầng sẵn có thuộc sở hữu của công ty.
 - > Mở rộng hoạt động sang các nước trong khu vực dựa trên kinh nghiệm và cơ sở hạ tầng có sẵn.
 - » Trong lĩnh vực Nội dung số: quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam đang tăng dần thị phần so với các loại hình quảng cáo khác là cơ sở để tăng cường hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này. Năm 2013, FPT sẽ tập trung:
 - > Phát triển hơn nữa cộng đồng tin tức dựa trên các trang tin điện tử hàng đầu Việt Nam hiện nay như VnExpress.net, Ngoisao.net...
 - > Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho các sản phẩm mới như mạng lưới quảng cáo, thương mại điện tử, thanh toán điện tử...
 - » Trong lĩnh vực Tích hợp hệ thống:
 - > Đầu tư nghiên cứu, phát triển các giải pháp hạ tầng
 - CNTT, đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn phát triển sắp tới của đất nước.
 - > Phát triển các giải pháp công nghệ phục vụ thị trường đại chúng dựa trên nền tảng công nghệ mới.
 - » Trong lĩnh vực Giáo dục: trong năm 2013, ĐH FPT và các đơn vị thành viên tập trung vào một số mục tiêu chiến lược chính sau:
 - > Xây dựng thêm các khu học xá tại TP HCM và các thành phố khác ngoài cơ sở chính tại Hòa Lạc.
 - > Đẩy mạnh đào tạo hệ cao đẳng, đáp ứng nhu cầu của học sinh tốt nghiệp phổ thông và nhu cầu của các doanh nghiệp đối với nguồn lao động có kỹ năng tốt.
 - > Liên kết với FPT Software đào tạo nguồn nhân lực CNTT ở cả hệ đại học và cao đẳng.
 - » Trong lĩnh vực Phân phối, sản xuất các sản phẩm công nghệ: năm 2013, lĩnh vực phân phối sẽ tập trung cho mục tiêu hoàn thiện hệ thống phân phối, tăng cường năng lực quản trị để giữ vững vị thế số 1 về phân phối tại thị trường Việt Nam, từng bước tiến ra các thị trường trong khu vực.
 - » Trong lĩnh vực Bán lẻ các sản phẩm công nghệ: năm 2013, mảng bán lẻ của FPT dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư mở thêm 50-60 cửa hàng mới, tạo bước đột phá về quy mô và năng lực cạnh tranh, đóng góp vào tăng trưởng doanh thu của Tập đoàn.
- Từ tháng 09/2012, FPT bắt đầu triển khai dự án xây dựng hệ thống quản lý thực hiện chiến lược ứng dụng Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC). Việc ứng dụng công cụ quản lý tiên tiến này giúp FPT triển khai tốt hơn nữa các định hướng chiến lược của mình.

➤ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Với các định hướng trên, HĐQT đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

| Đơn vị: tỷ đồng | Doanh thu | | Lợi nhuận trước thuế | |
|--|-----------|------------|----------------------|------------|
| | Giá trị | % Thay đổi | Giá trị | % Thay đổi |
| FPT | 26.926 | 6% | 2.646 | 10% |
| 1. Viễn thông | 3.170 | 15% | 818 | 18% |
| 2. Nội dung số | 979 | 18% (*) | 242 | 19% |
| 3. Phát triển phần mềm | 2.792 | 19% | 609 | 23% |
| Phần mềm xuất khẩu | 2.132 | 23% | 480 | 27% |
| Phần mềm trong nước | 660 | 9% | 129 | 9% |
| 4. Tích hợp hệ thống | 2.925 | 0% | 322 | 0% |
| 5. Dịch vụ tin học | 800 | 18% | 104 | 6% |
| 6. Giáo dục | 575 | 13% | 160 | 9% |
| 7. Phân phối và sản xuất sản phẩm IT | 5.930 | 0% | 190 | 5% |
| 8. Phân phối và sản xuất sản phẩm Mobile | 7.755 | 5% | 264 | 5% |
| 9. Bán lẻ | 2.000 | 95% | -38 | n/a |
| 10. Khác | 0 | | -25 | |

* Chú thích: Năm 2013, đơn vị ngừng kinh doanh phân phối thẻ viễn thông, chỉ tiêu tăng trưởng là so sánh tương đương với 2012.

➤ CÁC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Để tạo đà tăng trưởng cho năm 2013 và các năm tiếp theo, HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- > Lĩnh vực Viễn thông: tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng hạ tầng internet băng thông rộng và các dịch vụ mới.
- > Lĩnh vực Phần mềm: đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mục đích mở rộng kinh doanh, bao gồm dự án tòa nhà FPT Hòa Lạc, FPT tại Quận 9 – TP HCM và FPT tại Đà Nẵng.
- > Lĩnh vực Nội dung số: tiếp tục đầu tư vào các game mới, nâng cấp các hệ thống cổng thông tin phục vụ

cho phát triển quảng cáo trực tuyến và đẩy mạnh quảng bá hệ thống thương mại điện tử.

- > Lĩnh vực Đào tạo: đầu tư xây mới cơ sở ĐH FPT tại TP HCM, mở rộng cơ sở chính của ĐH FPT tại Hòa Lạc.
- > Lĩnh vực Bán lẻ: đầu tư mở thêm 50 – 60 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng lên 100 – 110 vào cuối năm 2013.
- > Đầu tư cho công nghệ: dành 5% lợi nhuận trước thuế đầu tư cho các dự án phát triển công nghệ, tạo động lực tăng trưởng cho các năm tiếp theo.



QUẢN TRỊ CÔNG TY QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ & TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

| | |
|--------------------|----|
| Quản trị công ty | 62 |
| Quan hệ nhà đầu tư | 70 |
| Trách nhiệm xã hội | 78 |

Ngày 13/3 hàng năm được chọn là ngày Vi cộng đồng của FPT. Vào ngày này, toàn thể CBNV trong Tập đoàn đều tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện: Bảo vệ môi trường, từ thiện, hiến máu nhân đạo để góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

➤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ cũ đến tháng 4/2012:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|---------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Ông Trương Gia Bình | Chủ tịch HĐQT | 2/2 |
| 2 | Ông Lê Quang Tiến | Phó Chủ tịch HĐQT | 2/2 |
| 3 | Ông Bùi Quang Ngọc | Phó Chủ tịch HĐQT | 2/2 |
| 4 | Ông Hoàng Minh Châu | Phó Chủ tịch HĐQT | 2/2 |
| 5 | Bà Trương Thị Thanh Thanh | Phó Chủ tịch HĐQT | 2/2 |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Nam | Ủy viên HĐQT | 1/2 |
| 7 | Ông Nguyễn Điệp Tùng | Ủy viên HĐQT | 2/2 |
| 8 | Ông Trương Đình Anh | Ủy viên HĐQT | 2/2 |
| 9 | Ông Đỗ Cao Bảo | Ủy viên HĐQT | 2/2 |
| 10 | Ông Hoàng Nam Tiến | Ủy viên HĐQT | 2/2 |
| 11 | Ông Jonathon Waugh | Ủy viên HĐQT | 2/2 |

Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ mới 2012 – 2017 cho khoảng thời gian từ 12/04/2012 đến 31/12/2012:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ dự họp |
|-----|--------------------------|-------------------|--------------|
| 1 | Ông Trương Gia Bình | Chủ tịch HĐQT | 4/4 |
| 2 | Ông Bùi Quang Ngọc | Phó Chủ tịch HĐQT | 4/4 |
| 3 | Ông Đỗ Cao Bảo | Ủy viên HĐQT | 4/4 |
| 4 | Ông Trương Đình Anh | Ủy viên HĐQT | 3/4 |
| 5 | Ông Lê Song Lai | Ủy viên HĐQT | 3/4 |
| 6 | Bà Lê Nữ Thùy Dương | Ủy viên HĐQT | 3/4 |
| 7 | Ông Jean-Charles Belliol | Ủy viên HĐQT | 4/4 |

Năm 2012, HĐQT Công ty Cổ phần FPT đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường và triển khai lấy ý kiến bằng văn bản nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

| Phiên họp | Thành phần tham dự | Nội dung chính |
|----------------------------|--|---|
| Phiên 1 Ngày 22/02/2012 | HĐQT: 10/11 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 1/3 - Ban điều hành: 3/3 | - Ban Điều hành báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 tháng đầu năm. - Giám đốc Chiến lược báo cáo tình hình OneFPT và lịch trình OneFPT năm 2012. - Trình bày chủ trương xây dựng hệ thống xếp hạng công ty và giao cho Ủy ban thường trực HĐQT (EXCO) rà soát và hoàn thiện. |
| Phiên 2 Ngày 10/04/2012 | HĐQT: 10/11 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 2/3 - Ban điều hành: 3/3 | - Trình bày bản sửa đổi Quy định Quản trị Cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành FPT (Phiên bản 2.0). - Trình bày đề xuất điều kiện hạn chế chuyển nhượng 1 năm đối với ít nhất 50% số cổ phiếu thưởng dành cho cán bộ từ cấp L6 trở lên. - Trình bày phương án tăng vốn cho các CTTV: Công ty Hệ thống thông tin FPT, Công ty Phần mềm FPT, Công ty Thương mại FPT, Khối giáo dục FPT. - Thông qua các đề xuất về chương trình Đại hội Cổ đông thường niên 2012 và Danh sách đề cử ứng viên HĐQT và Ban Kiểm soát FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017. - Trình bày dự thảo Nghị quyết HĐQT về Văn hóa. |
| Phiên 3 Ngày 29/08/2012 | HĐQT: 7/7 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 3/3 - Ban điều hành: 3/3 | - Thông qua kế hoạch kinh doanh điều chỉnh 2012 theo đề xuất của Ban Điều hành. - Trình bày mức thù lao cho các thành viên HĐQT. - Đề xuất Quy định Quản trị Công ty sửa đổi. |
| Phiên 4 Ngày 26/09/2012 | HĐQT: 6/7 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 3/3 - Ban điều hành: 2/3 | - Thông qua việc triệu tập cuộc họp bất thường HĐQT. - Thông qua việc miễn nhiệm TGD đối với ông Trương Đình Anh và bổ nhiệm ông Trương Gia Bình làm TGD mới. |
| Phiên 5 Ngày 22/11/2012 | HĐQT: 6/7 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 2/3 - Ban điều hành: 3/3 | - Ban điều hành trình bày kết quả hoạt động kinh doanh Quý III và dự báo khả năng hoàn thành kế hoạch của cả năm 2012. - Trình bày Chiến lược FPT trong 3 năm giai đoạn 2013– 2015, theo đó tập trung phát triển để trở thành nhà cung cấp toàn cầu về dịch vụ thông minh (SMART) theo kịch bản tăng trưởng trung bình và tùy hoàn cảnh cần nhắc các kịch bản tốt hơn hay xấu hơn. |
| Phiên 6 Ngày 28/12/2012 | HĐQT: 6/7 thành viên Quan sát viên: - Ban kiểm soát: 3/3 - Ban điều hành: 3/3 | - Ban điều hành trình bày kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012. - Ban điều hành trình bày Kế hoạch FPT năm 2013. - Ủy ban Tổ chức cán bộ trình bày Chương trình quy hoạch và đào tạo cán bộ cao cấp kế cận. |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

(tiếp theo)

Các quyết định của HĐQT:

Trong năm 2012, HĐQT đã ban hành các quyết định triển khai các nội dung được HĐQT thông qua. Ngoài ra, HĐQT còn ban hành thêm các quyết định:

- Quy trình miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo
- Triển khai kế hoạch Xây dựng Bản đồ Chiến lược OneFPT
- Thành lập Ủy ban Thường trực nhiệm kỳ 2012 – 2013
- Thành lập nhóm công tác cho Đề án Xây dựng Hệ thống Xác thực Hóa đơn tại Việt Nam
- Thành lập Hội đồng Công nghệ
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm soát nội bộ, Chủ tịch Ủy ban tổ chức cán bộ
- Triển khai hoạt động xây dựng Chiến lược và Kế hoạch 2013
- Quyết định xây dựng ý tưởng cho Đại lễ hội ¼ thế kỷ của FPT.

Các nghị quyết của HĐQT:

| STT | Số | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01A.01-2012 -NQ-FPT-HĐQT | 31/01/2012 | Thông qua việc thành lập Công ty CP Bán lẻ KTS (FRT). |
| 2 | 01.03-2012 -NQ-FPT-HĐQT | 28/03/2012 | Thông qua chương trình và nội dung trình ĐHCĐ thường niên FPT 2012. |
| 3 | 03.04.2012 -NQ-FPT-HĐQT | 12/04/2012 | Thông qua danh sách đề cử HĐQT. |
| 4 | 01.08.2012 -NQ-FPT-HĐQT | 09/08/2012 | Thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 – Công ty Cổ phần FPT. |
| 5 | 03.08-2012 -NQ-FPT-HĐQT | 30/08/2012 | Thông qua KHKD điều chỉnh 2012. |
| 6 | 01.09.2012 -NQ-FPT-HĐQT | 26/09/2012 | Thông qua việc triệu tập cuộc họp bất thường HĐQT. Thông qua việc miễn nhiệm TGD đối với ông Trương Đình Anh. Thông qua việc bổ nhiệm ông Trương Gia Bình làm TGD mới. |
| 7 | 01.11.2012 -NQ-FPT-HĐQT | 06/11/2012 | Thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt. |

➤ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

» Ủy ban Thường trực

Với sự thay đổi TGD từ tháng 9/2012, thành viên Ủy ban Thường trực cũng có sự thay đổi. Theo đó, ông Trương Đình Anh không còn tiếp tục là thành viên của Ủy ban Thường trực. Hiện tại, Ủy ban Thường trực bao gồm các thành viên:

- › Ông Trương Gia Bình, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
- › Ông Bùi Quang Ngọc, Phó Chủ tịch HĐQT
- › Ông Đỗ Cao Bảo, thành viên HĐQT

Ủy ban Thường trực họp định kỳ hàng tuần. Ban Điều hành thường xuyên cập nhật, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng/quý của từng công ty thành viên, đề xuất các vấn đề phát sinh trong hoạt động điều hành. Thông qua sự trao đổi thường xuyên liên tục này, Ủy ban Thường trực nắm rõ tình hình hoạt động và công tác điều hành của các công ty thành viên và FPT để có được những chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo các mục tiêu kế hoạch và định hướng chiến lược được tuân thủ.

Ủy ban Thường trực thực thi nhiệm vụ thường trực thông qua việc rà soát, thảo luận và ra quyết định/ý kiến đối với các đề xuất về chính sách lương thưởng, nhân sự, tái cấu trúc, các đề án kinh doanh mới,... từ đó phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền ra quyết định hoặc đưa ra ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên trước khi thảo luận tại HĐQT, Đại hội đồng Cổ đông.

» Ủy ban Tổ chức cán bộ

Tháng 7/2012, chức vụ Chủ tịch Ủy ban Tổ chức cán bộ FPT được chuyển giao từ ông Bùi Quang Ngọc sang ông Đỗ Cao Bảo.

Trong năm 2012, Ủy ban Tổ chức cán bộ đã xây dựng và triển khai các công việc sau:

- › Xây dựng chương trình quy hoạch và đào tạo cán bộ cao cấp kế cận nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo tài năng cho FPT trong tương lai.
- › Xây dựng Chính sách Đãi ngộ FPT mới theo hướng minh bạch hóa thu nhập đến từng cá nhân: khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân thay vì khuyến khích đến đơn vị thành viên, bộ phận. Mỗi cá nhân được biết kế hoạch thu nhập năm của mình ngay từ đầu năm; đến cuối năm dựa vào mức độ hoàn thành kế hoạch của FPT, đơn vị thành viên và bản thân, mỗi cá nhân tự tính được thu nhập của mình. Chính sách này cũng khuyến khích nghiên cứu phát triển (R & D) và các bộ phận kinh doanh mới (start up), xây dựng cơ chế thưởng lũy tiến cho việc hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh, khuyến khích hợp lực và sự gắn bó lâu dài với FPT.
- › Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, gắn liền với mô tả công việc và vị trí chức danh.
- › Chỉ đạo xây dựng bản mô tả công việc cho lãnh đạo các cấp và khối đảm bảo (hơn 100 bản mô tả công việc).
- › Chỉ đạo xây dựng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm trong sổ tay lãnh đạo.
- › Chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế quản lý ngành dọc FPT và các quy chế, quy định nội bộ khác.

Xây dựng các chương trình hành động cụ thể theo định hướng chiến lược của Tập đoàn (Balanced Scorecard - BSC), trong đó mảng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là điểm trọng yếu xuyên suốt phục vụ chiến lược của Tập đoàn. Từ các chương trình này tiếp tục triển khai xây dựng các kế hoạch hoạt động chi tiết và các chỉ số đánh giá cho từng giai đoạn.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

» Ủy ban Kiểm soát nội bộ

Tháng 7/2012, chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ được chuyển giao từ ông Nguyễn Điệp Tùng cho ông Bùi Quang Ngọc.

Trong năm 2012, Ủy ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện các cuộc kiểm soát:

» Mạng Xây dựng Hệ thống:

- Thu thập, rà soát việc kê khai lợi ích liên quan của toàn bộ Tập đoàn.

- Tổ chức soạn thảo Quy định Xử lý vi phạm trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt nhằm tăng cường tính tuân thủ trong toàn FPT.

- Rà soát các Quy định, Quy chế nội bộ của FPT và các Công ty Thành viên, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp hơn với tình hình thực tế.

» Mạng Kiểm soát tại các Đơn vị Thành viên:

- Hoàn thành việc kiểm soát theo đúng kế hoạch tại 06 đơn vị gồm: FPT City, FPT Services, FPT Hòa Lạc, FPT Software HCM, FPT Telecom HCM và FPT Software Hòa Lạc.

Kiểm soát bổ sung phát sinh ngoài kế hoạch tại 3 đơn vị gồm: FPT Land, FPT Capital và FPT Online.

» Văn phòng Chủ tịch HĐQT (VP HĐQT)

VP HĐQT hỗ trợ Chủ tịch và HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi cần thiết, soạn lập và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các Quy chế hoạt động, Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác. VP HĐQT cũng

là bộ phận triển khai một số dự án nghiên cứu khả thi theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.

Hàng năm, VP HĐQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức các sự kiện lớn như Đại hội đồng cổ đông thường niên (hoặc bất thường nếu có), Hội nghị Chiến lược toàn FPT.

➤ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT:

» Một số hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2012

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động, đặc biệt là công tác tài chính Tập đoàn, Ban kiểm soát FPT đã tuân thủ quy định về tiến hành các cuộc họp theo định kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để thực hiện một số công việc chính như sau nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông:

- » Kiểm soát, giám sát để FPT hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Điều lệ công ty cũng như những vấn đề được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đã thông qua. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị, nghị quyết của HĐQT sau mỗi phiên họp định kỳ và đột xuất.
- » Các thành viên BKS luôn cử người tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- » Tham gia Hội nghị Chiến lược 2012 của Tập đoàn vào tháng 11/2012 tại Ninh Bình. Có nhiều ý kiến đóng góp vào kế hoạch xây dựng Bản đồ chiến lược Balanced Scorecard và xây dựng các chỉ tiêu KPI quản trị toàn Tập đoàn.
- » Tiến hành xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng quý do Ban TGD và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị để có thể kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát của mình.

» Xem xét báo cáo của Kiểm toán độc lập, báo cáo của các cơ quan chức năng và có ý kiến về những vấn đề các bên kiểm toán độc lập đưa ra dưới góc độ của mình.

» Xem xét kết luận báo cáo của các đoàn thanh tra thuế, các đoàn kiểm tra đến kiểm tra công tác tài chính của FPT và các đơn vị thành viên.

» Giám sát việc báo cáo, chỉnh sửa sau thanh tra, nhằm góp ý và chấn chỉnh hoạt động tài chính của Tập đoàn và các công ty thành viên hoạt động đúng qui định của pháp luật.

» Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn

Ban Kiểm soát đã tổ chức làm việc với Ban điều hành và Ban Tài chính kế toán Tập đoàn để xem xét và kiểm tra việc thực hiện một số nội dung tài chính như sau:

» Việc thực hiện thủ tục phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động có thành tích đóng góp năm 2011: tổng trị giá phát hành 3.762.899 cổ phiếu tương đương gần 1,4% trị giá vốn vào thời điểm phát hành (đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua). Qua kiểm tra, BKS xác nhận việc phát hành tuân thủ đúng quy chế phát hành do HĐQT được ủy quyền ban hành và đúng đối tượng được hưởng ưu đãi.

» Việc thực hiện chi trả gốc và cổ tức trái phiếu trong đợt phát hành trái quyền 1.800 tỷ vào tháng 9 năm 2012. Hiện đã trả đủ.

» Việc thu hồi khoản công nợ 700 tỷ tạm ứng đặt cọc trong dự án với EVN Telecom. Hiện đã thu hồi xong.

» Xem xét toàn bộ các Biên bản thanh tra, kiểm tra của Cục thuế, Thanh tra thuế với Tập đoàn và các công ty thành viên trong năm 2012 do Ban Tài chính cung cấp. Kiểm tra việc triển khai kết luận sau thanh tra của các đơn vị liên quan.

» Đến hết năm 2012, Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính chung của Tập đoàn. Các quy trình hoạt động tài chính tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ đã ban hành.

» Phối hợp làm việc với công ty kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong

quá trình kiểm toán. Ban Kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Tập đoàn và tổ chức kiểm toán độc lập đã ban hành trong năm 2012.

» Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ với Nhà nước của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác. Trong năm 2012, Tập đoàn đã tính và nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước kể trên đầy đủ, chưa phát hiện hiện tượng gian lận thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước.

» Tuy nhiên, trong tình hình kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2013 còn nhiều biến động, thị trường vốn và tín dụng tiềm ẩn có nhiều rủi ro, Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT cần chuẩn bị và trình bày với Đại hội đồng Cổ đông 2013 kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn trong năm 2013 và những năm tiếp theo.

➤ CHÍNH SÁCH THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2012, HĐQT FPT và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngân sách thù lao tương ứng là 5,4 tỷ đồng và 388,2 triệu đồng. Cụ thể thù lao thực tế năm 2012 như sau:

- HĐQT: 5,17 tỷ đồng

Thu nhập các thành viên HĐQT bao gồm thu nhập cho Hoạt động hội đồng quản trị, hoạt động điều hành mà các thành viên HĐQT có kiêm nhiệm. Cấu trúc thu nhập của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

| Thành viên HĐQT | Lương | Thưởng | Thù lao | Tổng cộng |
|----------------------|-------|--------|---------|-----------|
| Trương Gia Bình | 33% | 67% | 0% | 100% |
| Bùi Quang Ngọc | 33% | 67% | 0% | 100% |
| Đỗ Cao Bảo | 53% | 47% | 0% | 100% |
| Trương Đình Anh | 44% | 53% | 4% | 100% |
| Lê Nữ Thùy Dương | 0% | 0% | 100% | 100% |
| Lê Song Lai | 0% | 0% | 100% | 100% |
| Jean Charles Belliol | 0% | 0% | 100% | 100% |

- Ban kiểm soát: 260,4 triệu đồng

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

➤ QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ GIỮA FPT VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

FPT quản trị các công ty thành viên thông qua việc yêu cầu tuân thủ Hệ thống quản trị FPT. Hệ thống quản trị FPT là hệ thống quản trị toàn diện tất cả các lĩnh vực/hoạt động trong quản trị doanh nghiệp, mang bản sắc riêng, được văn bản hóa, quy ước phương thức tư duy, cách thức hành động của mọi đơn vị thành viên của FPT trong việc quản lý và vận hành các hoạt động.

Một số hoạt động quản trị tiêu biểu:

- » Phê duyệt phương hướng, chiến lược kinh doanh vào tháng 10 hàng năm.
- » Phê duyệt kế hoạch trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm: định kỳ hàng năm, các đơn vị trong FPT chịu trách nhiệm lập các kế hoạch như Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch tài chính khác như dòng tiền, bảng cân đối tài chính. Năm 2012, FPT yêu cầu các đơn vị thành viên lập kế hoạch với 3 kịch bản khác nhau nhằm kịp thời phản ứng với diễn biến của kinh tế vĩ mô. Định kỳ giữa năm công ty sẽ tổ chức họp xem xét tình hình hoạt động theo kế hoạch.
- » Ban điều hành FPT và các đơn vị thành viên họp định kỳ hàng tuần về tình hình hoạt động kinh doanh trong tuần và kế hoạch cho các tuần tiếp theo.
- » Quản lý nhân sự:
- » Các công ty thành viên tuân thủ chính sách nhân sự khung của FPT, sử dụng chung Sổ tay Nhân sự và sử dụng chung hạ tầng CNTT tập trung về nhân sự.
- » FPT quản lý cán bộ cao cấp (từ L6), bao gồm việc HDQT công ty thành viên cùng BDH FPT phối hợp lựa chọn cán bộ vào các vị trí then chốt (thành viên BDH) trình Ủy Ban Tổ chức cán bộ FPT phê duyệt việc bổ nhiệm/bãi miễn. Riêng TGD các công ty thành viên do HDQT FPT phê duyệt. FPT có quyền điều động, chuyển chuyển cán bộ cao cấp giữa các công ty thành viên.
- » Các đơn vị phải tuân thủ hệ thống thang bảng lương chung và chính sách đãi ngộ của FPT.

- » Năm 2012, FPT xây dựng bản Mô tả công việc và lộ trình thăng tiến cho các vị trí trong Tập đoàn nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự.

➤ QUẢN TRỊ RỦI RO:

Hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn dựa trên nguyên tắc nhất quán là nhận biết sớm các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh hiện hữu cũng như các hoạt động kinh doanh, đầu tư mới để có chính sách quản trị toàn diện.

Các rủi ro chính và biện pháp quản trị:

» Rủi ro phát sinh hoạt động kinh doanh:

Các hoạt động kinh doanh luôn phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường. FPT luôn chú trọng nâng cao năng lực quản lý, năng lực cạnh tranh trên phương diện toàn Tập đoàn cũng như từng công ty thành viên thông qua xây dựng chiến lược dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng lĩnh vực trên cơ sở phân tích thị trường, đối thủ, cơ hội cũng như áp dụng các công cụ quản lý hiện đại, toàn diện.

Một số rủi ro cụ thể khác:

» Rủi ro tỷ giá:

FPT có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Dù thị trường hàng CNTT có đặc điểm là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá đầu ra, Tập đoàn cũng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá cũng như tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá (hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn, neo tỷ giá bán ra, thu tiền trước...)

» Rủi ro công nợ, hàng tồn:

Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng nội bộ về năng lực tài chính của khách hàng một cách có hệ

thống theo thời gian, kết hợp với đánh giá của các tổ chức tài chính trung gian cung cấp dịch vụ bảo hiểm các khoản phải thu để làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Phần lớn các khách hàng được cấp tín dụng mua hàng của FPT đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Hoạt động kiểm soát công nợ được tiến hành thường xuyên: phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Hàng tồn kho được quản lý chặt chẽ từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

» Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư:

Bao gồm đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại, đầu tư cho hoạt động mua bán sáp nhập, cho R&D, đầu tư ra nước ngoài. Rủi ro có thể phát sinh từ các dự án thiếu hiệu quả kéo theo nhiều hệ lụy về vốn và kết quả kinh doanh.

Rủi ro hoạt động đầu tư được quản trị chặt chẽ từ giai đoạn đánh giá khả thi, các dự án lớn đều phải thông qua Hội đồng đầu tư cấp Tập đoàn, được phân tích toàn diện trên các phương diện nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh, tài chính, công nghệ, nhằm nhận biết các rủi ro liên quan cũng như mức độ tác động, tránh các rủi ro không lường trước có thể gây ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn cũng như lợi ích của cổ đông.

» Rủi ro về dòng tiền:

Dòng tiền luôn đặc biệt quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh thị trường khó khăn. Tập đoàn đã áp dụng việc quản lý dòng tiền tập trung nhằm: (1) tối ưu hóa nguồn tiền trên phương diện tổng thể của Tập đoàn, giảm rủi ro do quản lý manh mún tại các công ty thành viên, đồng thời nâng cao vị thế đàm phán của Tập đoàn với các định chế tài chính; (2) đảm bảo tính thanh khoản, giúp hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên luôn thông suốt, đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tài chính cũng như yêu cầu về đầu tư cho tăng trưởng.

» Rủi ro về nhân sự:

CNTT là ngành đòi hỏi hàm lượng chất xám cao, yếu tố quan trọng hàng đầu và quyết định thành công về lâu dài là nhân lực và trình độ nhân lực, Tập đoàn sở hữu những bản quyền công nghệ nào. Phần lớn các lĩnh vực kinh doanh cũng như định hướng chiến lược của Tập đoàn đều dựa rất nhiều vào nguồn lực về con người với quy mô lớn ở các trình độ khác nhau, từ đó

đặt ra những thách thức, rủi ro trong việc tuyển dụng và đảm bảo nhân sự trình độ cao gắn bó lâu dài.

FPT luôn chú trọng vào việc hoàn thiện chế độ đãi ngộ cho nhân sự các khối công nghệ, kinh doanh, hỗ trợ, đảm bảo thu nhập, quyền lợi có tính cạnh tranh, toàn diện hơn so với mặt bằng chung của thị trường.

FPT có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích về đào tạo nhằm hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn, truyền thông về lộ trình thăng tiến rõ ràng đến từng nhân viên để đảm bảo sự gắn bó lâu dài. Xây dựng các chương trình mới mẻ, thực tiễn, có tính đột phá trong đào tạo, tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự mới cũng như yêu cầu xây dựng đội ngũ kế cận trong Tập đoàn.

» Rủi ro vĩ mô, chính sách:

Nền kinh tế của Việt Nam còn nhiều bất cập, chịu ảnh hưởng rất mạnh của chu kỳ kinh tế (cơ cấu kinh tế mất cân đối, dựa nhiều vào tài nguyên, chi phí lao động thấp; nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng; mất cân đối về phân bổ nguồn lực, ưu đãi chính sách giữa khối doanh nghiệp tư nhân và nhà nước; giáo dục đào tạo còn nặng về hình thức, thiếu thực tiễn, không gắn với quy hoạch ngành).

Nguồn lực quốc gia mỏng dẫn đến hạn chế trong việc chủ động can thiệp thúc đẩy kinh tế, kiểm soát tỷ giá, tỷ lệ vàng hóa, đô la hóa trong nền kinh tế còn cao. Rủi ro lạm phát luôn hiện hữu. Chính sách điều hành nhiều khi còn chưa minh bạch, và thiếu tính định hướng cho doanh nghiệp, người dân.

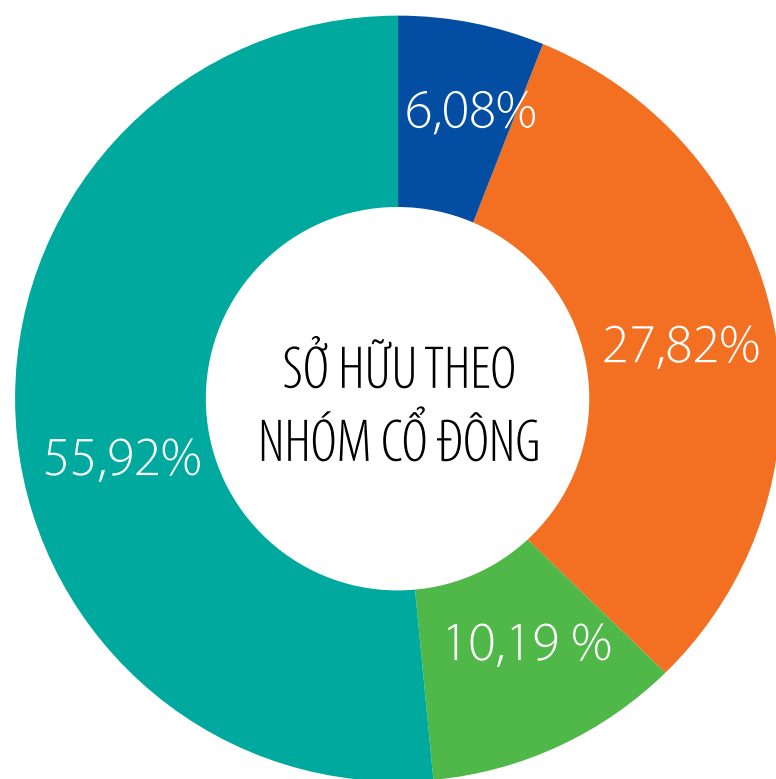
Với đặc thù là Tập đoàn CNTT, FPT còn chịu ảnh hưởng bởi các chính sách quản lý trong lĩnh vực này (chiến lược phát triển CNTT Quốc gia; định hướng cho chính quyền địa phương, các cơ quan lớn của Chính phủ; những chính sách cụ thể về đầu thầu, mua sắm hệ thống, thiết bị, giải pháp phần mềm...).

Trong môi trường vĩ mô và chính sách như vậy, đòi hỏi các doanh nghiệp trong đó có FPT phải chủ động, linh hoạt để thích ứng. Tập đoàn luôn chú trọng việc theo dõi sát các chính sách, định hướng lớn của Chính phủ để có những điều chỉnh về chiến lược cho phù hợp, đồng thời chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cho các cơ quan hữu trách, hướng tới việc nâng cao vai trò của CNTT trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

273.848.833

tổng cổ phần



- NHÀ NƯỚC (SCIC)
- CỔ ĐÔNG NỘI BỘ
- CỔ ĐÔNG NGOÀI (cá nhân)
- CỔ ĐÔNG NGOÀI (tổ chức)

➤ BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2013

| Loại cổ phần | Cổ phần | % | Mệnh giá (VND) | Quyền biểu quyết |
|-------------------------------|--------------------|-------------|----------------|------------------|
| Cổ phần phổ thông | 273.768.110 | 99,97% | 10.000 | 1:1 |
| Quý cổ phiếu ưu đãi nhân viên | 80.723 | 0,03% | 10.000 | 1:0 |
| Tổng | 273.848.833 | 100% | | |

| Sở hữu theo số cổ phần | Số cổ đông | % | Cổ phần | % |
|------------------------|---------------|----------------|--------------------|----------------|
| 1-999 | 9.576 | 72,08% | 2.124.055 | 0,78% |
| 1.000-10.000 | 3.043 | 22,90% | 8.375.904 | 3,06% |
| 10.001-1.000.000 | 618 | 4,65% | 66.509.920 | 24,29% |
| 1.000.001 trở lên | 49 | 0,37% | 196.838.954 | 71,88% |
| Tổng | 13.286 | 100,00% | 273.848.833 | 100,00% |

SỞ HỮU THEO NHÓM CỔ ĐÔNG

| Sở hữu theo nhóm cổ đông | Số cổ đông | % | Cổ phần | % |
|--|---------------|----------------|--------------------|----------------|
| Nhà nước (SCIC) | 1 | 0,01% | 16.639.800 | 6,08% |
| Cổ đông nội bộ | 2.898 | 21,81% | 76.182.736 | 27,82% |
| <i>HĐQT, Ban Điều hành, BKS và KTT</i> | 9 | 0,07% | 34.437.252 | 12,58% |
| <i>Nhân viên</i> | 2.889 | 21,74% | 41.745.484 | 15,24% |
| Cổ đông ngoài (cá nhân) | 10.142 | 76,34% | 27.892.084 | 10,19% |
| Cổ đông ngoài (tổ chức) | 245 | 1,84% | 153.134.213 | 55,92% |
| Tổng | 13.286 | 100,00% | 273.848.833 | 100,00% |

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

(tiếp theo)

| Sở hữu theo địa lý | Số cổ đông | % | Cổ phần | % |
|--------------------|---------------|----------------|--------------------|----------------|
| Việt Nam | 11.928 | 89,78% | 139.710.000 | 51,02% |
| <i>Cá nhân</i> | <i>11.822</i> | <i>88,98%</i> | <i>100.881.772</i> | <i>36,84%</i> |
| <i>Tổ chức</i> | <i>106</i> | <i>0,80%</i> | <i>38.828.228</i> | <i>14,18%</i> |
| Nước ngoài | 1.358 | 10,22% | 134.138.833 | 48,98% |
| <i>Cá nhân</i> | <i>1.218</i> | <i>9,17%</i> | <i>3.193.048</i> | <i>1,17%</i> |
| <i>Tổ chức</i> | <i>140</i> | <i>1,05%</i> | <i>130.945.785</i> | <i>47,82%</i> |
| Tổng | 13.286 | 100,00% | 273.848.833 | 100,00% |

| 10 cổ đông lớn nhất | Cổ phần | % |
|---|------------|--------|
| Orchid Fund Pte.Ltd | 29.168.462 | 10,65% |
| Trương Gia Bình | 19.571.869 | 7,15% |
| Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC) | 16.639.800 | 6,08% |
| Red River Holdings | 15.754.058 | 5,75% |
| Bùi Quang Ngọc | 10.173.325 | 3,71% |
| Hoàng Minh Châu | 5.086.876 | 1,86% |
| Nguyễn Thành Nam | 4.677.193 | 1,71% |
| Vietnam Equity Holding | 4.545.632 | 1,66% |
| Trương Thị Thanh Thanh | 4.453.222 | 1,63% |
| Phan Ngô Tổng Hưng | 4.275.625 | 1,56% |

THÔNG TIN CHUNG VỀ CỔ PHIẾU FPT 2012

Trong năm 2012, FPT đã thực hiện chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông như sau:

Chi trả cổ tức

1. Trả cổ tức phần còn lại của năm 2011 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/mệnh giá vào ngày 01/06/2012.
2. Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2011 theo tỷ lệ 25%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/05/2012.
3. Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/ mệnh giá vào ngày 17/09/2012.
4. Tạm ứng cổ tức đợt 02 năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/ mệnh giá vào ngày 28/12/2012.

Phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, Tập đoàn đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2011 theo tỷ lệ 25%, nâng vốn điều lệ lên 2.700.859.340.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011, FPT đã thực hiện phát hành cổ phần phổ thông cho người lao động có thành tích đóng góp trong năm 2011 và cổ phần ưu đãi cho CBNV, nâng vốn điều lệ lên 2.738.488.330.000 đồng.

Tình hình giao dịch cổ phiếu quỹ.

| STT | Thời gian | Số lượng CP quỹ | Mua lại | Phân bổ | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------|---------|---------|--|
| 1 | Chốt đến 31/12/2011 | 51.344 | | | |
| 2 | 01/03 – 15/03/2012 | | 476 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 3 | 16/03 – 31/03/2012 | | 3.979 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 4 | 16/04 – 30/04/2012 | | 1.234 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 5 | 07/06/2012 | | | 240 | Theo QĐ số 48-2012/QĐ-FPT-HĐQT ngày 07/06/2012 |
| 6 | 16/06 – 30/06/2012 | | 7.829 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 7 | 16/07 – 31/07/2012 | | 3.248 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 8 | 16/08 – 28/08/2012 | | 4.715 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 9 | 16/09 – 30/09/2012 | | 2.050 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 10 | 16/10 – 31/10/2012 | | 1.391 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 11 | 16/11 – 30/11/2012 | | 2.968 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 12 | 16/12 – 31/12/2012 | | 440 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 13 | 16/01 – 31/01/2013 | | 772 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 14 | 16/02 – 28/02/2013 | | 517 | | Công ty mua lại CPUBNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT |
| 15 | Chốt đến 28/02/2013 | 80.723 | | | |

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

(tiếp theo)

Thông tin chung về trái phiếu FPT 2012

Ngày 09/10/2012, FPT đã thực hiện trả gốc 1.800 tỷ đồng và lãi trái phiếu với lãi suất 7%/năm cho các trái chủ. Đây là đợt trả gốc và lãi cuối cùng liên quan tới trái phiếu phát hành trong năm 2009, với tổng giá trị 1.800 tỷ đồng.

Ngày 05/10/2012, Công ty đã công bố thông tin về việc thực hiện chứng quyền năm 2012. Thời gian thực hiện từ ngày 09/10/2012 – 22/10/2012 với tỷ lệ mỗi chứng quyền cho phép người nắm giữ được mua 16,654 cổ phiếu phổ thông. Ngày thực hiện chứng quyền lần cuối cùng là ngày 09/10/2013.

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BGD, BKS, KTT

| Họ tên | Tỷ lệ sở hữu | Chức danh |
|----------------------|--------------|------------------------|
| Trương Gia Bình | 7,15% | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD |
| Bùi Quang Ngọc | 3,71% | Phó chủ tịch HĐQT |
| Đỗ Cao Bảo | 1,17% | Thành viên HĐQT |
| Trương Đình Anh | 0,42% | Thành viên HĐQT |
| Lê Song Lai | 0,00% | Thành viên HĐQT |
| Lê Nữ Thùy Dương | 0,00% | Thành viên HĐQT |
| Jean Charles Belliol | 0,00% | Thành viên HĐQT |
| Chu Thị Thanh Hà | 0,01% | Phó TGD |
| Nguyễn Thế Phương | 0,06% | Phó TGD |
| Nguyễn Việt Thắng | 0,01% | Trưởng ban BKS |
| Nguyễn Khải Hoàn | 0,03% | Thành viên BKS |
| Cao Duy Hà | 0,00% | Thành viên BKS |
| Hoàng Hữu Chiến | 0,02% | Kế toán trưởng |



Gặp gỡ nhà đầu tư

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-----|---|--|---------------------------|-------|----------------------------|--------|------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Orchid Fund Pte.Ltd | Cổ đông lớn Ủy viên HĐQT | 15.014.180 | 6,94% | 23.874.770 | 11,06% | Mua |
| 2 | Red River Holding (do ông Jean Charles Belliol đại diện) | Cổ đông lớn Ủy viên HĐQT | 11.890.863 | 5,51% | 15.754.059 | 5,75% | Mua |
| 3 | Đỗ Cao Bảo | Cổ đông nội bộ Ủy viên HĐQT | 4.081.762 | 1,49% | 3.209.650 | 1,17% | Bán |
| 4 | Nguyễn Thị Dư | Vợ của ông Đỗ Cao Bảo Ủy viên HĐQT | - | 0,00% | 6.000 | 0,00% | Mua |
| 5 | Chu Hùng Thắng | Em trai của bà Chu Thị Thanh Hà - PTGD FPT | 38.750 | 0,01% | 37.750 | 0,01% | Bán |
| 6 | Bùi Nguyễn Phương Châu | Cổ đông nội bộ Người CBTT | 19.810 | 0,01% | 2 | 0,00% | Bán |
| 7 | Nguyễn Khải Hoàn | Cổ đông nội bộ Thành viên BKS | 60.825 | 0,03% | 50.825 | 0,02% | Bán |

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

(tiếp theo)



Nhà đầu tư trong ĐHCĐ 2012



Nhà đầu tư đặt câu hỏi trong ĐHCĐ 2012

➤ CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư ("IR") của Tập đoàn là bộ phận chuyên trách thực hiện công tác tiếp đón, cập nhật thông tin cho cổ đông, chuyên gia phân tích, giới thiệu FPT cho các nhà đầu tư tiềm năng, góp phần xây dựng thương hiệu FPT trên thị trường.

Các công ty chứng khoán hàng đầu đều đưa ra các bản báo cáo phân tích định kỳ về FPT như SSI, HSC, BVSC, Maybank Kim Eng, FPT. Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam vẫn là thị trường tiềm năng, trong đó FPT luôn là một cái tên nổi bật khi họ có ý định sang thăm và làm việc tại Việt Nam.

Cũng như các năm trước, trong năm 2012, Tập đoàn đã đón tiếp rất nhiều các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến thăm, tìm hiểu và lựa chọn đầu tư vào FPT.

Trong năm 2012, FPT đã có hàng chục cuộc họp với hơn 50 tổ chức trong và ngoài nước, tiêu biểu như: Dragon Capital, Route One Investment Co., VinaCapital, Mekong Capital, Duxton Asset Management, Fullerton Fund Management, Vietnam Holding AM, VietFund Management, DK Capital, Artemis Investment Management, Standard Life Investment, Blackfriars Emerging Market, Standard Life Investment, đại diện bộ phận phân tích các công ty chứng khoán SSI, Maybank KimEng, HSC, Japan Securities, Vina Securities, Daiwa Securities và rất nhiều quỹ đầu tư khác.

Bên cạnh đó, FPT cũng tham dự một số cuộc hội thảo được các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn tổ chức như:

- » Hội thảo nhà đầu tư của UBS, được tổ chức tại Thái Lan vào cuối tháng 05/2012.
- » Hội thảo HOSE – Daiwa Vietnam Corporate Day tại Singapore vào đầu tháng 07/2012.
- » Hội thảo Vietnam Access Day do CTCK Bản Việt tổ chức tại TP HCM tháng 10/2012.

Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên và các hội thảo đầu tư trên, FPT luôn duy trì kênh thông tin thường xuyên với nhà đầu tư qua email, điện thoại và cuộc họp định kỳ hàng quý cập nhật kết quả kinh doanh.

Là một Tập đoàn lớn niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP HCM từ năm 2006, FPT luôn tuân thủ nghiêm túc và cập nhật đầy đủ các quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE). Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính được cập nhật hàng tháng, các sự kiện nổi bật luôn được cập nhật trong vòng 24h trên website chính thức của FPT tại địa chỉ http://www.fpt.com.vn/vn/quan_he_co_dong/, cũng như các phương tiện thông tin đại chúng.

Năm 2013, Bộ phận Quan hệ đầu tư đặt mục tiêu:

- » Chuyên nghiệp hóa khâu quan hệ với nhà đầu tư, gặp gỡ, cung cấp các bản tin kinh doanh hàng tháng, hàng quý và các ấn phẩm khác tới các cổ đông tổ chức, giúp các cổ đông, chuyên viên phân tích nắm rõ tình hình hoạt động của FPT và các định hướng phát triển.
- » Duy trì website tại địa chỉ http://www.fpt.com.vn/vn/quan_he_co_dong/ thành kênh thông tin cập nhật nhất các hoạt động của FPT và các công ty thành viên.
- » Phản hồi nhanh và kịp thời các câu hỏi của nhà đầu tư qua mục hỏi đáp trên website chính thức tại địa chỉ http://www.fpt.com.vn/vn/quan_he_co_dong/tro_giup_co_dong/hoi_dap/, email, điện thoại.
- » Tổ chức tốt các buổi họp định kỳ công bố kết quả kinh doanh hàng quý nhằm cập nhật thông tin kịp thời tới các cổ đông, nhà đầu tư và chuyên viên phân tích.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Trung tâm Bồi dưỡng Tài năng trẻ FPT mừng sinh nhật 13 tuổi.

FPT luôn coi một trong các sứ mệnh của mình là tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên, khách hàng, đối tác, cộng đồng được tiếp nhận thêm nhiều tri thức để phát huy tiềm năng, làm chủ cuộc sống. Cam kết này đã được phản ánh trong nhiều sản phẩm dịch vụ cũng như các chương trình xã hội mà FPT thực hiện trong nhiều năm qua.



Chủ tịch kiêm TGD FPT Trương Gia Bình tại Hội thảo Phát triển doanh nghiệp xã hội.

Là Tập đoàn công nghệ hàng đầu đất nước, cùng với Chính phủ, các tổ chức xã hội, cộng đồng, FPT mong muốn mang công nghệ và tri thức mới để giúp mỗi người cải thiện cuộc sống; giải quyết các vấn đề về đói nghèo, giáo dục, thiên tai, môi trường... Với nỗ lực của gần 15.000 nhân viên và sự ủng hộ của cộng đồng, đối tác..., FPT tin tưởng sẽ có nhiều đóng góp dài hạn và bền vững giúp Việt Nam xây dựng thành công một xã hội tri thức.

Năm 2012, FPT tuyển dụng thêm 3.800 trí thức mới, bổ sung hàng nghìn thành viên cho lực lượng của mình... Nguồn trí thức này chính là động lực để FPT tiếp tục thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trực tiếp đóng góp cho ngân sách quốc gia. Trong năm 2012, FPT nộp vào ngân sách Nhà nước 3.717 tỷ đồng.



Niềm vui của học sinh tham gia ngày hội ViOlympic do FPT tổ chức.



Giám đốc FPT HCM Trương Thành Thanh trong chương trình tối thăm mô liệt sĩ nhân ngày 27/7



Lễ trao giải Chim Én 2012 đã quy tụ hàng nghìn cánh én thiện nguyện trên cả nước tham gia.



"Mùa đông ấm" tặng gần 1.600 suất quà trong năm 2012 tại Hà Giang.

➤ HỖ TRỢ TÀI NĂNG TRẺ

Thành lập từ năm 1999, sau 13 khóa tuyển sinh thành công, đến nay, **Trung tâm Bồi dưỡng Tài năng Công nghệ trẻ (FPT Young Talent - FYT)** đã bồi dưỡng được hơn 300 thành viên. Hầu hết các thành viên của FYT đều đạt giải Quốc tế, Quốc gia trong các kỳ thi Olympic Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh... Trong quá trình sinh hoạt tại đây, các thành viên đã đạt được nhiều giải thưởng lớn trong các cuộc thi như: Trí Tuệ Việt Nam, Thập sáng Tài năng Kinh doanh trẻ, Nữ sinh Tài năng, Quả cầu Vàng... 40% thành viên của Trung tâm đã và đang học tập tại các trường đại học danh tiếng tại Mỹ, Anh, Pháp, Úc và Xing-ga-po... Trong năm 2012, FYT tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể như: Chương trình giao lưu cùng người Việt Nam đầu tiên làm việc cho Google, Giao lưu cùng "Giáo sư Xoay" Đinh Tiến Dũng, học tập kỹ năng thuyết trình, cuộc thi khởi nghiệp Kiểm tiến 30 giờ. Các hoạt động này nhằm rèn luyện trí và lực cho các thành viên FYT.

FPT cũng tham gia xây dựng và tài trợ nhiều học bổng có ý nghĩa nhằm hỗ trợ những học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cũng như khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cho các sinh viên tài năng. 350 suất học bổng Nguyễn Văn Đạo đã được trao, hàng trăm học bổng tài năng FPT trao cơ hội cho các em học sinh, sinh viên có năng lực, 30 suất học bổng cho các sinh viên kinh tế yêu thích CNTT.

Trong năm 2012, FPT đã trao học bổng với tổng giá trị gần 73 tỷ đồng.

➤ CÔNG NGHỆ VÌ CỘNG ĐỒNG

Là Tập đoàn hàng đầu về CNTT - VT, FPT xây dựng môi trường, công cụ giúp tri thức, công nghệ mới được lan tỏa khắp cộng đồng và xã hội.

Một trong các chương trình kết nối chia sẻ tri thức bằng việc áp dụng công nghệ đã triển khai thành công là Cuộc thi giải toán qua mạng Internet (ViOlympic), phối hợp với Bộ Giáo dục – Đào tạo. Cuộc thi đã thu được sự quan tâm hưởng ứng của hơn hàng triệu lượt học sinh từ lớp 1 – 12. Năm học 2012-2013 là năm thứ 5 ViOlympic được tổ chức. Ứng dụng ViOlympic – Em giỏi toán trên SmartTV ra mắt khẳng định về sự đổi mới hình thức tham gia violympic.vn trong năm học này.

Kết thúc năm 2012, số lượng tham gia ViOlympic đạt hơn gần 11 triệu thành viên, phổ cập tới hàng nghìn trường trên 63 tỉnh thành cả nước. Mỗi ngày, hệ thống ghi nhận trung bình 25.000 – 30.000 thành viên mới.

Vicongdong.vn là một dự án kết nối tri thức cộng đồng để giải quyết các bài toán xã hội. Đây là môi trường kết nối các nhà hoạt động xã hội khắp đất nước, nhằm phát huy những ý tưởng sáng tạo, kinh nghiệm và tinh thần tình nguyện để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, và cùng thực hiện các chương trình thiện nguyện có quy mô lớn.

Được xây dựng trở thành mạng cộng đồng thiện nguyện lớn nhất Việt Nam, tính đến nay, Vicongdong đã thu hút hơn 500 tổ chức thiện nguyện trong nước với hơn 50.000 thành viên tham gia hoạt động và hơn 6.000 lượt truy cập mỗi ngày. Trung bình mỗi tháng, website có 35 hoạt động thiện nguyện được tổ chức trên cả nước.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

(tiếp theo)

➤ ƯƠM MẮM NHÂN ÁI

FPT tin tưởng rằng, với thế mạnh về CNTT và lực lượng tri thức của mình, sẽ giúp lan tỏa và ươm mầm nhân ái ra toàn xã hội thông qua các hành động cụ thể. Nhằm lan tỏa và nuôi dưỡng tấm lòng nhân ái cho mỗi người FPT, năm 2012, FPT tiếp tục triển khai ngày "FPT vì cộng đồng" - 13/3 với sự hưởng ứng tham gia của lãnh đạo FPT cùng hơn 1.000 CBNV. Chương trình đã trao tặng 01 sân chơi cho trẻ em ung thư tại BV Nhi TW Hà Nội và trang thiết bị cho thư viện Khoa Nhi Bệnh viện Ung bướu TP HCM, đóng góp hơn 287 triệu đồng, gần 1.000 phần quà, 500 suất ăn cho các hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động hướng đến chia sẻ nỗi đau với các bệnh nhân ung thư cũng được FPT tổ chức trong suốt năm 2012 với 15 chương trình với các chủ đề Nụ cười cho em, Chung tay thắp lửa yêu thương, Vầng trăng yêu thương, Ngày vui của bé, trao hơn 1.700 phần quà tới hơn 2.000 bệnh nhân ung thư trị giá hơn 240 triệu. Chương trình "Tiết thực vì cộng đồng" với khẩu hiệu "Góp một bữa ăn sáng - Tiếp nguồn tri thức Việt" đã trao tặng 09 tủ sách với hơn 7.000 quyển sách tới các trẻ em nghèo hiếu học trên khắp miền đất nước.

Giải thưởng Tình nguyện Chim én, là giải thưởng tôn vinh những nhóm và cá nhân hoạt động từ thiện, tình nguyện tiêu biểu tại Việt Nam, sang năm thứ 04 được FPT tổ chức thành công. Chim én 2012 ấn tượng với 170 hồ sơ đăng ký giải thưởng, 10 chương trình đồng hành và hơn 1.000 tình nguyện viên tham gia. Chim én 2012 đã trao 16 giải thưởng cho tập thể cá nhân tiêu biểu.

Năm 2012, cũng là năm FPT tiếp tục phối hợp cùng với Hiệp hội bảo tồn động vật hoang dã (WCS) triển khai các hoạt động để khẳng định cam kết nói không với tiêu thụ động vật hoang dã. Poster tuyên truyền chương trình được dán tại 125 thang máy khắp các tòa nhà của FPT. Cuộc thi thiết kế poster bảo vệ động vật hoang dã cũng được nhiều CBNV công ty hưởng ứng.

Kết thúc năm 2012, Tập đoàn FPT tiếp tục chi hơn 80 tỷ đồng cho hoạt động xã hội, với hơn 8.000 lượt CBNV tham gia, đóng góp hơn 10.000 giờ lao động, hiến tặng gần 1.000 đơn vị máu, dành tặng gần 7.000 phần quà.



Tặng quà cho bệnh nhi tại Khoa Ung thư nhi, BV Ung bướu TP HCM.



Một buổi hiến máu nhân đạo tại FPT HCM.



Giải thưởng tình nguyện Chim én đã bước sang năm thứ 5



Người FPT thích thú với những poster trên cửa thang máy tòa nhà FPT Cầu Giấy (Hà Nội) và hưởng ứng kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã.



Chương trình "Mùa đông ấm" do các CLB thiện nguyện trên website vicongdong.vn kết hợp với tỉnh đoàn Hà Giang triển khai từ năm 2006 đến nay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ảnh: Ban lãnh đạo công ty FPT

Trong 25 năm lịch sử phát triển, FPT tự hào đã ghi được những dấu ấn quan trọng trong ngành CNTT của Việt Nam

"Chỉ sau một năm có quyết định cho phép doanh nghiệp cùng cạnh tranh Internet, FPT đã chiếm được 30% thị phần. Tôi rất mừng và thở phào bởi từ lúc này, không ai có thể đóng Internet vì cả xã hội đã thấy được sức mạnh quá lớn của nó".

(2012)
Ông MAI LIÊM TRỰC
Nguyên thứ trưởng Bộ Bưu chính viễn thông

Vững tin vào định hướng - Nền tảng của vững bền

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 8 - 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10 - 41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------------------|--|
| Ông Trương Gia Bình | Chủ tịch |
| Ông Bùi Quang Ngọc | Phó Chủ tịch |
| Ông Lê Quang Tiến | Phó Chủ tịch (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Hoàng Minh Châu | Phó Chủ tịch (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Bà Trương Thị Thanh Thanh | Phó Chủ tịch (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Đỗ Cao Bảo | Ủy viên |
| Ông Trương Đình Anh | Ủy viên |
| Ông Lê Song Lai | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Bà Lê Nữ Thùy Dương | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Jean Charles Belliol | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh | Ủy viên (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Điệp Tùng | Ủy viên (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Thành Nam | Ủy viên (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Hoàng Nam Tiến | Ủy viên (hết nhiệm kỳ ngày 14 tháng 4 năm 2012) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Trương Gia Bình | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2012) |
| Ông Trương Đình Anh | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Thế Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Chu Thị Thanh Hà | Phó Tổng Giám đốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2013

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 549/Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2013 từ trang 4 đến trang 41. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1576/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 10.229.470.211.202 | 11.372.728.248.045 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 2.318.915.022.090 | 2.902.382.823.282 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.448.573.791.559 | 1.498.138.209.402 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 870.341.230.531 | 1.404.244.613.880 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 7 | 662.020.767.658 | 861.597.468.810 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 677.627.389.412 | 861.597.468.810 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (15.606.621.754) | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.775.642.141.085 | 3.781.513.726.520 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 3.208.601.584.061 | 3.055.170.440.701 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 209.644.308.313 | 202.305.584.199 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng | 134 | 8 | 272.484.692.839 | 259.634.990.533 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 135 | 9 | 265.938.583.078 | 368.964.010.051 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 10 | (181.027.027.206) | (104.561.298.964) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 2.699.508.806.652 | 3.275.849.800.433 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.710.301.221.144 | 3.294.682.950.896 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (10.792.414.492) | (18.833.150.463) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 773.383.473.717 | 551.384.429.000 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 114.201.682.230 | 81.837.721.116 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 621.883.774.582 | 405.237.862.119 |
| 3. Các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 14.373.755.379 | 38.095.433.386 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 22.924.261.526 | 26.213.412.379 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269) | 200 | | 3.979.712.411.237 | 3.570.358.291.380 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.434.084.775 | 1.028.639.950 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | | 1.434.084.775 | 1.028.639.950 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.617.661.929.811 | 2.150.890.020.172 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 1.806.909.797.593 | 1.458.878.278.435 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.396.114.230.189 | 2.715.424.230.866 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.589.204.432.596) | (1.256.545.952.431) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 12 | 645.973.398 | 595.836.958 |
| - Nguyên giá | 225 | | 1.172.124.293 | 965.721.579 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (526.150.895) | (369.884.621) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 269.109.800.119 | 268.330.648.339 |
| - Nguyên giá | 228 | | 432.866.818.574 | 390.244.795.346 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (163.757.018.455) | (121.914.147.007) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 15 | 540.996.358.701 | 423.085.256.440 |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 696.285.615.938 | 865.424.033.772 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 17 | 210.440.925.092 | 212.185.131.510 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 18 | 663.357.798.632 | 672.534.221.546 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (177.513.107.786) | (19.295.319.284) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 447.964.419.930 | 336.649.236.703 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 19 | 330.699.555.321 | 225.343.888.201 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 20 | 74.743.219.962 | 73.225.086.409 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 42.521.644.647 | 38.080.262.093 |
| V. Lợi thế thương mại | 269 | | 216.366.360.783 | 216.366.360.783 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 14.209.182.622.439 | 14.943.086.539.425 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 7.114.920.592.482 | 8.717.275.015.362 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 6.819.506.261.500 | 8.475.464.627.022 |
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | 21 | 2.859.683.974.981 | 4.674.454.686.852 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 1.809.370.535.796 | 1.338.827.517.569 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 345.908.138.944 | 335.440.515.687 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 22 | 297.344.146.695 | 337.468.389.390 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 310.779.284.729 | 342.051.528.648 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 234.919.624.218 | 196.519.022.047 |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng | 318 | | 6.475.957.808 | 16.886.638.003 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 23 | 299.917.617.141 | 708.436.527.483 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | 24 | 24.077.425.262 | 24.125.222.347 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 234.719.440.517 | 194.122.831.946 |
| 11. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 396.310.115.409 | 307.131.747.050 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 295.414.330.982 | 241.810.388.340 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 271.774.167.660 | 196.674.666.730 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 25 | 21.804.643.161 | 274.583.554 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | 1.848.413.023 |
| 4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | 24 | - | 1.482.292.216 |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | 24 | 59.711.127 | 557.179.639 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | 7.629.691.000 |
| 7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 1.775.809.034 | 33.343.562.178 |
| B. NGUỒN VỐN (400=410+430) | 400 | | 6.181.762.066.438 | 5.521.004.779.653 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 26 | 6.179.012.066.438 | 5.518.254.779.653 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 2.738.488.330.000 | 2.160.826.760.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 49.465.703.201 | 49.546.879.484 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (794.340.000) | (513.440.000) |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 27.959.758.134 | 19.393.997.526 |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 67.103.009.261 | 103.009.261 |
| 6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 418 | | 115.477.144.855 | 115.476.089.217 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 3.181.312.460.987 | 3.173.421.484.165 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 2.750.000.000 | 2.750.000.000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | 2.750.000.000 | 2.750.000.000 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 912.499.963.519 | 704.806.744.410 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | 440 | | 14.209.182.622.439 | 14.943.086.539.425 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|--------|-----------------|----------------|
| 1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | VND | 290.313.116.536 | 59.745.411.090 |
| 2. Ngoại tệ các loại: | | | |
| - Đô la Mỹ | USD | 8.563.817 | 20.870.989 |
| - Đồng Euro | EUR | 315.931 | 500.456 |
| - Yên Nhật | JPY | 396.237.119 | 339.811.095 |
| - Đô la Singapore | SGD | 28.568 | 1.471.733 |

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 3 năm 2013

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

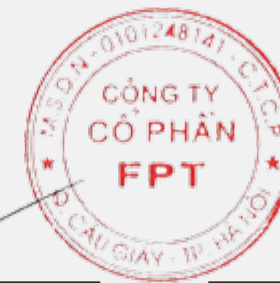
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2012 | 2011 |
|---|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 24.624.085.073.577 | 25.397.759.809.554 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 29.781.279.167 | 27.512.943.153 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 27 | 24.594.303.794.410 | 25.370.246.866.401 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 28 | 19.902.158.833.281 | 20.412.099.286.524 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 4.692.144.961.129 | 4.958.147.579.877 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 636.518.017.402 | 552.057.804.065 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 31 | 549.888.372.973 | 693.757.749.103 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 228.658.640.864 | 249.500.890.165 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 857.892.994.946 | 793.284.728.364 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.602.676.357.135 | 1.603.154.839.368 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 2.318.205.253.477 | 2.420.008.067.107 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 32 | 167.744.037.808 | 104.920.544.425 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 33 | 112.050.540.397 | 58.923.327.122 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 55.693.497.411 | 45.997.217.303 |
| 14. Lợi nhuận từ công ty liên kết | 45 | | 32.661.858.396 | 35.537.691.711 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45) | 50 | | 2.406.560.609.284 | 2.501.542.976.121 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 34 | 424.440.322.537 | 418.067.272.905 |
| 17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | (3.366.546.576) | 4.327.973.530 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 1.985.486.833.323 | 2.079.147.729.686 |
| 18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61 | | 445.159.932.992 | 397.329.534.986 |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | 1.540.326.900.331 | 1.681.818.194.700 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 35 | 5.665 | 6.276 |

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 3 năm 2013

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.406.560.609.284 | 2.501.542.976.121 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 399.559.790.020 | 375.956.684.154 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 242.249.402.527 | 59.937.938.863 |
| - (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết | | (23.922.459.582) | (25.369.852.877) |
| - Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 04 | 8.565.760.608 | 409.467.514 |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (606.148.184.382) | (300.560.951.351) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 228.658.640.864 | 249.500.890.165 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 2.655.523.559.339 | 2.861.417.152.589 |
| - Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 105.223.933.857 | (290.780.558.057) |
| - Thay đổi hàng tồn kho | 10 | 584.381.729.752 | (834.229.232.855) |
| - Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (114.770.681.926) | 974.370.578.362 |
| - Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (137.719.628.234) | (79.826.956.983) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (248.983.168.244) | (220.209.220.032) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (417.395.313.328) | (401.260.017.116) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (15.921.782.216) | (162.897.462.490) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 2.410.338.649.000 | 1.846.584.283.418 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (716.454.374.091) | (465.352.162.753) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 8.122.583.128 | 12.944.087.088 |
| 3. Tiền thu/(chi) cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác | 23, 24 | 183.970.079.398 | (295.705.297.188) |
| 4. Tiền thu/(chi) đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25, 26 | 9.176.422.914 | 804.592.238.800 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 261.792.472.258 | 50.537.846.873 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (253.392.816.393) | 107.016.712.820 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|-----------|----------------------------|--------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | 37.628.990.000 | 27.716.100.000 |
| 2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con | | 2.375.180.000 | 6.511.460.000 |
| 3. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành | 32 | 1.179.060.000 | 8.249.100.000 |
| 4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 10.415.676.735.351 | 11.504.198.543.665 |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (12.208.917.387.615) | (11.305.754.272.430) |
| 6. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (988.356.211.535) | (728.266.869.721) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.740.413.633.799) | (487.345.938.486) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (583.467.801.192) | 1.466.255.057.752 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 2.902.382.823.282 | 1.436.127.765.530 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 2.318.915.022.090 | 2.902.382.823.282 |



Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu



Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần FPT có 11 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ;
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 11 tháng 10 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.738.488.330.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14.912 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11.936 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu: (i) Dịch vụ phát triển phần mềm gồm gia công xuất khẩu phần mềm, cung cấp giải pháp, dịch vụ phần mềm và hệ thống quản trị nguồn lực ERP; (ii) Tích hợp hệ thống; (iii) Dịch vụ tin học gồm dịch vụ quản trị hệ thống, dịch vụ BPO, dịch vụ Data center v.v...; (iv) Dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ internet và các dịch vụ giá trị gia tăng; (v) Dịch vụ nội dung số gồm các dịch vụ quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến v.v...; (vi) Dịch vụ đào tạo ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học; (vii) Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2012 (Số năm) |
|--------------------------|------------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 25 |
| Phương tiện vận tải | 3 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 |
| Tài sản khác | 3 - 25 |

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng hai năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần sau thuế của các đơn vị thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- **Viễn thông:** Bao gồm các dịch vụ internet cá nhân và hộ gia đình, dịch vụ internet cho doanh nghiệp như cho thuê kênh riêng (internet leased line), viễn thông trong nước, viễn thông quốc tế, tên miền, hosting, cổng dữ liệu Web. IPTV...;
- **Nội dung số:** Bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân như hệ thống báo điện tử (VnExpress.net, Ngoisao.net, iOne.net, PCWorld.com.vn, Gamethu.vn v.v...); quảng cáo trực tuyến; hệ thống mạng quảng cáo (AdNetwork), trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v...;
- **Phát triển phần mềm:** Bao gồm các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
- **Tích hợp hệ thống:** Cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v...;
- **Dịch vụ tin học:** Cung cấp dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân – Doanh nghiệp – Chính phủ, điện toán đám mây (cloud computing), chứng thực chữ ký số, bảo mật, bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- **Giáo dục:** Bao gồm dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học;
- **Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ:** Bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT.

Đầu tư: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

2012

Đơn vị: Triệu VND

| Chi tiêu | Tin học và viễn thông | | | | | | | Loại trừ | Tổng cộng |
|--|-----------------------|------------------|---------------------|-------------------|-----------------|----------------|--|------------------|--------------------|
| | Viện thông | Nội dung số | Phát triển phần mềm | Tích hợp hệ thống | Dịch vụ tin học | Giáo dục | Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ | | |
| Doanh thu theo bộ phận | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 2.738.920 | 1.805.122 | 2.262.213 | 2.829.509 | 642.114 | 484.654 | 13.831.752 | 20 | 24.594.304 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | 11.532 | 7.209 | 77.621 | 89.835 | 37.903 | 23.245 | 505.178 | 213.267 | (965.790) |
| Tổng doanh thu theo bộ phận | 2.750.452 | 1.812.331 | 2.339.834 | 2.919.344 | 680.017 | 507.899 | 14.336.930 | 213.287 | 24.594.304 |
| Chi phí theo bộ phận | | | | | | | | | |
| Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận | (2.097.721) | (1.621.904) | (1.864.102) | (2.582.218) | (597.155) | (369.302) | (13.894.841) | (315.294) | 979.810 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận | 652.731 | 190.427 | 475.733 | 337.126 | 82.862 | 138.597 | 442.089 | (102.008) | 14.020 |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | (284.670) | (55.038) | (105.913) | (53.343) | (11.427) | (33.045) | (19.601) | (34.873) | 13.541 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định | 692.931 | 82.594 | 161.708 | 114.476 | 22.505 | 106.930 | 46.186 | 31.411 | (45.950) |
| Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận | 691.392 | 203.066 | 495.749 | 321.764 | 98.116 | 146.185 | 397.461 | 1.719.323 | (1.666.495) |
| Tài sản bộ phận | 2.313.800 | 407.886 | 1.877.379 | 1.872.631 | 601.526 | 484.036 | 4.647.717 | 2.408.666 | (404.458) |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.028.710 | 108.939 | 792.041 | 1.277.633 | 276.763 | 166.419 | 3.624.741 | 615.642 | (775.969) |

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

2011

Đơn vị: Triệu VND

| Chi tiêu | Tin học và viễn thông | | | | | | | Loại trừ | Tổng cộng |
|--|-----------------------|------------------|---------------------|-------------------|-----------------|----------------|--|-----------------|-------------------|
| | Viện thông | Nội dung số | Phát triển phần mềm | Tích hợp hệ thống | Dịch vụ tin học | Giáo dục | Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ | | |
| Doanh thu theo bộ phận | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 2.348.551 | 1.129.204 | 1.792.404 | 3.197.098 | 493.150 | 376.950 | 15.951.857 | 81.033 | 25.370.247 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | 8.717 | 2.810 | 88.242 | 99.519 | 28.551 | 21.375 | 357.140 | 482.858 | (1.089.212) |
| Tổng doanh thu theo bộ phận | 2.357.268 | 1.132.014 | 1.880.646 | 3.296.617 | 521.701 | 398.325 | 16.308.997 | 563.891 | 25.370.247 |
| Chi phí theo bộ phận | | | | | | | | | |
| Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận | (1.838.719) | (900.561) | (1.479.744) | (2.849.450) | (441.868) | (285.566) | (15.483.461) | (618.382) | 1.089.212 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận | 518.549 | 231.453 | 400.902 | 447.167 | 79.833 | 112.759 | 825.536 | (54.491) | 2.561.708 |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | (301.840) | (32.999) | (101.495) | (37.433) | (5.880) | (25.259) | (14.253) | (39.301) | 1.875 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định | 246.818 | 69.190 | 282.305 | 56.940 | 7.961 | 138.551 | 49.627 | 222.272 | (231.435) |
| Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận | 550.371 | 250.369 | 498.378 | 395.533 | 57.514 | 134.375 | 520.675 | 639.950 | (545.622) |
| Tài sản bộ phận | 2.449.102 | 383.766 | 1.508.134 | 2.443.772 | 378.508 | 460.764 | 4.984.243 | 3.095.903 | (761.106) |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.485.181 | 182.386 | 441.108 | 1.486.361 | 245.910 | 173.466 | 4.105.549 | 1.685.114 | (1.087.800) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 18.326.650.282 | 17.178.562.538 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.428.936.141.277 | 1.479.564.646.864 |
| Tiền đang chuyển | 1.311.000.000 | 1.395.000.000 |
| Các khoản tương đương tiền | 870.341.230.531 | 1.404.244.613.880 |
| | 2.318.915.022.090 | 2.902.382.823.282 |

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 386.531.398.316 | 233.525.975.900 |
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 22.413.099.520 | 232.525.601.334 |
| Các khoản ủy thác đầu tư khác | 268.682.891.576 | 395.545.891.576 |
| Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (15.606.621.754) | - |
| | 662.020.767.658 | 861.597.468.810 |

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hợp đồng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế | 1.302.986.970.885 | 1.330.384.508.722 |
| Trừ: Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng | (1.030.502.278.046) | (1.070.749.518.189) |
| | 272.484.692.839 | 259.634.990.533 |

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì | 120.285.553.202 | 117.681.050.907 |
| Các khoản phải thu khác | 145.653.029.876 | 251.282.959.144 |
| | 265.938.583.078 | 368.964.010.051 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày 01/01 | 104.561.298.964 | 58.527.272.485 |
| Tăng dự phòng trong năm | 96.538.424.528 | 58.708.968.951 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (938.509.500) | (1.690.875.320) |
| Hoàn nhập | (19.134.186.786) | (10.984.067.152) |
| Tại ngày 31/12 | 181.027.027.206 | 104.561.298.964 |

11. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 642.365.391.071 | 456.781.820.611 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.686.678.483 | 6.053.316.177 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 272.266.902.151 | 594.325.087.982 |
| Hàng hoá | 1.786.982.249.439 | 2.235.244.585.046 |
| Hàng gửi đi bán | - | 2.278.141.080 |
| Cộng | 2.710.301.221.144 | 3.294.682.950.896 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (10.792.414.492) | (18.833.150.463) |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 2.699.508.806.652 | 3.275.849.800.433 |

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Dụng cụ văn phòng | Cộng |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| NGUYỄN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 965.721.579 | 965.721.579 |
| Tăng trong năm | 206.402.714 | 206.402.714 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 1.172.124.293 | 1.172.124.293 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 369.884.621 | 369.884.621 |
| Khấu hao trong năm | 156.266.274 | 156.266.274 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 526.150.895 | 526.150.895 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 645.973.398 | 645.973.398 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 595.836.958 | 595.836.958 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản khác | Tổng |
|-------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|----------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 501.437.134.783 | 1.353.670.875.669 | 62.113.149.071 | 783.367.122.426 | 14.835.948.917 | 2.715.424.230.866 |
| Tăng do mua sắm | 16.405.662.214 | 454.525.910.834 | 1.508.882.462 | 107.068.270.462 | 2.516.626.141 | 582.025.352.113 |
| Tăng do XDCB hoàn thành | 131.188.865.221 | - | - | - | - | 131.188.865.221 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.034.024.236) | (13.974.380.661) | (1.128.163.559) | (15.775.866.455) | (39.052.991) | (31.951.487.902) |
| Tăng/(Giảm) khác | - | 271.054.990 | (91.520.000) | (752.265.099) | - | (572.730.109) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 647.997.637.982 | 1.794.493.460.832 | 62.402.347.974 | 873.907.261.334 | 17.313.522.067 | 3.396.114.230.189 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 51.811.205.038 | 663.210.073.844 | 27.334.586.781 | 510.910.181.346 | 3.279.905.422 | 1.256.545.952.431 |
| Khấu hao trong năm | 26.943.015.770 | 214.481.185.470 | 5.089.864.357 | 106.713.924.299 | 4.167.469.139 | 357.395.459.035 |
| Thanh lý, nhượng bán | (609.815.968) | (9.519.350.715) | (1.111.896.513) | (13.758.983.789) | (29.640.607) | (25.029.687.592) |
| Tăng/(Giảm) khác | - | 85.506.216 | (5.626.227) | 212.828.733 | - | 292.708.722 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 78.144.404.840 | 868.257.414.815 | 31.306.928.398 | 604.077.950.589 | 7.417.733.954 | 1.589.204.432.596 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 569.853.233.142 | 926.236.046.017 | 31.095.419.576 | 269.829.310.745 | 9.895.788.113 | 1.806.909.797.593 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 449.625.929.745 | 690.460.801.825 | 34.778.562.290 | 272.456.941.080 | 11.556.043.495 | 1.458.878.278.435 |

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là khoảng 756.908 triệu đồng (tại ngày 31/12/2011 là khoảng 525.779 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm vi tính | Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền | Cộng |
|-------------------------------|-------------------|------------------|---|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 45.945.374.650 | 133.053.328.836 | 211.246.091.860 | 390.244.795.346 |
| Mua trong năm | - | 29.424.504.132 | 12.840.050.209 | 42.264.554.341 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (66.228.869) | - | (66.228.869) |
| Tăng/(Giảm) khác | - | 478.500.475 | (54.802.719) | 423.697.756 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 45.945.374.650 | 162.890.104.574 | 224.031.339.350 | 432.866.818.574 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 1.055.693.099 | 70.665.953.298 | 50.192.500.610 | 121.914.147.007 |
| Khấu hao trong năm | 626.756.115 | 22.423.627.122 | 18.957.681.474 | 42.008.064.711 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (32.776.952) | - | (32.776.952) |
| Tăng/(Giảm) khác | - | 36.329.666 | (168.745.977) | (132.416.311) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 1.682.449.214 | 93.093.133.134 | 68.981.436.107 | 163.757.018.455 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 44.262.925.436 | 69.796.971.440 | 155.049.903.243 | 269.109.800.119 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 44.889.681.551 | 62.387.375.538 | 161.053.591.250 | 268.330.648.339 |

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 2012 | 2011 |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 423.085.256.440 | 322.496.474.075 |
| Tăng trong năm | 285.779.963.069 | 254.780.397.132 |
| Kết chuyển sang Tài sản cố định | (131.188.865.221) | (114.647.156.469) |
| Giảm khác | (36.679.995.587) | (39.544.458.298) |
| Số dư cuối năm | 540.996.358.701 | 423.085.256.440 |

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|-------------------------------------|--|-------------------|------------------------|--|
| Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT | 101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 100% | 100% | Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ EPR, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống |
| Công ty TNHH Phần mềm FPT | Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | 100% | 100% | Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm |
| Công ty TNHH Thương mại FPT | Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | 100% | 100% | Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính |
| Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i) | Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | 42,51% | 42,51% | Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác |
| Công ty TNHH Giáo dục FPT | Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | 100% | 100% | Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|---|--|-------------------|------------------------|--|
| Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT | Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội | 100% | 100% | Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT | 408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh | 48,76% | 81,01% | Cung cấp các dịch vụ trực tuyến |
| Công ty TNHH Đầu tư FPT | Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội | 100% | 100% | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính) |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT | Số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh | 96,05% | 96,05% | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông |
| Công ty TNHH Tháp Láng Hạ | Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội | 99,15% | 99,90% | Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản |
| Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii) | Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | 100% | 100% | Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42,51%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42,51%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Ngày 8 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 212.185.131.510 | 714.707.561.179 |
| Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết | - | (7.764.000.000) |
| Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết | 23.922.459.582 | 25.369.852.877 |
| Cổ tức nhận được | (25.666.666.000) | (32.770.713.500) |
| Phân loại lại | - | (487.357.569.046) |
| Số dư cuối năm | 210.440.925.092 | 212.185.131.510 |

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|--|--|---|---|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT | Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội | 20% | Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT | Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội | 25% | Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ủy thác đầu tư | 85.800.000.000 | 97.200.000.000 |
| Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Quỹ Đầu tư Việt Nhật | 44.870.000.000 | 44.870.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 487.357.569.046 | 487.357.569.046 |
| Khác | 15.330.229.586 | 13.106.652.500 |
| | 663.357.798.632 | 672.534.221.546 |

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 225.343.888.201 | 154.930.449.508 |
| Tăng trong năm | 302.517.379.610 | 257.269.099.062 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (184.809.109.864) | (108.627.533.099) |
| Giảm khác | (12.352.602.626) | (6.228.127.270) |
| Số dư cuối năm | 303.699.555.321 | 225.343.888.201 |

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

| | Tài sản cố định | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | Doanh thu | Tổng |
|--|-----------------------|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2012 | 23.417.156.620 | 4.109.749.376 | 45.698.180.413 | 73.225.086.409 |
| Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm | (1.072.854.080) | (3.106.030.894) | 5.697.018.527 | 1.518.133.553 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 22.344.302.540 | 1.003.718.482 | 51.395.198.940 | 74.743.219.962 |

21. VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i) | 2.853.228.033.722 | 2.866.580.345.781 |
| Trái phiếu đến kỳ đáo hạn (ii) | - | 1.800.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 6.455.941.259 | 7.874.341.071 |
| | 2.859.683.974.981 | 4.674.454.686.852 |

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 09 tháng 10 năm 2011, ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngày 09 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 09 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo của Hội đồng Quản trị, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi từ ngày 01 tháng 6 năm 2012; theo đó, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 16,654 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

Lô trái phiếu này đã đáo hạn vào ngày 09 tháng 10 năm 2012 và đã được Tập đoàn thanh toán toàn bộ cho Trái chủ. Theo Thông báo số 2962-2012/FPTS/FCF ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, không có người sở hữu Chứng quyền FPT nào thực hiện Chứng quyền trong năm 2012. Ngày 09 tháng 10 năm 2013 sẽ là Ngày thực hiện Chứng quyền lần cuối cùng.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 162.502.792.306 | 148.207.172.827 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 1.800.036.885 | 26.284.892.789 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 118.435.015.346 | 147.235.910.710 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.001.563.990 | 12.838.217.700 |
| Thuế nhà thầu | 2.189.828.272 | 2.377.546.595 |
| Thuế khác | 414.909.896 | 524.648.769 |
| | 297.344.146.695 | 337.468.389.390 |

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 20.582.097.020 | 15.863.092.255 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 5.749.311.010 | 2.072.773.155 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i) | 191.629.327.953 | 277.446.868.652 |
| Phải trả tiền cổ tức | 9.535.516.831 | 240.809.087.366 |
| Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp | 51.299.424.341 | 121.176.704.963 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 21.121.939.986 | 51.068.001.092 |
| | 299.917.617.141 | 708.436.527.483 |

(i) Thể hiện giá trị khoản nhận đặt cọc để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm | Trợ cấp mất việc làm | Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay | Tổng cộng |
|--------------------------------------|-------------------------------|----------------------|---|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2012 | 24.125.222.347 | 1.482.292.216 | 557.179.639 | 26.164.694.202 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 52.093.121.969 | 847.975.075 | - | 52.941.097.044 |
| Hoàn nhập dự phòng | (12.559.297.148) | (1.614.626.291) | - | (14.173.923.439) |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (39.581.621.906) | (715.641.000) | (497.468.512) | (40.794.731.418) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 24.077.425.262 | - | 59.711.127 | 24.137.136.389 |

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (i) | 21.490.812.442 | - |
| Khác | 313.830.719 | 274.583.554 |
| | 21.804.643.161 | 274.583.554 |

(i) Phản ánh khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng thương mại số HN/2012/001/TTTD ngày 05 tháng 12 năm 2012 với tổng hạn mức là 100 tỷ VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
|------------------------------------|-------------------|----------------------|---------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-----|
| | Vốn điều lệ | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng | |
| Số dư tại ngày 01/01/2011 | 1.934.805.170.000 | 60.012.320.245 | (692.150.000) | 17.276.091.131 | 103.009.261 | 112.945.897.606 | 1.856.200.376.305 | 3.980.650.714.548 | |
| Phát hành cổ phiếu | 27.716.100.000 | - | - | - | - | - | - | 27.716.100.000 | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 1.681.818.194.700 | 1.681.818.194.700 | |
| Biến động cổ phiếu quỹ | - | - | 178.710.000 | - | - | - | - | 178.710.000 | |
| Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu | 198.305.490.000 | - | - | - | - | - | - | 198.305.490.000 | |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận | - | - | - | - | - | 314.758.762 | (314.758.762) | - | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (163.651.983.808) | (163.651.983.808) | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | (312.754.321.500) | (312.754.321.500) | |
| Biến động do hoán đổi cổ phiếu | - | (10.465.440.761) | - | 2.117.906.395 | - | 2.215.432.849 | 111.853.466.096 | 105.721.364.579 | |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | - | 270.511.134 | 270.511.134 | |
| Số dư tại ngày 01/01/2012 | 2.160.826.760.000 | 49.546.879.484 | (513.440.000) | 19.393.997.526 | 103.009.261 | 115.476.089.217 | 3.173.421.484.165 | 5.518.254.779.653 | |
| Phát hành cổ phiếu | 37.628.990.000 | - | - | - | - | - | - | 37.628.990.000 | |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 540.032.580.000 | - | - | - | - | - | (540.032.580.000) | - | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | (280.900.000) | - | - | - | 1.540.326.900.331 | 1.540.326.900.331 | |
| Biến động cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | 1.055.638 | (67.001.055.638) | - | |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (l) | - | - | - | - | - | - | (161.943.559.274) | (161.943.559.274) | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (763.580.584.000) | (763.580.584.000) | |
| Chia cổ tức | - | (81.176.283) | - | 8.565.760.608 | - | - | 121.855.403 | 8.606.439.728 | |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Số dư tại ngày 31/12/2012 | 2.738.488.330.000 | 49.465.703.201 | (794.340.000) | 27.959.758.134 | 67.103.009.261 | 115.477.144.855 | 3.181.312.460.987 | 6.179.012.066.438 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(i) Trích lập Quỹ đầu tư và phát triển 67 tỷ đồng tại Công ty TNHH Giáo dục FPT (một công ty con của Tập đoàn FPT) theo Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Cổ tức

Ngày 14 tháng 4 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2011 là 25% trên mệnh giá và trả cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 10% trên mệnh giá.

Theo Nghị quyết số 01.08-2012/NQ-HĐQT-FPT ngày 09 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 10% trên mệnh giá. Theo Nghị quyết số 01.11-2012/NQ-HĐQT-FPT ngày 6 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 10% trên mệnh giá.

Số cổ phiếu đang lưu hành

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Số lượng cổ phiếu |
| Cổ phiếu được duyệt | 273.848.833 | 216.082.676 |
| Cổ phiếu đã phát hành | 273.848.833 | 216.082.676 |
| Cổ phiếu phổ thông | 272.389.802 | 215.202.175 |
| Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu | 1.459.031 | 880.501 |
| Cổ phiếu quỹ | (79.434) | (51.344) |
| Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu | (79.434) | (51.344) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 273.769.399 | 216.031.332 |
| Cổ phiếu phổ thông | 272.389.802 | 215.202.175 |
| Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu | 1.379.597 | 829.157 |

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2012 | 2011 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.624.085.073.577 | 25.397.759.809.554 |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm | 17.833.636.759.908 | 19.262.823.223.549 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.790.448.313.669 | 6.134.936.586.005 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 29.781.279.167 | 27.512.943.153 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 24.594.303.794.410 | 25.370.246.866.401 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

| | 2012 | 2011 |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba | 24.594.303.794.410 | 25.370.246.866.401 |
| Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn | 755.726.635.851 | 608.190.727.876 |
| Tổng doanh thu kinh doanh | 25.350.030.430.261 | 25.978.437.594.277 |

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2012 | 2011 |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 16.274.136.004.026 | 17.104.554.370.130 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 3.636.253.008.269 | 3.300.573.558.375 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (8.230.179.014) | 6.971.358.019 |
| | 19.902.158.833.281 | 20.412.099.286.524 |

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2012 | 2011 |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí giá vốn hàng mua | 14.734.541.699.905 | 15.414.410.768.148 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 1.709.617.686.882 | 2.346.093.774.680 |
| Chi phí nhân công | 1.979.275.525.287 | 2.093.639.161.434 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 606.566.694.688 | 615.413.272.597 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.541.711.177.376 | 2.394.308.856.253 |
| Chi phí khác | 468.957.215.393 | 578.061.960.616 |
| | 22.040.669.999.531 | 23.441.927.793.728 |

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu | 315.093.951.997 | 375.684.043.200 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 110.898.421.405 | 127.488.309.279 |
| Doanh thu tài chính khác | 210.525.644.000 | 48.885.451.586 |
| | 636.518.017.402 | 552.057.804.065 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 228.658.640.864 | 249.500.890.165 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 76.795.683.189 | 390.510.291.591 |
| Chi phí hoạt động tài chính khác | 244.434.048.920 | 53.746.567.347 |
| | 549.888.372.973 | 693.757.749.103 |

32. THU NHẬP KHÁC

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 9.599.884.412 | 29.906.545.877 |
| Nợ khó đòi đã thu hồi | 3.796.904.610 | - |
| Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được | 16.554.983.868 | 20.461.232.952 |
| Các thu nhập khác | 137.792.264.918 | 54.552.765.596 |
| | 167.744.037.808 | 104.920.544.425 |

33. CHI PHÍ KHÁC

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | 6.955.252.227 | 19.181.452.433 |
| Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng | 21.806.365.755 | 2.021.945.244 |
| Chi thực hiện chương trình quảng cáo cho nhà cung cấp | - | 1.621.839.485 |
| Chi phí khác | 83.288.922.415 | 36.098.089.960 |
| | 112.050.540.397 | 58.923.327.122 |

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | |
| Năm hiện tại | 415.700.923.721 | 405.241.895.948 |
| Phần thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận từ các công ty liên kết | 8.739.398.816 | 12.825.376.957 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 424.440.322.537 | 418.067.272.905 |
| Thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời | (3.366.546.576) | 4.327.973.530 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 421.073.775.961 | 422.395.246.435 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 2.406.560.609.284 | 2.501.542.976.121 |
| Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành | 512.514.727.393 | 621.861.572.128 |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con | (34.334.267.568) | (26.479.629.066) |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài | 6.470.202.245 | (652.040.464) |
| Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế | 12.768.059.736 | 5.815.080.211 |
| Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế | (77.440.956.015) | (185.869.681.507) |
| Các ảnh hưởng khác | 1.096.010.170 | 7.719.945.133 |
| | 421.073.775.961 | 422.395.246.435 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ còn lại đã cung cấp.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.540.326.900.331 | 1.681.818.194.700 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân | 271.904.099 | 267.961.137 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5.665 | 6.276 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) | 5.665 | 6.276 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 2.084.400 chứng quyền được phát hành kèm theo lô trái phiếu 1.800 tỷ VND. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 09 tháng 10 năm 2011, ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngày 09 tháng 10 năm 2013 (xem thêm Thuyết minh số 21).

Vì chứng quyền chỉ chịu tác động suy giảm khi giá thị trường bình quân của cổ phiếu phổ thông trong kỳ lớn hơn giá thực hiện chứng quyền nên các chứng quyền này được xác định không làm suy giảm lãi trên cổ phiếu của đơn vị. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

| | 2012 | 2011 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Số lượng cổ phiếu |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 216.031.332 | 193.411.302 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm | 55.884.708 | 20.523.452 |
| Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm | (11.941) | 23.125 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm | 271.904.099 | 213.957.879 |

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2011 như sau:

| | Số cổ phiếu bình quân gia quyền cổ phiếu | Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND |
|--|--|------------------------------------|
| Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 | 213.957.879 | 7.861 |
| Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành vào ngày 25 tháng 5 năm 2012 | 54.003.258 | (1.585) |
| Số đã điều chỉnh lại | 267.961.137 | 6.276 |

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 25 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 2.881.488.618.142 | 4.674.729.270.406 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.318.915.022.090 | 2.902.382.823.282 |
| Nợ thuần | 562.573.596.052 | 1.772.346.447.124 |
| Vốn chủ sở hữu | 6.181.762.066.438 | 5.521.004.779.653 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 0,09 | 0,32 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.318.915.022.090 | 2.902.382.823.282 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.294.947.224.708 | 3.320.601.791.738 |
| Đầu tư ngắn hạn | 662.020.767.658 | 861.597.468.810 |
| Đầu tư dài hạn | 485.844.690.846 | 653.238.902.262 |
| Tài sản tài chính khác | 337.930.599.012 | 323.928.665.005 |
| Tổng cộng | 7.099.658.304.314 | 8.061.749.651.097 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 2.881.488.618.142 | 4.674.729.270.406 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.381.062.320.597 | 2.243.938.711.782 |
| Chi phí phải trả | 234.919.624.218 | 196.519.022.047 |
| Công nợ tài chính khác | 6.475.957.808 | 16.886.638.003 |
| Tổng cộng | 5.503.946.520.765 | 7.132.073.642.238 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Tập đoàn không áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì chưa có hướng dẫn cụ thể. Thay vào đó, Tập đoàn đang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng" và các quy định hiện hành để đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Dù đặc điểm của thị trường hàng công nghệ là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá bán hàng, Tập đoàn cũng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách theo dõi sát biến động của các nhân tố chính tác động lên tỷ giá cũng như tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn và các biện pháp bảo hiểm tự nhiên như neo tỷ giá bán ra, thu tiền trước và các biện pháp bảo hiểm khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Tập đoàn cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn luôn chú trọng đến hoạt động kiểm hàng tồn, đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ được cập nhật liên tục về năng lực tài chính của khách hàng một cách có hệ thống theo thời gian, kết hợp với đánh giá của các tổ chức tài chính trung gian làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Ngoài ra, phần lớn các khách hàng khi được Tập đoàn cấp tín dụng đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Tập đoàn thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ, bao gồm: Phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Tập đoàn cũng đồng thời mua bảo hiểm công nợ phải thu nhằm hạn chế những rủi ro không lường trước với chi phí hợp lý.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát, tương ứng dòng tiền mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.318.915.022.090 | - | 2.318.915.022.090 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.293.513.139.933 | 1.434.084.775 | 3.294.947.224.708 |
| Đầu tư ngắn hạn | 662.020.767.658 | - | 662.020.767.658 |
| Đầu tư dài hạn | - | 485.844.690.846 | 485.844.690.846 |
| Tài sản tài chính khác | 295.408.954.365 | 42.521.644.647 | 337.930.599.012 |
| Tổng cộng | 6.569.857.884.046 | 529.800.420.268 | 7.099.658.304.314 |
| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 2.859.683.974.981 | 21.804.643.161 | 2.881.488.618.142 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.109.288.152.937 | 271.774.167.660 | 2.381.062.320.597 |
| Chi phí phải trả | 234.919.624.218 | - | 234.919.624.218 |
| Công nợ tài chính khác | 6.475.957.808 | - | 6.475.957.808 |
| Tổng cộng | 5.210.367.709.944 | 293.578.810.821 | 5.503.946.520.765 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 1.359.490.174.102 | 236.221.609.447 | 1.595.711.783.549 |
| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.902.382.823.282 | - | 2.902.382.823.282 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.319.573.151.788 | 1.028.639.950 | 3.320.601.791.738 |
| Đầu tư ngắn hạn | 861.597.468.810 | - | 861.597.468.810 |
| Đầu tư dài hạn | - | 653.238.902.262 | 653.238.902.262 |
| Tài sản tài chính khác | 285.848.402.912 | 38.080.262.093 | 323.928.665.005 |
| Tổng cộng | 7.369.401.846.792 | 692.347.804.305 | 8.061.749.651.097 |
| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 4.674.454.686.852 | 274.583.554 | 4.674.729.270.406 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.047.264.045.052 | 196.674.666.730 | 2.243.938.711.782 |
| Chi phí phải trả | 196.519.022.047 | - | 196.519.022.047 |
| Công nợ tài chính khác | 16.886.638.003 | - | 16.886.638.003 |
| Tổng cộng | 6.935.124.391.954 | 196.949.250.284 | 7.132.073.642.238 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 434.277.454.838 | 495.398.554.021 | 929.676.008.859 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2012 | 2011 |
|--|----------------|---------------|
| | VND | VND |
| Nhận cổ tức bằng tiền | | |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT | - | 1.925.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT | 25.666.666.000 | 5.500.000.000 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản ủy thác đầu tư và cho vay | | |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT | 354.482.891.576 | 472.745.891.576 |
| Công ty TNHH Đầu tư FC | 135.714.734.955 | 115.715.277.778 |
| Vốn góp | | |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT | 27.500.000.000 | 27.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 |

38. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 178.581.337.888 | 160.443.961.441 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 376.700.131.846 | 383.668.434.327 |
| Sau năm năm | 225.943.601.315 | 89.013.720.644 |
| | 781.225.071.049 | 633.126.116.412 |

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 02.02-2013/NQ-FPT-HĐQT ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT, Công ty đã thông qua chủ trương thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần FPT tại Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây trường Đại học FPT;
- Thông qua phương án góp vốn đầu tư giai đoạn 1 từ năm 2012 đến năm 2014 vào Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) với tổng số tiền là 250 tỷ VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp được 85 tỷ VND.

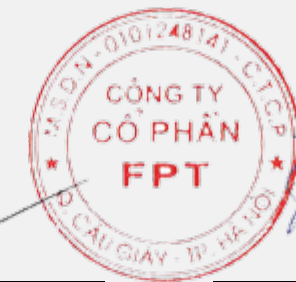
41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.


 Nguyễn Tiến Hào
 Người lập biểu


 Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 04 tháng 3 năm 2013

DANH BẠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 37689061
Website: www.fpt.com.vn

CHI NHÁNH FPT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3-4, tòa nhà FPT Thành phố Hồ Chí Minh,
153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP HCM
Điện thoại: +84 8 7300 7300
Fax: +84 8 7300 7388

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT (FPT INFORMATION SYSTEM)

Trụ sở chính: Tầng 20-22 : Tòa nhà văn phòng Keangnam,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3562 6000
Fax: +84 4 3562 4850
Website: www.fis.com.vn
Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT (FPT TRADING GROUP)

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Zodiac, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 6666
Fax: +84 4 7300 6668
Website: www.ftg.vn
Vốn điều lệ: 450.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT (FPT SOFTWARE)

Trụ sở chính: Tầng 6-12, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 9048
Fax: +84 4 3768 9049
Website: www.fpt-software.com
Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)

Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 2222
Fax: +84 4 7300 8889/3822 3111/3726 2163
Website: www.fpt.net – www.fpt.vn
Vốn điều lệ: 997.015.350.000 VNĐ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 173 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84 9 0344 1333

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710 3752 666
Fax: +84 0710 3752 555

CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC FPT (FPT EDUCATION)

Trụ sở chính: Tòa nhà DETECH, số 8 Tôn Thất Thuyết, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 7717 / 3768 8922
Fax: +84 4 3768 7718
Website: www.fpt.edu.vn
Vốn điều lệ: 170.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIN HỌC FPT (FPT SERVICE)

Trụ sở chính: Số 25, ngõ 68 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 0911
Fax: +84 4 3942 4866
Website: www.fpt.com.vn
Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT (FPT ONLINE)

Trụ sở chính: 408 Điện Biên Phủ, P11, Q10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 7300 9999
Fax: +84-8-8 3929 1758
Website: www.fptonline.net
Vốn điều lệ: 140.853.360.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT (FPT RETAIL)

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Zodiac, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: + 84 4 7300 6666
Fax: + 84 4 3795 9049
Website: fptshop.com.vn
Vốn điều lệ: 88.500.000.000 VNĐ

CÔNG TY ĐẦU TƯ FPT (FPT INVESTMENT)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 7410
Website: www.fpt.com.vn
Vốn điều lệ: 600.000.000.000 VNĐ

FPT TOÀN CẦU

SINGAPORE

Địa chỉ: 116 Middle Road, # 09-03 ICB Enterprise House, Singapore 188972
Điện thoại: 0065-6338-4353
Fax: 0065-6338-1987

NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tòa nhà Tokyo Tatemono Gotanda 8F,
Higashi Gotanda 1-6-3, Shinagawaku, Tokyo 141-0022
Điện thoại: 0081-3-5789 2536
Fax: 0081-3-5789 2537

Văn phòng tại OSAKA

Địa chỉ: Tòa nhà Chiyoda, East Tower 10F,
2-9-4 Higashi Tenma, Kitaku, Osa 530-0044, Nhật Bản
Điện thoại: 0081-6-6356-1005
Fax: 0081-6-6655-1166

MỸ

Địa chỉ: 177 Bovet Road, Suite 130, San Mateo, California, CA 94402
Điện thoại: 001-650-349-5000
Fax: 001-650-349-5005

Văn phòng tại NEW YORK

Địa chỉ: 1370 Broadway, tầng 7, New York, NY 10018
Điện thoại: 001-212-418-4793
Fax: 001-212-317-8666

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7,
92977 Paris La Defense, France
Điện thoại: 0033 (1) 7329 4749
Fax: 0033 (1) 7329 4500

AUSTRALIA

Địa chỉ: Tầng 39, số 2 Đường Park, NSW 2000, Sydney, Australia
Điện thoại: 0061-2-90047-160
Fax: 0061-2-90047-070

MALAYSIA

Địa chỉ: Suite 9.06, Tầng 9, the Gardens North Tower, Mid Valley City,
Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: 00603- 2287 8086
Fax: 00603-2287 7086

ĐỨC

Địa chỉ: Trung tâm kinh doanh, số 34 Phố Dornhorn,
số 63263 thành phố Nue-lsenburg, Đức
Tel : 0049 (0) 6102-812 534
Fax : 0049 (0) 6102-299 938

CAMPUCHIA

Địa chỉ: Số 47, Đường 306, phường Sangkat Boeung Keng Kang 1,
quận Chamka Norn, thủ đô Phnom Penh, Campuchia
Điện thoại: 00855 236 877 779
Fax : 00855 236 877 778

LÀO

Địa chỉ: Số 61 Unit 03, Phố Dongpalane, Quận Sisattanak,
Thủ đô Viêng Chăn, Lào
Điện thoại: 00856 309 800 386 – 00856 209 886 6868 (mobile)

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính:

Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 9061
Website: www.fpt.com.vn